

TĐĐT

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **509** /BC-CP

Hà Nội, ngày **18** tháng 10 năm 2018

**BÁO CÁO**

**Về tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14  
của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn  
lĩnh vực công thương**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C .....
	Ngày: ... 18/10/18 .....

Kính gửi:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Các vị đại biểu Quốc hội.

Thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 về chất vấn và trả lời chất vấn được Quốc hội khóa XIV, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 23 tháng 11 năm 2016 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 33/2016/QH14), Chính phủ đã chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao một cách đồng bộ, quyết liệt từ Trung ương đến địa phương.

Thực hiện yêu cầu, nội dung theo Kế hoạch số 258/KH-UBTVQH14 ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về triển khai nội dung giám sát của Quốc hội về xem xét việc thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn từ đầu nhiệm kỳ đến hết kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV, thay mặt Chính phủ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương xin báo cáo các vị Đại biểu Quốc hội về tình hình và kết quả thực hiện những nội dung nhiệm vụ theo nội dung được phân công tại Kế hoạch số 258/KH-UBTVQH14 nêu trên, cụ thể như sau:

**A. THÔNG TIN CHUNG**

Trong nhiệm kỳ, ngày 15 tháng 11 năm 2016, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã có phiên trả lời trực tiếp chất vấn Đại biểu Quốc hội tại Hội trường tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khóa XIV.

Tính đến hết Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XIV, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã nhận được 51 Phiếu chất vấn của Đại biểu Quốc hội. Về nội dung các chất vấn của Đại biểu Quốc hội gửi tới Bộ Công Thương, qua tổng hợp cho thấy tập trung vào các nhóm vấn đề chính gồm: cung cấp điện cho các khu vực nông thôn, hải đảo; đền bù, di dân, tái định cư các công trình thủy điện; điều chỉnh giá điện; năng lượng tái tạo, an toàn điện lưới và các nhóm khác như: tăng cường công tác quản lý thị trường; xuất nhập khẩu; an toàn thực phẩm; xử lý dự án kém hiệu quả; chất lượng hàng hóa.

Trong quá trình tiếp nhận và trả lời các chất vấn của Đại biểu Quốc hội, Bộ Công Thương đã khẩn trương, nghiêm túc nghiên cứu để trả lời trên tinh thần đi thẳng vào những vấn đề được hỏi, bảo đảm toàn bộ nội dung các chất vấn được nghiên cứu, trả lời theo đúng thời hạn yêu cầu để gửi tới Đại biểu và các Đoàn Đại biểu Quốc hội.

## **B. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 33/2016/QH14 VỀ CHẤT VẤN VÀ TRẢ LỜI CHẤT VẤN**

**I. Về rà soát, đánh giá tổng thể về thực trạng, mức độ thiệt hại, khẩn trương xử lý dứt điểm đối với các dự án thua lỗ, kém hiệu quả; xác định rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có sai phạm**

Nghị quyết số 33/2016/QH14 của kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV ngày 23 tháng 11 năm 2016 về chất vấn và trả lời chất vấn có giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ rà soát, đánh giá tổng thể về thực trạng, mức độ thiệt hại, khẩn trương xử lý dứt điểm đối với các dự án thua lỗ, kém hiệu quả trong ngành Công Thương. Để triển khai thực hiện nhiệm vụ này, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2551/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo), giao Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ làm Trưởng Ban Chỉ đạo, Bộ trưởng Bộ Công Thương làm Phó Trưởng Ban thường trực Ban Chỉ đạo.

Sau quá trình rà soát, đánh giá tổng thể tình hình ở các dự án, được sự đồng ý của Thường trực Chính phủ, ngày 26 tháng 5 năm 2017, Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương đã trình Bộ Chính trị tại Tờ trình số 01-TTr/BCSD báo cáo về tình hình và phương án xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương. Ngày 17 tháng 6 năm 2017, Bộ Chính trị đã họp để nghe, cho ý kiến đối với Báo cáo nêu trên và đã có Thông báo số 43-TB/VPTW ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Văn phòng Trung ương Đảng về ý kiến của Bộ Chính trị đối với xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương. Theo đó, Bộ Chính trị đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực, khẩn trương, quyết liệt của Ban Cán sự đảng Chính phủ, Ban Cán sự đảng Bộ Công Thương trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đồng thời xử lý các tồn tại, yếu kém đối với các dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương thời gian qua; đồng thời quán triệt mục tiêu, quan điểm của Bộ Chính trị trong xử lý các dự án, doanh nghiệp và giao trách nhiệm cho Ban Cán sự đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Công Thương và các Bộ ngành triển khai xử lý dứt điểm các dự án, doanh nghiệp này trong thời gian tới.

Trên cơ sở ý kiến kết luận của Bộ Chính trị và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ngày 29 tháng 9 năm 2017, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1468/QĐ-TTg phê duyệt "Đề án xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ,

kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương” và ngày 14 tháng 11 năm 2017 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã thừa ủy quyền của Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo ban hành Quyết định số 4269/QĐ-BCĐĐANCT về Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án nêu trên giai đoạn 2017 - 2020.

Tại Kỳ họp thứ 4 và Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã trình các vị Đại biểu Quốc hội các Báo cáo số 499/BC-CP ngày 27 tháng 10 năm 2017 và Báo cáo số 223/BC-CP ngày 05 tháng 6 năm 2018 về kết quả rà soát, đánh giá tổng thể về thực trạng, mức độ thiệt hại; phương án xử lý các tồn tại, yếu kém của 12 dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương và những kết quả đạt được trong công tác chỉ đạo xử lý và chuyển biến tại các dự án, doanh nghiệp.

Tại Kỳ họp này, Chính phủ xin tiếp tục báo cáo Quốc hội cụ thể về tình hình và kết quả xử lý đối với các dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả trong ngành Công Thương cụ thể như sau:

## **1. Tình hình triển khai công việc**

### *a) Tóm lược về công tác chỉ đạo xử lý các dự án*

Để tiến hành công tác rà soát, đánh giá và đề ra phương án xử lý các dự án, doanh nghiệp nêu trên, Ban Chỉ đạo của Chính phủ đã khẩn trương xây dựng kế hoạch công tác, thành lập Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo để thống nhất chỉ đạo, phân công, phân cấp trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ. Bộ Công Thương và các Tập đoàn, Tổng Công ty là chủ đầu tư các Dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả cũng đã thành lập các Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc để tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao.

Ngay sau khi Ban Chỉ đạo của Chính phủ được thành lập, từ ngày 17 tháng 12 năm 2016 đến ngày 16 tháng 01 năm 2017, Trưởng Ban Chỉ đạo đã trực tiếp cùng đại diện các Bộ, ngành làm việc tại 9/12 Dự án. Từ đó tới nay, Ban Chỉ đạo, Bộ Công Thương và các Bộ ngành đã tiếp tục có nhiều cuộc làm việc trực tiếp tại các dự án cũng như làm việc với các cơ quan, đơn vị liên quan để bám sát tình hình, tháo gỡ các vấn đề khó khăn, vướng mắc ở tất cả các dự án.

Trong thời gian từ tháng 12 năm 2016 đến trước khi hoàn thiện Đề án xử lý các dự án để trình Bộ Chính trị xem xét, cho ý kiến vào tháng 6 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo đã ký ban hành 31 Thông báo, văn bản chỉ đạo giao 189 nhiệm vụ cho các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị để từng bước tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các Dự án. Các Bộ ngành, cơ quan có liên quan cũng đã tập trung thực hiện các nhiệm vụ được giao và ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, giải quyết các vấn đề cụ thể ở từng dự án theo chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt của Ban Chỉ đạo.

Sau Đề án xử lý các dự án được Ban Chỉ đạo xây dựng, xin ý kiến của Thường trực Chính phủ và báo cáo Bộ Chính trị, ngày 29 tháng 9 năm 2017, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1468/QĐ-TTg phê duyệt “Đề án xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương” (Phụ lục I) với những nội dung chính như sau:

- Quan điểm:

+ Kiên quyết xử lý các dự án, doanh nghiệp thua lỗ, kém hiệu quả theo nguyên tắc và cơ chế thị trường; tôn trọng nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp; Nhà nước kiên quyết không cấp thêm vốn vào các dự án, doanh nghiệp.

+ Căn cứ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, và báo cáo kiểm tra pháp lý, kiên quyết xử lý sớm, dứt điểm các tranh chấp, bất cập phát sinh giữa chủ đầu tư và các nhà thầu, đặc biệt là các nhà thầu EPC; tái cơ cấu các dự án, doanh nghiệp theo hướng ưu tiên các phương án bán, thoái vốn cho các nhà đầu tư ngoài nhà nước, đồng thời kiên quyết thực hiện cho phá sản, giải thể theo quy định của pháp luật đối với các dự án, doanh nghiệp không có khả năng khắc phục, thu hồi tối đa tài sản của Nhà nước, hạn chế thấp nhất thất thoát và những tác động tiêu cực đối với ngân sách Nhà nước và với nền kinh tế nói chung.

+ Bảo đảm thực hiện các phương án xử lý theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch; tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong quá trình thực hiện các chủ trương, giải pháp xử lý các dự án, doanh nghiệp; quan tâm toàn diện bảo đảm lợi ích cao nhất của Nhà nước, quyền của người lao động, an sinh - xã hội, an ninh - quốc phòng, môi trường và ổn định xã hội; hết sức lưu ý đối với khâu định giá tài sản, nhất là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

+ Tiến hành thanh tra, kiểm toán, điều tra làm rõ những sai phạm, vi phạm pháp luật ở từng dự án, doanh nghiệp; làm rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức liên quan; xử lý nghiêm minh và sớm hoàn tất các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; không để tái diễn những yếu kém, khuyết điểm trong quá trình quản lý điều hành đối với doanh nghiệp nhà nước như thời gian qua.

- Mục tiêu:

+ Sớm giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc để chấm dứt tình trạng thua lỗ, khắc phục tối đa thiệt hại cho nhà nước. Trong đó:

Trong năm 2017: Hoàn thành phương án xử lý đối với từng dự án, doanh nghiệp và kế hoạch chi tiết tổ chức triển khai thực hiện.

Đến hết năm 2018: Phân đầu xử lý căn bản các tồn tại, yếu kém đối với các dự án, doanh nghiệp.

Đến năm 2020: Hoàn thành việc xử lý các tồn tại, yếu kém ở các dự án, doanh nghiệp.

+ Xác định rõ trách nhiệm, xử lý nghiêm minh đối với các tổ chức, cá nhân có sai phạm trong quá trình đầu tư, quản lý, vận hành, khai thác từng dự án, doanh nghiệp.

- Nhiệm vụ:

Sau khi Đề án xử lý các tồn tại, yếu kém của một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương được phê duyệt tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg nêu trên, Bộ Công Thương đã phối hợp cùng các Bộ ngành xây dựng Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Đề án và Bộ trưởng Bộ Công Thương đã thừa ủy quyền của Phó Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo ban hành Quyết định số 4269/QĐ-BCĐĐANCT ngày 14 tháng 11 năm 2017 về Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án nêu trên giai đoạn 2017 - 2020 với 98 nhiệm vụ cụ thể được giao cho các Bộ, ngành, tập đoàn, tổng công ty để triển khai thực hiện theo các nhóm nội dung chủ yếu như sau:

- Các Tập đoàn, Tổng Công ty và Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án khẩn trương rà soát, đánh giá, làm rõ thực trạng và nguyên nhân các vướng mắc, khó khăn của từng dự án, trên cơ sở đó tập trung xử lý các vấn đề cụ thể về tài chính, kỹ thuật của dự án, quản trị doanh nghiệp, vận hành nhà máy, tiêu thụ sản phẩm, đàm phán với đối tác... để từng bước xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn tại và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các dự án, doanh nghiệp.

- Các Bộ, ngành tập trung nghiên cứu xử lý các vấn đề về cơ chế, chính sách để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tài chính doanh nghiệp, điều chỉnh điều kiện vay vốn, trả gốc và lãi khoản vay, tạo dựng thị trường, chuyển giao công nghệ... cho các dự án; Hỗ trợ pháp lý cho các Tập đoàn, Tổng công ty để giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc với các nhà thầu tại các hợp đồng EPC và vướng mắc trong hợp đồng liên doanh với các đối tác.

- Các cơ quan chức năng tập trung thanh tra, kiểm toán, điều tra để phát hiện các vi phạm, sai phạm pháp luật ở từng dự án, doanh nghiệp; làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân có liên quan và xử lý nghiêm minh theo qui định của pháp luật.

#### *b) Về tình hình và kết quả triển khai thực hiện*

Với sự chỉ đạo thống nhất, quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ ngành, cơ quan, đơn vị liên quan đã hết sức nỗ lực, khẩn trương triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao. Theo đó, các nội dung công việc được phân giao cho các Bộ ngành, cơ quan, đơn vị theo Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo đã được bám sát thực hiện tốt, tiến độ cơ bản được bảo đảm, nhiều nội dung đã hoàn thành

đạt chất lượng cao, qua đó đã giúp cải thiện tình hình, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các dự án (Trong số 98 nhiệm vụ được giao cho các Bộ ngành, cơ quan, đơn vị theo Kế hoạch hành động của Ban Chỉ đạo, thì đối với 66 nhiệm vụ của năm 2017 - 2018, tới nay đã có 43/66 nhiệm vụ đã được hoàn thành, còn 23 nhiệm vụ đang được tập trung chỉ đạo để phấn đấu hoàn thành theo đúng kế hoạch đề ra trong năm 2018).

Với việc nỗ lực triển khai thực hiện như trên, đến nay, nhiều vấn đề khó khăn, vướng mắc cụ thể tại các dự án đã từng bước được tháo gỡ; một số cơ chế, chính sách chung để thúc đẩy phát triển trong một số ngành, lĩnh vực có liên quan đã được nghiên cứu, đề xuất và tổ chức triển khai thực hiện, đã tạo thuận lợi cho phát triển chung của một số ngành, lĩnh vực sản xuất trong nước, đồng thời góp phần tháo gỡ khó khăn cho các dự án, doanh nghiệp. Diễn hình như sau:

- Bộ Công Thương đã rà soát, kịp thời áp dụng biện pháp tự vệ đối với một số sản phẩm khi thấy có dấu hiệu tác động gây thiệt hại cho sản xuất trong nước theo đúng các quy định của quốc tế và pháp luật trong nước. Cụ thể như: Ngày 18 tháng 7 năm 2016, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 2968/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp tự vệ chính thức đối với mặt hàng phôi thép và thép dài. Ngày 31 tháng 5 năm 2017, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1931/QĐ-BCT về áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng tôn mạ màu. Ngày 04 tháng 8 năm 2017, khi nhận thấy rằng cần sớm áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời nhằm tránh thiệt hại nghiêm trọng không thể khắc phục được của ngành sản xuất phân bón (DAP, MAP) trong nước, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3044/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời đối với sản phẩm phân bón DAP và MAP; và đến ngày 02 tháng 3 năm 2018, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 686/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp tự vệ chính thức đối với sản phẩm phân bón DAP và MAP nhập khẩu vào Việt Nam..., qua đó đã có tác dụng bảo vệ chính đáng lợi ích của các ngành sản xuất trong nước nói chung cũng như các dự án, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phân bón, sắt thép nói riêng. Ngoài ra, Bộ Công Thương cũng đang theo dõi sát tình hình nhập khẩu của các mặt hàng thép cán nguội, sợi để đánh giá khả năng điều tra hành vi bán phá giá các mặt hàng này cũng như theo dõi hành vi lẩn tránh thuế của doanh nghiệp xuất khẩu phôi thép, thép dài để hỗ trợ và bảo vệ các doanh nghiệp sản xuất trong nước của Việt Nam.

Bên cạnh đó, sau một số năm chưa hoàn thành được việc thực hiện Lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống theo Quyết định số 53/2012/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, trong năm 2017 Bộ Công Thương đã nỗ lực chủ trì, phối hợp cùng các Bộ ngành quyết liệt triển khai thực hiện Lộ trình này và đã hoàn thành triển khai việc thay thế xăng khoáng RON 92 bằng xăng E5 RON 92 từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, qua đó đã bảo đảm thực hiện chủ trương chung của Chính phủ về lộ trình phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống, đồng thời

giải quyết được một số khó khăn cho các doanh nghiệp sản xuất nhiên liệu sinh học trong nước.

- Bộ Tài chính đã có nhiều cuộc làm việc trực tiếp, giải quyết một bước cơ bản các vấn đề về xử lý, cơ cấu lại các khoản nợ vay, giãn mức trích khấu hao... ở các dự án, doanh nghiệp. Đến nay, 04 dự án phân bón của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã được xử lý giãn mức trích khấu hao từ năm 2017 - 2019, ước tính mỗi năm, tùy theo công suất thực hiện, các công ty có thể giảm áp lực về tài chính từ 180 - 310 tỷ đồng/năm. Đồng thời, Bộ Tài chính đã chủ trì tiến hành nghiên cứu, báo cáo với Chính phủ nội dung đề xuất với Quốc hội việc xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật thuế tài nguyên, Luật thuế xuất nhập khẩu để bảo đảm phù hợp với thực tế hoạt động và gia tăng cạnh tranh bình đẳng ở một số ngành sản xuất trong nước.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có chỉ đạo, hướng dẫn các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng xem xét các biện pháp cơ cấu lại nợ, giảm lãi suất cho vay đối với các dự án, doanh nghiệp, đồng thời xem xét để tiếp tục cho vay theo đúng các qui định của pháp luật và nguyên tắc của thị trường để bảo đảm vốn phục vụ sản xuất kinh doanh trên cơ sở phương án sản xuất kinh doanh khả thi và có khả năng trả nợ của các dự án, doanh nghiệp. Trong đó, 03 dự án sản xuất phân bón thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (gồm Dự án nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình, Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy sản xuất đạm Hà Bắc và Dự án nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai), Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 nhà máy gang thép Thái Nguyên, Dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi polyester Đình Vũ đều đã được các ngân hàng thương mại cơ cấu lại nợ, điều chỉnh lãi suất vay theo hướng giảm biên độ lãi suất để giảm bớt chi phí tài chính cho các dự án trong giai đoạn khó khăn, tiếp tục duy trì hạn mức vốn lưu động đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Bộ Tư pháp đã tích cực hỗ trợ các Tập đoàn, Tổng công ty và doanh nghiệp trong việc tư vấn, hướng dẫn và cho ý kiến đối với các vấn đề liên quan đến giải quyết các tranh chấp tại Hợp đồng EPC để giải quyết dứt điểm các tồn tại, vướng mắc với các nhà thầu tại các hợp đồng EPC và vướng mắc trong hợp đồng liên doanh với các đối tác. Cụ thể: Bộ đã thực hiện hỗ trợ pháp lý đối với Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy sản xuất Đạm Hà Bắc, Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 nhà máy gang thép Thái Nguyên và Dự án nhà máy Thép Việt Trung.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành việc xây dựng Kế hoạch giao nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc Bộ để tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ các vấn đề về an toàn môi trường, kể cả chất thải rắn, khí thải, nước thải, để bảo đảm an toàn cho khu vực xung quanh nhà máy và an toàn môi trường nói chung và môi trường khu vực xung quanh các dự án, doanh nghiệp để phát hiện, xử lý kịp thời, dứt điểm các vấn đề về môi trường. Mặt khác, Bộ cũng đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ Đề án kiểm soát đặc biệt các cơ sở có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường, trong đó có các dự án thuộc

danh sách các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả của ngành Công Thương nhằm góp phần chủ động ngăn ngừa, hạn chế tối đa các nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp triển khai xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến sử dụng thạch cao PG (phosphogypsum) để tạo điều kiện cho việc xử lý chất thải gypsum tại các nhà máy sản xuất phân bón để làm vật liệu xây dựng. Ngày 27/4/2017, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 936/QĐ-BKHHCN công bố tiêu chuẩn TCVN 11833:2017 thạch cao nhân tạo dùng để sản xuất xi măng. Qua đó, đã góp phần giải quyết tồn đọng chất thải gypsum, dự kiến trong 3 - 5 năm tới sẽ xử lý hết bãi thải thạch cao PG đang tồn đọng của Dự án Nhà máy sản xuất phân bón DAP 1- Hải Phòng. Ngày 12 tháng 4 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 452/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất, nhà máy phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng, theo đó, các dự án đầu tư xử lý thạch cao PG được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi của nhà nước đối với các dự án xử lý chất thải rắn theo các quy định hiện hành.

- Bộ Công an, Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước và các Bộ ngành khác cũng đều đã rất nỗ lực, quyết liệt tập trung thực hiện công tác thanh tra, kiểm toán, điều tra cũng như xử lý có hiệu quả các vấn đề khó khăn, vướng mắc ở các dự án, doanh nghiệp theo đúng tinh thần chỉ đạo chung của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo.

- Các Tập đoàn, Tổng công ty, Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án... đã cố gắng, nỗ lực ở mức cao, bám sát tình hình ở từng dự án, doanh nghiệp, phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân, đơn vị có liên quan để bảo đảm triển khai quyết liệt các biện pháp xử lý từng dự án, doanh nghiệp; rà soát, hoàn thiện phương án đổi mới quản trị, tiết giảm chi phí, tổ chức lại sản xuất kinh doanh đối với các dự án, doanh nghiệp có khả năng hoạt động sản xuất kinh doanh để từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các dự án, doanh nghiệp.

## **2. Tình hình chuyển biến tại các dự án, doanh nghiệp**

Sau gần 2 năm thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và hơn 1 năm thực hiện Đề án xử lý các dự án theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ cho thấy:

- Công tác chỉ đạo xử lý tồn tại, yếu kém ở các dự án, doanh nghiệp đã được thực hiện thống nhất, đồng bộ, bảo đảm bám sát quan điểm, mục tiêu, nội dung chỉ đạo của Bộ Chính trị và phương án, giải pháp xử lý các dự án, doanh nghiệp theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Các giải pháp xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, doanh nghiệp đã được triển khai thực hiện một cách tổng thể, toàn diện. Cùng với việc xử lý các vấn đề về tài chính, quản trị, thị trường, hỗ trợ pháp lý, khoa học



công nghệ, các vấn đề về lao động việc làm, ổn định xã hội, bảo đảm môi trường, an ninh - quốc phòng đã được tính tới để xử lý, qua đó tới nay đã tạo được những chuyển biến tích cực.

Đến thời điểm hiện nay, tình hình ở 12 dự án, doanh nghiệp tiếp tục có các chuyển biến tích cực. Qua cập nhật, rà soát đến thời điểm 31 tháng 8 năm 2018, tình hình cơ bản như sau:

*a) Về tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các dự án, doanh nghiệp*

- Trong số 6 nhà máy trước đây có hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng thua lỗ thì đến nay đã có 2 nhà máy hoạt động sản xuất kinh doanh bước đầu có lãi (Chỉ tính riêng 8 tháng đầu năm 2018: Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 1 - Hải Phòng đã có lợi nhuận ước đạt 147,68 tỷ đồng và Nhà máy thép Việt - Trung có lợi nhuận ước đạt 527,24 tỷ đồng; 4 dự án còn lại từng bước khắc phục khó khăn (Nhà máy đạm Hà Bắc lỗ 203 tỷ đồng, giảm lỗ 210 tỷ đồng so với cùng kỳ; Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai lỗ 110,78 tỷ đồng, giảm lỗ 324,98 tỷ đồng so với cùng kỳ; Nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình lỗ 701,85 tỷ đồng; Công ty DQS lỗ 61,61 tỷ đồng, nộp Ngân sách nhà nước 3,29 tỷ đồng).

- Trong số 3 dự án trước đây bị dừng sản xuất kinh doanh đến nay Dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi polyester Đình Vũ đã vận hành trở lại 3 dây chuyền của phân xưởng sợi Filament từ ngày 20/4/2018; 2 dự án còn lại đã xử lý xong các khâu liên quan và sẵn sàng khởi động để vận hành thương mại ngay khi thị trường thuận lợi (Dự án nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Quảng Ngãi và Dự án Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Bình Phước).

- Đối với 3 dự án xây dựng dở dang, ngoài Dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam đang thực hiện phương án bán đấu giá toàn bộ tài sản và hàng hóa tồn kho, Dự án Nhà máy sản xuất NLSH Phú Thọ tiếp tục gặp khó khăn do PVOil không phải là cổ đông chính (chiếm 39,76%), các cổ đông ngoài ngành (chiếm 60,24%) không góp thêm vốn để tiếp tục triển khai Dự án; Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 nhà máy gang thép Thái Nguyên chưa giải quyết được tranh chấp Hợp đồng EPC với Tổng thầu là Tập đoàn Luyện kim Trung Quốc (MCC) và các nhà thầu phụ.

- Việc xử lý các dự án đã bảo đảm thực hiện theo đúng nguyên tắc của cơ chế thị trường; tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp; Nhà nước không cấp thêm vốn vào các dự án, đồng thời Chính phủ và Ban Chỉ đạo của Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện việc rút thành công 1.000 tỷ đồng từ phần vốn góp của SCIC vào dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 nhà máy gang thép Thái Nguyên. Đến thời điểm 30/6/2018, tổng số dư cấp tín dụng là 20.943 tỷ đồng, trong đó, dư nợ tín dụng trung và dài hạn ở các dự án, doanh nghiệp đã giảm 124 tỷ đồng (so với thời điểm ngày 31/01/2018). Bên cạnh đó, một số vấn đề phức tạp, khó giải quyết về pháp lý ở các dự án cũng đã được các đơn vị tập trung xử lý có

hiệu quả, điển hình là việc hoàn tất đàm phán và ký kết được chính thức Hợp đồng liên doanh, Điều lệ liên doanh sửa đổi và qui định đề cử chức danh Tổng Giám đốc ở Dự án Nhà máy thép Việt Trung vào tháng 12 năm 2017 sau một thời gian dài bế tắc; Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi Đình Vũ sau vẫn tiếp tục quá trình xử lý tranh chấp với nhà thầu là Công ty Xây dựng Hyundai (HEC) tại Trọng tài kinh tế tại Singapore, tuy nhiên, hai bên đã có động thái chủ động nối lại đàm phán để tiến tới hòa giải trong thời gian tới.

- Các dự án đi vào hoạt động ổn định hơn trước và các dự án vận hành trở lại sau thời gian dừng sản xuất đã bảo đảm duy trì việc làm và đời sống cho hàng nghìn lao động, góp phần ổn định chính trị - xã hội tại địa phương, đồng thời tạo tiền đề quan trọng cho việc thực hiện xử lý dứt điểm và có hiệu quả các dự án trong thời gian tới theo kế hoạch và lộ trình đề ra.

Tình hình cụ thể ở các dự án, doanh nghiệp như sau:

*\* Về tình hình hoạt động của các dự án, doanh nghiệp*

- Đối với 06 dự án, doanh nghiệp đang vận hành sản xuất kinh doanh:

(1) Dự án Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 1 - Hải Phòng

Đây là dự án đã hoàn thành và đi vào vận hành thương mại từ năm 2010. Hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án có lãi qua các năm đến năm 2015. Tuy nhiên, sang năm 2016 sản xuất kinh doanh của nhà máy gặp nhiều khó khăn làm phát sinh lỗ khá lớn là 420 tỷ đồng. Trong năm 2017, sau khi rà soát các vấn đề khó khăn của dự án và chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt các biện pháp về quản trị doanh nghiệp, sắp xếp tổ chức lại sản xuất, lao động để tiết giảm chi phí đầu vào, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết quả thời gian chạy máy trong năm đã đạt 265 ngày; sản xuất đạt 243.000 tấn DAP; doanh thu đạt 1.971,83 tỷ đồng; lãi 14,8 tỷ đồng. Trong 8 tháng năm 2018, tổng sản lượng của nhà máy đạt 151.968 tấn; doanh thu đạt 1.568,11 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 147,68 tỷ đồng, tăng 182,95 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2017.

(2) Dự án Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai

Đây là dự án đã được bàn giao tạm thời đưa vào vận hành thương mại từ tháng 7 năm 2015. Từ khi đi vào vận hành sản xuất, nhà máy chỉ đạt công suất từ 50% - 65% (dưới mức công suất thiết kế) do khó khăn về thị trường tiêu thụ. Đến gần cuối quý III năm 2016, nhà máy đã phải tạm dừng sản xuất khoảng 4 tháng do lượng hàng tồn kho nhiều cho đến gần cuối quý IV năm 2016 nhà máy mới được vận hành chạy lại và chỉ đạt công suất khoảng 35% do tình trạng hoạt động của thiết bị nhà máy không ổn định sau thời gian bị dừng sản xuất.

Đầu năm 2017, nhà máy tiếp tục vận hành sản xuất không ổn định với công suất đạt thấp (chỉ khoảng 35%) cho đến tháng 8 năm 2017, sau một thời gian tích cực rà soát các vấn đề khó khăn của dự án và chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt các biện pháp xử lý về kỹ thuật, công tác nhân sự và quản trị nhà máy,

công suất vận hành của nhà máy đã được nâng lên khoảng 85%, chất lượng sản phẩm đã đáp ứng yêu cầu của khách hàng, nhà máy đã từng bước đi vào sản xuất ổn định và hiệu quả hơn.

Thời gian chạy máy trong năm 2017 là 209 ngày; sản xuất 156.000 tấn DAP, tiêu thụ 160.000 tấn DAP; tồn kho: 14.900 tấn; doanh thu 1.274 tỷ đồng, lỗ 530 tỷ đồng, giảm lỗ so với năm 2016 là 376 tỷ đồng. Trong 8 tháng đầu năm 2018, tổng sản lượng của nhà máy đạt 168.726 tấn; tổng sản lượng tiêu thụ đạt 161.954 tấn; doanh thu đạt 1.426,44 tỷ đồng; lỗ 110,78 tỷ đồng, giảm lỗ so với cùng kỳ năm 2017 là 324,98 tỷ đồng.

### (3) Dự án Nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình

Đây là dự án đã được bàn giao đi vào vận hành sản xuất thương mại từ tháng 9 năm 2012. Đến tháng 7 năm 2016 nhà máy đã dừng sản xuất do thua lỗ kéo dài và không còn đủ vốn lưu động. Đồng thời, trong quá trình sản xuất, nhà máy chưa vận hành ổn định và còn một số thông số kỹ thuật chưa đạt. Đến tháng 01 năm 2017, sau nhiều nỗ lực của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Chủ đầu tư dự án và các đơn vị liên quan để xử lý các vấn đề kỹ thuật, tài chính nhân sự..., nhà máy đã vận hành trở lại và thời gian chạy máy trong năm 2017 đạt 139 ngày; sản xuất đạt 184.801 tấn urê; tiêu thụ 189.857 tấn urê và không có tồn kho; doanh thu 1.171,37 tỷ đồng, lỗ 933 tỷ đồng và giảm lỗ so với năm 2016 là 179,4 tỷ đồng.

Trong 8 tháng năm 2018, thời gian chạy máy là 117 ngày (tạm dừng 7 lần do sự cố, trong đó lần dài nhất từ ngày 10/5 đến 22/8/2018) và đang vận hành ổn định đạt 80% công suất với sản lượng sản xuất đạt 125.289 tấn urê, doanh thu đạt 804,93 tỷ đồng, lỗ 701,85 tỷ đồng, tăng hơn 145,05 tỷ đồng so với cùng kỳ 2017.

### (4) Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy sản xuất đạm Hà Bắc

Đây là Dự án đã chính thức nghiệm thu và đưa vào vận hành thương mại từ tháng 12 năm 2015 và trong thời gian vận hành liên tục bị thua lỗ. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, tổng lỗ lũy kế của dự án đã là 1.716 tỷ đồng (cao hơn mức lỗ kế hoạch là 986,5 tỷ đồng). Sang năm 2017, với sự nỗ lực của Chủ đầu tư và các cơ quan liên quan trong việc xử lý các vấn đề của dự án, thời gian chạy máy của nhà máy đạt 264 ngày; sản xuất 287.992 tấn urê, tiêu thụ 317.409 tấn urê và không có tồn kho; doanh thu 2.496 tỷ đồng, lỗ 611 tỷ đồng và giảm lỗ so với năm 2016 là 440 tỷ đồng. Trong 8 tháng năm 2018, tổng sản lượng của nhà máy đạt 215,666 nghìn tấn ure và 46,157 nghìn tấn NH<sub>3</sub>; doanh thu đạt 2.076 tỷ đồng; lỗ 203 tỷ đồng, giảm so với cùng kỳ là 210 tỷ đồng.

### (5) Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất (Công ty DQS)

Đây là công ty được bàn giao từ Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinashin) về Tập đoàn dầu khí quốc gia Việt Nam (PVN) từ tháng 6 năm 2010). Vương mắc lớn nhất của Công ty là phải chịu gánh nặng tài chính lớn do thua lỗ từ thời kỳ chủ sở hữu là Vinashin; chi phí tài sản cố định quá lớn trong

khi không có khách hàng để khai thác hết công suất các hạng mục đã đầu tư; cơ sở vật chất của Công ty còn thiếu và chưa đồng bộ, nhiều hạng mục công trình đầu tư còn dở dang và chưa hoàn thành công tác quyết toán. Trong giai đoạn 2010 - 2016, sau khi được PVN tái cơ cấu, bổ sung nguồn vốn, Công ty hoạt động chủ yếu dựa vào các hợp đồng đóng mới, sửa chữa với các đơn vị thuộc PVN. Tuy nhiên, nguồn hợp đồng từ các đơn vị thuộc PVN ngày càng giảm, trong khi Công ty không đủ điều kiện để tham gia các hoạt động đấu thầu do các khoản nợ và lỗ lũy kế từ giai đoạn trước quá lớn. Hiện tại, Công ty vẫn tiếp tục có các đơn hàng thi công đóng mới, sửa chữa cho một số các tàu hàng dịch vụ của các đơn vị trong ngành, tuy nhiên giá các đơn hàng này không lớn.

Năm 2017, doanh thu của Công ty DQS đạt 465,63 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 0,92 tỷ đồng (trong trường hợp không tính lãi phạt của nhà thầu YMC-TRANSTECH của Trung Quốc và Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy-VFC thì lãi là 28,16 tỷ đồng). Trong 8 tháng năm 2018, doanh thu thực hiện đạt 318,03 tỷ đồng, lỗ 61,61 tỷ đồng; nộp Ngân sách nhà nước 3,29 tỷ đồng.

#### (6) Dự án Nhà máy thép Việt - Trung

Từ thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 trở về trước, dự án gặp nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ cả quặng sắt và phôi thép. Từ khi đi vào hoạt động, phần dự án khai thác và tuyển quặng mỏ Quý Xa khai thác chỉ đạt công suất thấp hơn nhiều so với công suất được cấp phép, còn phần dự án nhà máy gang thép Lào Cai gặp khó khăn về đầu ra sản phẩm do giá phôi thép trên thị trường giảm mạnh và liên tục ghi nhận lỗ qua các năm và số lỗ lũy kế tính đến hết năm 2016 là hơn 1.000 tỷ đồng.

Sang năm 2017, sau rất nhiều nỗ lực của đơn vị và sự hỗ trợ của các Bộ ngành, việc đàm phán sửa đổi, bổ sung Hợp đồng liên doanh, Điều lệ Công ty đã hoàn tất, tạo điều kiện cho Công ty chủ động trong việc mua nguyên liệu chính (than coke), tiêu thụ sản phẩm tinh quặng sắt phù hợp với cơ chế thị trường, góp phần giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty đã rà soát, thực hiện quyết liệt một loạt các giải pháp cải tiến kỹ thuật, giảm các chỉ tiêu tiêu hao nguyên vật liệu đầu vào, quản trị doanh nghiệp, tổ chức lao động... để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Nhờ vậy, hiệu suất vận hành thiết bị được cải thiện, nhà máy luyện gang, luyện thép đã vận hành vượt công suất thiết (có tháng đã đạt được trên 50.000 tấn phôi thép/tháng, tương đương với 600.000 tấn/năm, công suất thiết kế là 500.000 tấn/năm), sản lượng khai thác và chế biến quặng Quý Xa đạt công suất thiết kế; chỉ tiêu tiêu hao quặng, than cốc đều giảm. Trong năm 2017, sản xuất phôi thép đạt 464.286 tấn; Tiêu thụ phôi thép: 465.596 tấn; Khai thác quặng đạt 2.425.358 tấn (độ ẩm 0%); Tiêu thụ quặng: 2.665.750 tấn (độ ẩm 0%) trong đó: xuất khẩu 1.125.953 tấn; tiêu thụ nội địa 1.539.798 tấn, doanh thu đạt 6.458 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế: 347,71 tỷ đồng; Nộp ngân sách đạt 838,01 tỷ đồng.

Trong 8 tháng đầu năm 2018, sản lượng sản xuất phôi thép đạt công suất thiết kế và đạt 382.082 tấn; sản lượng khai thác quặng sắt đạt 1.701.066 tấn (độ

âm 0%); Doanh thu đạt 5.377 tỷ đồng; lợi nhuận trước thuế đạt 527,24 tỷ đồng (số liệu trước kiểm toán); nợ ngân sách 884,88 tỷ đồng.

- Đối với 3 dự án, doanh nghiệp trước đây đang bị dừng sản xuất:

#### (1) Dự án Nhà máy sản xuất sợi polyester Đình Vũ

Đây là dự án đã hoàn thành đi vào vận hành thương mại từ tháng 5 năm 2014. Tuy nhiên, nhà máy liên tục bị thua lỗ trong quá trình hoạt động do chi phí sản xuất tăng cao hơn giá bán sản phẩm (giá bán không đủ bù chi phí biến phí) và đến ngày 17 tháng 9 năm 2015 nhà máy đã phải dừng sản xuất.

Sau gần 31 tháng phải dừng sản xuất, đến ngày 20 tháng 4 năm 2018, với sự quyết liệt chỉ đạo của Ban Chỉ đạo và sự nỗ lực, cố gắng rất lớn của Tập đoàn PVN, Chủ đầu tư dự án và các đơn vị liên quan, Nhà máy sợi polyester Đình Vũ đã khởi động vận hành lại 03 dây chuyền DTY của Phân xưởng sợi Filament. Kết quả vận hành ban đầu cho thấy máy móc hoạt động ổn định, chất lượng sản phẩm tốt (đạt 99,25% chất lượng), đảm bảo tiêu chuẩn yêu cầu của khách hàng. Trong 8 tháng đầu năm 2018, sản lượng sản xuất đạt 841,90 tấn; xuất bán lũy kế đạt 496,98 tấn; doanh thu đạt 26,4 tỷ đồng; lỗ 518 tỷ đồng.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, PVTex đã ký Hợp đồng hợp tác gia công sợi DTY với Công ty An Sơn (đơn vị thành viên của Tập đoàn An Phát - APH) để tăng dần công suất phân xưởng kéo sợi DTY tiến tới vận hành toàn bộ phân xưởng Filament của Nhà máy.

Bên cạnh đó, để tiến tới vận hành lại toàn bộ nhà máy, PVTex và Tổ hợp APH với đối tác nước ngoài trước đó đã ký Biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) ngày 27 tháng 4 năm 2018 về hợp tác sản xuất kinh doanh để các bên có cơ sở tiếp tục thương thảo, đàm phán làm rõ các vấn đề liên quan đến hợp tác sản xuất và kinh doanh Nhà máy sản xuất sợi polyester Đình Vũ. Hiện nay, PVTex đang tiếp tục đàm phán nội dung Hợp đồng hợp tác sản xuất kinh doanh toàn bộ Nhà máy để có thể ký kết trong Quý IV/2018.

#### (2) Dự án Nhà máy sản xuất NLSH Quảng Ngãi

Kể từ thời điểm nghiệm thu, bàn giao đưa dự án vào vận hành thương mại tháng 01 năm 2014, sau gần 2 năm nhà máy đã vận hành được 7 đợt sản xuất với 151 ngày chạy máy, công suất vận hành chỉ đạt 54% so với công suất thiết kế do hạng mục công trình xử lý nước thải không đạt yêu cầu. Đến tháng 4 năm 2015, nhà máy đã dừng sản xuất do không có thị trường tiêu thụ sản phẩm, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp và thiếu vốn lưu động phục vụ sản xuất.

Để thực hiện mục tiêu sớm khởi động, vận hành lại nhà máy, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty Cổ phần Nhiên Liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) và Tổ hỗ trợ từ các cổ đông đã rất nỗ lực để hoàn thành các công tác: khắc phục hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo nhà máy có thể vận hành được 100% công suất thiết kế; kiểm tra, bảo dưỡng sửa chữa nhà máy; đồng thời, BSR-BF và các cổ đông đã tìm kiếm, lựa chọn và ký được Hợp đồng hợp tác gia

công E100 với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm (Tocontap) ngày 12 tháng 6 năm 2018 và đã thống nhất kế hoạch chạy máy trong năm đầu tiên ở mức tối thiểu là 42.000 m<sup>3</sup> E100, phía Tocontap sẽ cung ứng nguyên liệu sẵn và tạm ứng chi phí gia công. Theo biên bản thỏa thuận ngày 17/9/2018, hiện nay, các bên đang chuẩn bị chạy máy đợt đầu tiên và dự kiến sẽ khởi động lại nhà máy từ khoảng giữa tháng 10/2018.

### (3) Dự án sản xuất nhiên liệu sinh học Bình Phước

Dự án đã hoàn thành và đi vào vận hành thương mại từ tháng 4 năm 2012, đến tháng 4 năm 2013 phải dừng sản xuất do gặp khó khăn về thị trường sản phẩm đầu ra dẫn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh đạt thấp và bị thua lỗ.

Hiện nay, nhà máy đã hoàn thành công tác bảo dưỡng sửa chữa, sẵn sàng để vận hành lại, tuy nhiên do giá sản tăng cao nên Tổng Công ty Dầu Việt Nam - PVOil và các cổ đông đã quyết định tạm thời chưa vận hành Nhà máy cho đến khi thị trường thuận lợi.

- Đối với 3 dự án đầu tư xây dựng dở dang:

#### (1) Dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam

Đây là dự án đã được Chính phủ đồng ý về chủ trương bán đấu giá toàn bộ tài sản cố định và hàng hóa tồn kho của nhà máy. Bộ Công Thương đã chỉ đạo Tổng công ty Giấy Việt Nam đã triển khai thực hiện bán đấu giá toàn bộ tài sản cố định và hàng hóa tồn kho của nhà máy vào tháng 7/2017 (gia hạn 2 lần trong tháng 8 và tháng 9/2017) nhưng không thành công do giá trị thẩm định của dự án theo các qui định hiện hành là quá cao và vướng mắc về việc chưa có cơ sở pháp lý trong việc điều chỉnh giá khởi điểm để tiếp tục triển khai bán đấu giá Dự án trong trường hợp bán đấu giá lần đầu không thành công. Trên cơ sở báo cáo xin ý kiến của Bộ Công Thương, Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo Bộ Công Thương thống nhất với các Bộ, ngành liên quan xử lý việc bán đấu giá không thành công tài sản dự án phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành. Hiện nay, Tổng công ty Giấy Việt Nam đang tổ chức thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà thầu tư vấn định giá lại dự án theo quy định.

#### (2) Dự án sản xuất NLSH Phú Thọ

Đây là dự án đầu tư xây dựng dở dang, khởi công từ quý III năm 2009 nhưng đã phải tạm dừng thi công từ tháng 11 năm 2011 do không đạt được thống nhất của các bên tham gia về chi phí phát sinh, tiến độ mới đạt khoảng 78% khối lượng công việc. Hiện nay, Công ty cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu sinh học Dầu khí (PVB) đã triển khai phương án tìm kiếm đối tác đầu tư triển khai tiếp Dự án theo nguyên tắc đối tác hợp tác sẽ góp toàn bộ vốn còn thiếu để triển khai, hoàn thành Dự án, tuy nhiên vẫn chưa tìm được nhà đầu tư phù hợp.

#### (3) Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Công ty Gang thép Thái Nguyên

Đây là dự án đầu tư xây dựng dở dang, được khởi công từ tháng 9 năm 2007 nhưng đã phải tạm dừng thi công từ quý I năm 2013 do gặp khó khăn trong việc thu xếp nguồn vốn vì dự án bị kéo dài và tổng mức đầu tư điều chỉnh tăng

cao; mặt khác, hợp đồng EPC ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu Trung Quốc đã phát sinh tranh chấp, vướng mắc đến nay vẫn chưa giải quyết được làm cho dự án càng bị kéo dài và khó khăn hơn.

Trong thời gian qua, Ban Chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ ngành đã quyết liệt chỉ đạo và đến nay đã thực hiện thành công việc rút về 1.000 tỉ đồng vốn của SCIC góp vào dự án, bảo toàn được vốn nhà nước. Song song với đó, Chủ đầu tư đã tích cực làm việc với nhà thầu để quyết toán các công việc đã thực hiện, xác định khối lượng công việc cần triển khai tiếp. TISCO đã hoàn thiện Dự thảo phương án giải quyết các tồn tại vướng mắc của Dự án với Tổng thầu MCC trình cấp có thẩm quyền cho ý kiến để tiếp tục đàm phán với nhà thầu. Tổng công ty Thép Việt Nam cũng đang tiếp tục triển khai các hoạt động để thực hiện phương án thoái vốn nhà nước tại TISCO theo chỉ đạo của Chính phủ và làm việc với Vietinbank về việc giải phóng nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng công ty đối với khoản vay của TISCO cho Dự án.

Trong năm 2017, mặc dù Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn II Công ty Gang thép Thái nguyên vẫn đang xây dựng dở dang và bị tạm dừng thi công để giải quyết các vướng mắc, tuy nhiên, giai đoạn I của Dự án vẫn hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định. Công ty cổ phần Gang Thép Thái Nguyên (TISCO) đã đạt được một số chỉ tiêu như sau: Sản xuất thép cán: 739.390 tấn; Tiêu thụ thép cán: 744.676 tấn; Sản xuất phôi thép: 412.012 tấn; Sản xuất gang lò cao: 168.125 tấn; Khai thác quặng sắt: 667.673 tấn; Khai thác than mỡ qua tuyển: 146.237 tấn; Doanh thu đạt 9.824 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế đạt 121,2 tỷ đồng, nộp ngân sách 394 tỷ đồng. Sang năm 2018, kết quả sản xuất kinh doanh 8 tháng của TISCO như sau: Sản xuất thép cán đạt 524.376 tấn; Sản xuất phôi thép đạt 277.192 tấn; Sản xuất gang lò cao đạt 132.404 tấn; Tiêu thụ thép cán đạt 530.015 tấn; Doanh thu đạt 7.521 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế đạt 48,4 tỷ đồng; nộp ngân sách 128 tỷ đồng.

*\* Về tình hình nợ và dư nợ tín dụng của các dự án, doanh nghiệp*

- Về tình hình dư nợ tín dụng tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng:

Trong thời gian vừa qua, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các ngân hàng thương mại đã chủ động nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các dự án, doanh nghiệp, chủ động làm việc và có giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật, qua đó đã có góp phần hỗ trợ các dự án, doanh nghiệp ổn định sản xuất kinh doanh và trả nợ các khoản vay. Do đó, dư nợ cấp tín dụng đối với các dự án, doanh nghiệp có xu hướng giảm đối với dư nợ tín dụng trung, dài hạn.

Hiện nay, có tất cả 17 ngân hàng thương mại và 01 công ty tài chính cấp tín dụng để thực hiện 12 dự án với tổng số dư cấp tín dụng đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2018 là 20.943 tỷ đồng, tăng 96 tỷ đồng so với thời điểm 31 tháng 01 năm 2018 do một số ngân hàng giải ngân, thu hồi nợ đối với các khoản cho vay Dự án nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình, Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy sản xuất đạm Hà Bắc, Dự án nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai và Dự

án nhà máy sản xuất phân bón DAP số 1 – Hải Phòng. Trong tổng số 20.943 tỷ đồng các ngân hàng thương mại cấp tín dụng đối với các dự án, có 17.211 tỷ đồng cấp tín dụng trung hạn (chiếm 82%, giảm 124 tỷ đồng so với thời điểm 31 tháng 01 năm 2018), còn lại 3.732 tỷ đồng là cấp tín dụng ngắn hạn (chiếm 18%, tăng 220 tỷ đồng so với thời điểm 31 tháng 01 năm 2018).

- Đối với các khoản nợ tại Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB):

Trong số các dự án tồn tại, yếu kém thuộc ngành Công Thương, ngân hàng VDB cho vay 07 dự án thuộc 06 chủ đầu tư. Trong 6 tháng đầu năm 2018, ngân hàng VDB đã thu hồi nợ gốc là 89.168 triệu đồng, thu nợ lãi là 22.056 triệu đồng và 1.200 Đô la Mỹ; đồng thời VDB cũng thực hiện kiểm tra, giám sát tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định.

Về số liệu tình hình cho vay, thu nợ các dự án đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

+ Tổng số vốn vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký: 16.525.640 triệu đồng.

+ Tổng số vốn đã giải ngân: 14.665.027 triệu đồng và 2.598.778 Đô la Mỹ.

+ Lũy kế số nợ gốc đã thu: 4.546.181 triệu đồng và 907.936 Đô la Mỹ.

+ Lũy kế nợ lãi đã thu: 4.814.467 triệu đồng và 1.587.559 Đô la Mỹ.

+ Dư nợ gốc còn: 10.118.846 triệu đồng và 1.690.842 Đô la Mỹ (trong đó: nợ khoan của Công ty DQS là 524.142 triệu đồng, nợ lãi quá hạn là 706.738 triệu đồng và 149.190 Đô la Mỹ)

+ Tổng số lãi chưa trả là: 1.881.397 triệu đồng và 63.836 Đô la Mỹ (trong đó: nợ lãi được khoan của Công ty DQS là 4.626 triệu đồng, nợ lãi quá hạn là 1.683.764 triệu đồng và 63.836.190 Đô la Mỹ).

- Về tình hình cơ cấu lại thời hạn trả nợ, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro:

Đến nay, đa số các dự án, doanh nghiệp đều đã được các ngân hàng và tổ chức tín dụng tái cơ cấu thời gian trả nợ, điều chỉnh số tiền trả nợ mỗi kỳ và điều chỉnh lãi suất cấp tín dụng đối với các khoản vay cả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Đối với các khoản vay tại các ngân hàng thương mại của các dự án, doanh nghiệp, ngoại trừ Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy sản xuất đạm Hà Bắc, Dự án Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 1 - Hải Phòng, Dự án Nhà máy thép Việt Trung và Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Nhà máy gang thép Thái Nguyên vẫn giữ nguyên nợ nhóm 1, các dự án, doanh nghiệp còn lại đều đã phát sinh nợ xấu.

<sup>1</sup> Gồm Dự án nhà máy sản xuất DAP số 2 – Lào Cai; Dự án nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình; Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy sản xuất đạm Hà Bắc; Dự án nhà máy sản xuất DAP số 1 – Hải Phòng; Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Công ty Gang thép Thái Nguyên; 02 Dự án/khoản vay của Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp tàu thủy Dung Quất là: đầu tư xây dựng nhà máy công nghiệp tàu thủy giai đoạn 1 và giai đoạn 2.



Đến 30 tháng 6 năm 2018, các tổ chức tín dụng đã trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cấp tín dụng đối với các doanh nghiệp là 5.536 tỷ đồng, tăng 427 tỷ đồng so với dự phòng đã trích tại thời điểm 31 tháng 01 năm 2018 do các ngân hàng thực hiện chuyển nhóm nợ và thực hiện trích lập dự phòng theo quy định.

Đối với các dự án có vay vốn của ngân hàng VDB:

+ Nhóm các dự án phân bón thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: Hiện tại, ngân hàng VDB đang chờ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, ban hành Quy chế xử lý rủi ro tín dụng tại VDB để có cơ sở phối hợp với các ngân hàng thương mại đồng tài trợ hướng dẫn các chủ đầu tư lập và thẩm định phương án cơ cấu nợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định nhằm đảm bảo các dự án sau khi cơ cấu nợ phục hồi được sản xuất, trả được nợ vay ngân hàng VDB và các tổ chức tín dụng khác. Riêng Dự án nhà máy sản xuất phân bón DAP số 1 - Hải Phòng đã trả xong toàn bộ cả vốn và lãi vay đầu tư dự án cho ngân hàng VDB vào ngày 5 tháng 9 năm 2018, theo đúng tiến độ và kế hoạch trong hợp đồng vay ban đầu.

+ Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Công ty Gang thép Thái Nguyên: ngân hàng VDB đã gia hạn thời hạn cho vay vốn của dự án lên 15 năm, tuy nhiên do dự án vẫn đang dừng thi công và chưa có phương án cụ thể để tái khởi động nên VDB chưa có căn cứ để tiếp tục triển khai các phương án cơ cấu nợ cho dự án.

+ Đối với 02 dự án của Công ty QDS: Ngân hàng VDB đã thực hiện tạm khoan nợ đối với dự án từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 cho đến khi có phương án xử lý mới.

*c) Về kết quả kiểm tra, xử lý sai phạm, vi phạm pháp luật tại các dự án, doanh nghiệp*

Trong thời gian qua, cùng với công tác rà soát, đánh giá tổng thể về thực trạng, nguyên nhân và triển khai thực hiện các giải pháp, phương án xử lý các dự án, doanh nghiệp, công tác thanh tra, kiểm toán, điều tra đã được chỉ đạo triển khai thực hiện tích cực, khẩn trương. Qua đó, toàn bộ 12 dự án, doanh nghiệp tới nay đều đã được tiến hành thanh tra, kiểm toán ở các cấp độ khác nhau để phát hiện các sai phạm, vi phạm pháp luật ở từng dự án, doanh nghiệp; qua đó làm rõ trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân có liên quan và xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Kết quả cụ thể đến thời điểm hiện nay như sau:

*\* Về công tác thanh tra:*

Đã có 04 dự án (gồm Dự án Nhà máy sản xuất NLSH Quảng Ngãi; Dự án Nhà máy sản xuất NLSH Phú Thọ; Dự án Nhà máy sản xuất NLSH Bình Phước; Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi polyester Đình Vũ) đã được Thanh tra chính phủ và 01 Dự án (là Dự án Nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình) đã được Thanh tra Bộ

Công Thương tiến hành thanh tra và đã có kết luận trong năm 2016, năm 2017 có 07 dự án, doanh nghiệp đã và đang được thanh tra, trong đó:

(1) Đối với Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy sản xuất đạm Hà Bắc: Thanh tra Chính phủ đã tiến hành thanh tra toàn diện và đã trình Thủ tướng Chính phủ Dự thảo Kết luận thanh tra.

(2) Đối với Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 nhà máy gang thép Thái Nguyên: Thanh tra Chính phủ đã tiến hành thanh tra toàn diện và đã hoàn tất công tác thanh tra tại TISCO. Đến nay, Thanh tra Chính phủ đã hoàn thành Dự thảo kết luận thanh tra và đã trình Thủ tướng Chính phủ xin ý kiến chỉ đạo.

(3) Đối với Dự án Nhà máy thép Việt Trung: Thanh tra tỉnh Lào Cai đã tiến hành thanh tra và có kết luận thanh tra; đồng thời đã triển khai công tác kiểm điểm trách nhiệm cá nhân tập thể theo kết luận của Thanh tra.

(4) Đối với Dự án Nhà máy sản xuất phân bón DAP 1 - Hải Phòng; Dự án nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai; Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất và Dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam: Bộ Công Thương đã tổ chức Đoàn thanh tra toàn diện tại các dự án này và đang tổng hợp kết quả thanh tra. Bộ Công Thương đã có báo cáo kết quả thanh tra trình Thủ tướng Chính phủ.

*\* Về công tác kiểm toán:*

Kiểm toán Nhà nước đã tiến hành thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính kết hợp với đánh giá hiệu quả hoạt động của Nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình và Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 1 - Hải Phòng và đã có kết quả báo cáo kiểm toán đối với Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 1 - Hải Phòng. Đối với Dự án Đạm Ninh Bình, Kiểm toán Nhà nước đã thực hiện khảo sát, thu thập thông tin, tuy nhiên do Tập đoàn Hóa chất chưa thực hiện quyết toán Dự án theo đúng quy định của Nhà nước nên không có đủ căn cứ để thực hiện kiểm toán Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

Riêng đối với Dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi polyester Đình Vũ do PVTex đang làm việc với cơ quan điều tra của Bộ Công an nên tạm thời chưa triển khai thực hiện kiểm toán thực trạng tài chính và tình hình sản xuất kinh doanh theo như kế hoạch.

*\* Về công tác điều tra:*

Đã có 04 dự án, doanh nghiệp được Thanh tra Chính phủ chuyển hồ sơ sang Bộ Công an do trong quá trình thanh tra đã phát hiện ra một số dấu hiệu vi phạm pháp luật, gồm: Dự án Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Quảng Ngãi; Dự án Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Phú Thọ; Dự án mở rộng sản xuất

giai đoạn 2 nhà máy gang thép Thái Nguyên và Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi polyester Đình Vũ.

Đến nay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an cũng đã tiến hành khởi tố Vụ án “Cố lý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng xảy ra tại Công ty cổ phần hóa dầu và xơ sợi dầu khí (PVTex)” trong đó có các sai phạm liên quan đến Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi polyester Đình Vũ; khởi tố Vụ án vi phạm các quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng tại phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố đối với 02 Dự án (Dự án Nhà máy sản xuất NLSH Phú Thọ và Dự án Nhà máy sản xuất NLSH Quảng Ngãi); tiếp tục giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố tại Dự án Nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình và tổ chức trinh sát, nắm tình hình, điều tra, xác minh thu thập tài liệu để làm rõ các sai phạm (nếu có) tại các dự án, doanh nghiệp khác.

*\* Về xử lý các tập thể, cá nhân có sai phạm, vi phạm pháp luật:*

- Đối với tập thể:

Đảng ủy Khối doanh nghiệp Trung ương đã thi hành kỷ luật với hình thức cảnh cáo đối các vi phạm, khuyết điểm của Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn Hóa chất Việt Nam các nhiệm kỳ 2005 - 2010 và 2010 - 2015 theo thông báo Kết luận tại Kỳ họp thứ 17 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương ngày 18 tháng 9 năm 2017.

- Đối với cá nhân:

+ Đối với các cá nhân thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN): Ủy ban Kiểm tra Trung ương đã quyết định cách chức Bí thư và phó Bí thư Đảng ủy PVN và các chức vụ quản lý nhiệm kỳ 2010 - 2015 đối với 2 cá nhân; khai trừ ra khỏi Đảng đối với 01 cá nhân và khiển trách đối với 01 cá nhân đều là nguyên Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Tập đoàn PVN; 01 trường hợp đã bị kỷ luật cảnh cáo, cho thôi giữ chức Ủy viên Bộ Chính trị khóa XII và khai trừ khỏi Đảng.

+ Đối với các cá nhân thuộc Tập đoàn Dệt may Việt Nam: Tất cả thành viên Hội đồng quản trị của Vinatex qua các thời kỳ từ năm 2008 đến năm 2014 đều bị phê bình nghiêm khắc và nghiêm túc rút kinh nghiệm.

+ Đối với các cá nhân thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Vinachem): Ủy ban Kiểm tra Trung ương tại kỳ họp thứ 17 đã ra thông báo đề nghị Ban Bí thư xem xét, thi hành kỷ luật với 01 cá nhân nguyên là Chủ tịch Vinachem. Ngày 17 tháng 11 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định thi hành kỷ luật đối với trường hợp này bằng hình thức cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; kỷ luật cách chức tất cả các chức vụ trong Đảng với

01 cá nhân nguyên là Bí thư Đảng ủy, nguyên Chủ tịch HĐQT Tổng công ty, nguyên Chủ tịch HĐTV Vinachem; kỷ luật cảnh cáo đối với 02 cá nhân trong đó 01 cá nhân nguyên là Bí thư Đảng ủy, nguyên Chủ tịch HĐQT, Tổng công ty và 01 cá nhân nguyên là Phó Bí thư Đảng ủy, nguyên Tổng giám đốc Vinachem.

+ Đối với các cá nhân liên quan đến Vụ án “Cố lý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng xảy ra tại Công ty cổ phần hóa dầu và xơ sợi dầu khí (PVTex)”: Đã khởi tố 5 bị can về tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, bắt tạm giam đối với 04 bị can và ra lệnh truy nã đặc biệt đối với 01 bị can là nguyên Tổng giám đốc PVTex.

+ Đối với trường hợp Dự án nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Phú Thọ: Ngày 21 tháng 6 năm 2018, Cơ quan An ninh điều tra, Bộ Công an đã khởi tố, bắt tạm giam Vũ Thanh Hà, nguyên Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Hóa dầu và nhiên liệu sinh học Dầu khí để điều tra về hành vi “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” trong quá trình thực hiện Dự án Nhà máy nhiên liệu sinh học Phú Thọ.

### **3. Những vấn đề hiện vẫn đang khó khăn, vướng mắc cần tập trung xử lý trong thời gian tới**

Mặc dù tới nay việc xử lý các dự án, doanh nghiệp đã đạt được những kết quả quan trọng như nêu trên, song hiện vẫn đang còn một số khó khăn, vướng mắc chủ yếu như sau:

#### *a) Về xử lý tranh chấp tại các Hợp đồng EPC*

Đối với 8 dự án, doanh nghiệp có vướng mắc, tranh chấp đối với Hợp đồng EPC<sup>2</sup> đến nay vẫn chưa giải quyết được theo tiến độ đã đề ra, một số trường hợp không dàn xếp được và phải đưa ra trọng tài quốc tế phân xử. Trong đó cụ thể như sau:

- Đối với 03 dự án Nhà máy sản xuất phân bón (Dự án nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình; Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy sản xuất đạm Hà Bắc; Dự án nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai): Do các bên không dàn xếp được nên hiện đã phải chuẩn bị sẵn sàng phương án giải quyết tranh chấp tại Trung tâm Trọng tài quốc tế.

- Đối với Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi polyester Đình Vũ: Sau thời gian dài tranh chấp căng thẳng với nhà thầu hợp đồng EPC là Công ty xây dựng Hyundai (HEC) thì nay hai bên đã thống nhất nối lại đàm phán và theo hướng sẽ hòa giải, phía nhà thầu HEC đang xem xét các đề xuất của Tập đoàn PVN và PVTex.

<sup>2</sup> Gồm 03 dự án nhà máy thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam là: Dự án nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình; Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy sản xuất đạm Hà Bắc; Dự án nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai; 03 Dự án nhà máy thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam: Dự án nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Quảng Ngãi; Dự án nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Phú Thọ; Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi polyester Đình Vũ và Công ty DQS; 01 Dự án thuộc Tổng công ty Thép Việt Nam là Dự án mở rộng sản xuất giai đoạn 2 Công ty Gang thép Thái Nguyên.

- Đối với 04 dự án còn lại vẫn đang tiếp tục làm việc để giải quyết các tranh chấp nhưng chưa thống nhất được với các nhà thầu về phương án giải quyết tranh chấp và các giải pháp xử lý cuối cùng.

*b) Về xử lý các vướng mắc trong công tác quyết toán hoàn thành dự án*

- Đối với 5 dự án, nhà máy có vướng mắc đối với quyết toán hoàn thành dự án<sup>3</sup>, mặc dù các bên đã tích cực, chủ động tìm kiếm các giải pháp để xử lý, tuy nhiên, do các khó khăn, vướng mắc đối với Hợp đồng EPC cũng như công tác định giá tài sản nên hiện vẫn chưa xử lý được, chi tiết như sau:

+ Dự án Nhà máy sản xuất NLSH Quảng Ngãi: Do chưa chạy thử nghiệm thu toàn bộ Nhà máy nên chưa thể quyết toán Hợp đồng EPC để thanh quyết toán Dự án.

+ Công ty DQS: Việc quyết toán Hợp đồng EPC của Dự án xây dựng Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất - Giai đoạn 1 và chuyển giao Dự án tàu 104.000 DWT vẫn chưa hoàn thành do vướng mắc về xác định giá trị hoàn thành quyết toán của tàu 104.000 tấn DWT.

- Đối với 03 dự án nhà máy sản xuất phân bón (gồm Dự án nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình, Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy sản xuất đạm Hà Bắc và Dự án nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai): chưa hoàn thành quyết toán hoàn thành dự án và vẫn đang tiến hành các bước triển khai thực hiện, trong đó:

+ Dự án nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai: đã thẩm định xong báo cáo quyết toán dự án hoàn thành đã được kiểm toán và đang tiến hành xin ý kiến cổ đông.

+ Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy sản xuất đạm Hà Bắc: đã hoàn thành báo cáo tự quyết toán dự án hoàn thành và đã thuê tư vấn kiểm toán độc lập thẩm định Báo cáo kiểm toán tự quyết toán dự án, tuy nhiên do còn có một số ý kiến ngoại trừ trọng yếu làm ảnh hưởng đến giá trị quyết toán dự án nên việc quyết toán dự án sẽ khó hoàn thành theo kế hoạch và dự kiến việc quyết toán sẽ được hoàn thành sau khi có phán quyết của Tòa đối với tranh chấp Chủ đầu tư với nhà thầu EPC.

+ Dự án nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình: đã có văn bản gửi Kiểm toán Nhà nước về việc hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện kiểm toán Dự án do Đơn vị tư vấn kiểm toán độc lập đã từ chối đưa ra báo cáo kết quả kiểm toán.

*c) Về vấn đề huy động, bảo đảm nguồn lực để giải quyết khó khăn cho các dự án, doanh nghiệp*

- Đối với một số dự án, các Tập đoàn, Tổng công ty và Chủ đầu tư gặp lúng túng trong việc chỉ đạo các cổ đông nhà nước thực hiện việc biểu quyết tăng

<sup>3</sup> Gồm: Dự án Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Quảng Ngãi; Công ty DQS; Dự án nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình, Dự án cải tạo, mở rộng nhà máy sản xuất đạm Hà Bắc và Dự án nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai.

vốn, bổ sung nguồn lực để xử lý các vấn đề khó khăn của dự án theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; đồng thời bảo đảm nguyên tắc Nhà nước không cấp thêm vốn vào các dự án.

- Một số dự án, đặc biệt là các dự án sản xuất phân bón của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, đang tiếp tục gặp phải khó khăn về vay vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh do các ngân hàng thương mại áp dụng cho vay theo phương thức "thu về 10 phần và chỉ cho vay lại 9 phần" sau mỗi chu kỳ sản xuất, dẫn đến khó khăn, thiếu hụt vốn sản xuất của dự án; giá thành nguyên liệu đầu vào cho sản xuất phân bón tăng cao.

- Một số dự án, doanh nghiệp đã giãn khấu hao và tái cơ cấu lại các khoản nợ vay, tuy nhiên vẫn còn một số các dự án, doanh nghiệp chưa được xử lý nên tiếp tục gặp khó khăn trong việc bố trí nguồn tài chính cho các hoạt động để xử lý các tồn tại, vướng mắc cũng như sắp xếp vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi polyester Đình Vũ, Dự án Nhà máy sản xuất NLSH Quảng Ngãi...).

- Một số dự án, doanh nghiệp đã bị âm vốn chủ sở hữu nên gặp khó khăn trong việc thu xếp nguồn kinh phí để thực hiện các công việc nhằm khởi động, vận hành lại nhà máy và ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh (Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi polyester Đình Vũ, Dự án Nhà máy sản xuất NLSH Bình Phước, Dự án nhà máy sản xuất đạm Ninh Bình, Dự án nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai, Công ty DQS).

#### *d) Các khó khăn, vướng mắc khác*

- Một số dự án vẫn tiếp tục gặp phải khó khăn về thị trường tiêu thụ cho sản phẩm đầu ra và nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất (Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi polyester Đình Vũ, Nhà máy sản xuất NLSH Bình Phước, Công ty DQS...).

- Một số dự án sản xuất nhiên liệu sinh học (Nhà máy sản xuất NLSH Phú Thọ, Nhà máy sản xuất NLSH Bình Phước) có vốn góp của đối tác chiếm đa số, phần vốn góp nhà nước trong dự án thấp (chỉ đạt trên dưới 30%) nên cổ đông nhà nước là Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOil) không thể quyết định được toàn bộ các vấn đề của dự án mà phụ thuộc vào các đối tác bên ngoài (kể cả đối tác nước ngoài).

- Việc triển khai bán đấu giá Nhà máy bột giấy Phương Nam không thành công do việc định giá bán nhà máy hiện nay là quá cao nên chưa thu hút được các nhà đầu tư tham gia đấu giá và gặp vướng mắc về việc chưa có cơ sở pháp lý trong việc điều chỉnh giảm giá khởi điểm để tiếp tục triển khai bán đấu giá Dự án trong trường hợp bán đấu giá lần đầu không thành công.

- Các dự án đều là các dự án đầu tư lớn, thực hiện kéo dài trong nhiều năm và phát sinh nhiều vấn đề về chênh lệch tỷ giá, khấu hao, chi phí tài chính..., cùng với đó là phải xem xét, bảo đảm xử lý tổng thể các vấn đề về công ăn việc làm cho người lao động, ổn định chính trị - xã hội, quốc phòng - an ninh... nên để tiếp tục xử lý triệt để các dự án, doanh nghiệp trong thời gian tới là không đơn giản, đòi hỏi phải huy động được nguồn lực và tập trung chỉ đạo quyết liệt hơn nữa, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị để thực hiện các mục tiêu, giải pháp, phương án xử lý đã đề ra.

#### **4. Phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới**

Để bảo đảm thực hiện xử lý triệt để các tồn tại, yếu kém tại các dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương theo đúng mục tiêu, lộ trình và phương án đã được phê duyệt, yêu cầu đặt ra trong thời gian tới được Chính phủ và Ban Chỉ đạo của Chính phủ xác định và quán triệt chỉ đạo là tập trung bám sát nội dung quan điểm, mục tiêu, giải pháp và phương án xử lý cụ thể theo Đề án xử lý các dự án, doanh nghiệp đã được phê duyệt tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ; bám sát các nội dung nhiệm vụ theo Kế hoạch hành động thực hiện Đề án đã được Ban Chỉ đạo ban hành và phân giao cho các Bộ ngành, các tập đoàn, tổng công ty và cơ quan có liên quan tại Quyết định số 4269/QĐ-BCĐDADNCT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Ban Chỉ đạo; tập trung xử lý khẩn trương, dứt điểm những vấn đề hiện vẫn đang còn tồn tại, vướng mắc ở các dự án, doanh nghiệp. Trong đó, tập trung vào một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

##### *a) Đối với các Bộ, ngành*

##### **\* Bộ Tư pháp:**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan, đơn vị liên quan hỗ trợ các Tập đoàn, Tổng Công ty và doanh nghiệp có dự án rà soát, đề ra giải pháp, lộ trình xử lý các vướng mắc pháp lý liên quan đến hợp đồng EPC, quyết toán và xử lý tài sản của các dự án, doanh nghiệp và báo cáo Ban Chỉ đạo trong tháng 12 năm 2018.

##### **\* Bộ Tài chính:**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp và cơ quan, đơn vị liên quan:

- Rà soát, xử lý theo thẩm quyền vấn đề giãn, giảm mức trích khấu hao tài sản của một số dự án, doanh nghiệp.

- Xử lý việc quyết toán bàn giao tàu 104.00 DWT của Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất.

- Xử lý nợ, lãi suất vay vốn của các dự án, doanh nghiệp tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

- Xem xét, xử lý thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu đối với thạch cao nhân tạo và các vấn đề khác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính và báo cáo Ban Chỉ đạo, Thủ tướng Chính phủ các vấn đề vượt thẩm quyền.

\* Ngân hàng Nhà nước:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Giao các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng tiếp tục tái cơ cấu các khoản nợ vay của các dự án, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và nguyên tắc thị trường, cùng chia sẻ rủi ro. Điều chỉnh lại cơ chế vay, trả nợ cho phù hợp để hỗ trợ dự án, doanh nghiệp ổn định sản xuất kinh doanh.

- Hỗ trợ giải chấp bảo lãnh của Tổng Công ty Thép Việt Nam tại Dự án mở rộng giai đoạn 2 Công ty gang thép Thái Nguyên và xử lý các vấn đề khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

\* Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Xem xét, xử lý các vấn đề về môi trường của các dự án, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Khẩn trương chỉ đạo khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 - Lào Cai để sớm đưa Nhà máy sản xuất trở lại bình thường.

\* Bộ Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan:

- Theo dõi, báo cáo đánh giá tác động của thị trường đến các sản phẩm hàng hóa của 12 dự án, doanh nghiệp và có giải pháp xử lý kịp thời theo chức năng, thẩm quyền để hỗ trợ doanh nghiệp. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ của Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo.

- Đề xuất tiêu chí, quy trình, thủ tục xem xét việc đưa ra khỏi Danh sách các dự án, doanh nghiệp thua lỗ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương đối với dự án, doanh nghiệp đã hoàn thành cơ bản việc xử lý các tồn tại, vướng mắc, sản xuất kinh doanh ổn định, có lãi và báo cáo Ban Chỉ đạo, Thủ tướng Chính phủ.

\* Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước và Bộ Công an:

Tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo về công tác thanh tra, kiểm toán, điều tra, xử lý vi phạm; đồng thời tạo điều kiện để dự án, doanh nghiệp thực hiện Đề án đã được phê duyệt.

*b) Đối với các Tập đoàn, Tổng công ty và chủ đầu tư các dự án*

- Trong Quý IV năm 2018: Chủ động tiếp tục đẩy mạnh xử lý các tồn tại, vướng mắc và nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động thực hiện Đề án của Ban



Chỉ đạo, đặc biệt là việc xử lý các vướng mắc về hợp đồng EPC và quyết toán dự án.

- Tăng cường các biện pháp quản trị doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh, phát huy tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc xử lý các tồn tại, yếu kém tại các dự án, doanh nghiệp do mình quản lý; duy trì, từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, mục tiêu Đề án.

Với tinh thần trách nhiệm, khẩn trương, quyết liệt, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo của Chính phủ xác định sẽ tiếp tục tập trung bám sát các phương án, giải pháp, kế hoạch đã được xây dựng để chỉ đạo triển khai thực hiện, bảo đảm hoàn thành việc xử lý các dự án, doanh nghiệp theo đúng yêu cầu, mục tiêu và lộ trình đã đề ra.

## **II. Về hoàn thành việc xây dựng và thực hiện hiệu quả chiến lược phát triển thị trường trong nước**

Theo Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2017 (Văn bản số 311/VPCP-TH ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ), Bộ Công Thương được giao xây dựng “*Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035*” vào Quý III năm 2017. Đến nay, Bộ Công Thương đã hoàn thành việc xây dựng Chiến lược và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt (Tờ trình số 9122/TTr-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017, Tờ trình số 2468/TTr-BCT ngày 30 tháng 3 năm 2018 và Tờ trình số 4303/TTr-BCT ngày 31 tháng 5 năm 2018). Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 279/TB-VPCP ngày 06 tháng 8 năm 2018, Bộ Công Thương đã hoàn thiện dự thảo Chiến lược và đang khẩn trương triển khai công tác chuẩn bị Hội nghị lấy ý kiến về Dự thảo Chiến lược do Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng chủ trì, dự thảo Chiến lược xác định các mục tiêu, định hướng và các giải pháp lớn trong phát triển thương mại trong nước như sau:

### **1. Mục tiêu**

Xây dựng và phát triển thương mại trong nước hiện đại, tăng trưởng nhanh và bền vững, phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất trong nước, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng, an toàn vệ sinh, môi trường, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước, người sản xuất, phân phối và người tiêu dùng.

### **2. Định hướng**

- Phát triển các phương thức và hình thức tổ chức kinh doanh thương mại trong nước đa dạng, phù hợp với quá trình phát triển sản xuất; góp phần gia tăng giá trị thương mại cho sản phẩm, có khả năng gắn kết và thúc đẩy phát triển sản xuất trong nước;

- Đổi mới phương thức hoạt động của thị trường trong nước theo hướng hiện đại và chuyên nghiệp, phù hợp với quy luật của lưu thông hàng hoá. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong hoạt động thương mại, chú trọng phát triển thương mại điện tử và sự gắn kết giữa thương mại điện tử với các loại hình hoạt động thương mại truyền thống; tạo mọi điều kiện giảm chi phí của hoạt động thương mại;

- Đổi mới công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý thị trường trong nước theo hướng tôn trọng các quy tắc thị trường. Nhà nước chỉ can thiệp vào những địa bàn, lĩnh vực mà tư nhân không tham gia; tạo đột phá trong tổ chức, cơ chế hoạt động quản lý thị trường;

- Hoàn thiện khung khổ pháp luật, tập trung luật hóa các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý, thiết lập trật tự thị trường; nội luật hóa các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia; hoàn thiện cơ chế luật pháp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

- Phát triển đa dạng các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại, kết hợp hài hoà giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của thị trường trên từng địa bàn (khu vực, vùng, miền và cả nước);

- Phát triển đa dạng các loại hình doanh nghiệp trong phân phối, lưu thông, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã thương mại, hộ kinh doanh đổi mới phương thức hoạt động theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp;

- Phát triển, nâng cao năng lực đối với nguồn nhân lực trong ngành phân phối, bán lẻ theo hướng chuyên nghiệp, văn minh, hiện đại, chú trọng nguồn nhân lực đối với các hệ thống bán lẻ truyền thống (chợ, hộ kinh doanh);

- Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã thành lập các hiệp hội bán buôn, bán lẻ tại các vùng miền. Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp thương mại kinh doanh hàng hoá chuyên ngành hoặc kinh doanh hàng hoá tổng hợp, các công ty thương mại bán lẻ hiện đại, các công ty kinh doanh dịch vụ logistics, các doanh nghiệp quản lý và kinh doanh chợ, các doanh nghiệp liên kết sản xuất chế biến và tiêu thụ hàng nông sản - thực phẩm, các hợp tác xã thương mại và dịch vụ nông thôn. Khuyến khích các doanh nghiệp liên kết hình thành mạng lưới kinh doanh dịch vụ thương mại;

- Khuyến khích các thành phần kinh tế xây dựng kho lưu trữ sản phẩm, đặc biệt là sản phẩm nông nghiệp (kho đông lạnh, kho dự trữ nông sản khô, kho, trung tâm logistics). Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung lĩnh vực xây dựng kho lưu trữ nông sản, thủy hải sản vào danh mục đặc biệt ưu đãi đầu tư, được hưởng chính sách ưu đãi về đất đai, được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước;

- Ổn định giá thị trường bao gồm ổn định giá nông sản hàng hóa, đặc biệt là những hàng nông sản quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống của nông dân như thịt lợn, gia cầm, gạo, thủy sản. Nhà nước nghiên cứu xây dựng các giải pháp ổn định giá cả nông sản, gắn với các nguyên tắc thị trường;

- Tiếp tục đẩy mạnh các chương trình xúc tiến thương mại và đầu tư hiện có, tổng kết đánh giá Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Gắn kết với thực hiện các chiến lược liên quan đến xuất khẩu và hội nhập nhằm giảm áp lực cho thị trường trong nước;

- Đẩy mạnh việc thực hiện các chiến lược, đề án, chương trình đi kèm: Chiến lược xuất, nhập khẩu (Quyết định số 2471/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 12 năm 2011), Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2014-2020 (Quyết định số 634/QĐ-TTg, ngày 29 tháng 4 năm 2014), Đề án thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp các mạng phân phối nước ngoài giai đoạn đến năm 2020 (Quyết định số 1513/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 12 năm 2011), Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015-2020 (Quyết định số 964/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 6 năm 2015), Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia (Quyết định số 689/QĐ-TTg, ngày 11 tháng 05 năm 2014), trong đó tập trung vào các giải pháp xúc tiến thương mại trong nước, lành mạnh hóa mạng lưới phân phối, ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn hàng hóa phù hợp với cam kết quốc tế nhằm từng bước kiểm soát nhập khẩu và trật tự, kỷ luật thị trường.

### **3. Một số giải pháp lớn trong phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035**

#### **a) Nhóm giải pháp quản lý hoạt động kinh doanh theo cam kết quốc tế**

- Tiếp tục rà soát các cam kết quốc tế và pháp luật trong nước, sớm hoàn thiện các quy định có liên quan đến hoạt động phân phối nhằm bảo vệ tối đa quyền và lợi ích mà Việt Nam đã đạt được trong các cam kết quốc tế.

- Hướng dẫn triển khai Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (thay thế Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007). Đặc biệt là triển khai thực hiện các quy định mới về Kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) đối với các dự án lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất của doanh nghiệp FDI tại Nghị định này nhằm ngăn ngừa hiện tượng lợi dụng kẽ hở của pháp luật, hạch toán lỗ kéo dài bất hợp lý, né tránh ENT bằng việc lập pháp nhân mới, xem xét ENT trước khi xây dựng, mua, thuê địa điểm lập cơ sở bán lẻ.

- Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật về quản lý thuế, phòng ngừa và ngăn chặn hiệu quả hành vi chuyển giá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, niêm yết giá.

### **b) Nhóm giải pháp phát triển hạ tầng thương mại**

- Tăng cường quản lý nhà nước về phát triển thương mại trong nước thông qua việc nâng cao chất lượng, hiệu lực và hiệu quả các quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại trong từng thời kỳ; rà soát loại bỏ một số quy hoạch ngành hàng không cần thiết; tập trung vào quy hoạch không gian phát triển một số hệ thống hạ tầng thương mại trọng yếu như chợ (đặc biệt là chợ nông thôn), siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm logistics, trung tâm kho-bán buôn.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn hạ tầng thương mại đô thị cho phù hợp với bối cảnh phát triển và nhằm tạo môi trường thuận lợi và tạo sự đồng bộ, khả thi trong việc triển khai các quy định hiện hành, trước hết cần rà soát, sửa đổi Luật Thương mại theo hướng bổ sung quy định về hạ tầng thương mại để làm căn cứ pháp lý cho việc triển khai các chính sách có liên quan.

- Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi, phát triển hạ tầng thương mại theo hướng tạo đồng bộ, thuận lợi cho phát triển các loại hình kết cấu thương mại, đặc biệt tại khu vực nông thôn.

- Tiếp tục hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước xây dựng cơ sở hạ tầng chợ đến năm 2025; Lồng ghép việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để nâng cấp, cải tạo hạ tầng chợ nông thôn. Đối với các chợ đầu mối nông, lâm, thủy sản và nguyên phụ liệu tại những vùng sản xuất hàng hóa tập trung, cần tiếp tục quan tâm bố trí ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương) để đầu tư phát triển cho tương xứng.

- Nghiên cứu cơ chế thu hút đầu tư tư nhân vào đầu tư hạ tầng thương mại trong thời gian tới theo hướng khuyến khích thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại theo hình thức PPP; Khuyến khích doanh nghiệp lớn tham gia đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thương mại phân phối hàng hóa của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước.

- Nâng cấp, phát triển chợ truyền thống, kết hợp với từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ của chợ, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống hàng ngày của người dân trên địa bàn nông thôn; Tập trung cải tạo, nâng cấp các chợ đô thị tại trung tâm quận, thị xã, thành phố hiện có; Tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của tổ chức quản lý chợ; Từng bước xây dựng trong thực tế kết hợp với ban hành quy chế chung về chợ an toàn vệ sinh thực phẩm, chợ thân thiện với môi trường.

- Nghiên cứu kỹ điều kiện và nhu cầu thực tế để lựa chọn xây dựng một số chợ đầu mối bán buôn hàng nông sản ở gần các trung tâm tiêu dùng lớn, trong số đó, lựa chọn một số chợ có tiềm năng và tiềm đề bảo đảm để phát triển lên một trình độ cao hơn như chợ đầu giá nông sản, sàn giao dịch nông sản hàng hóa.

- Tập trung cải tạo, nâng cấp các chợ trung tâm quận, thị xã, thành phố hiện có; duy trì các chợ cấp phường (hoặc liên phường) hoạt động có hiệu quả, có cơ sở vật chất và kỹ thuật bảo đảm, nằm trong quy hoạch, phục vụ đông đảo người dân trên địa bàn; với các chợ xuống cấp và quá tải, mất vệ sinh và gây ô nhiễm môi trường, vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông, chợ tạm, chợ không có trong quy hoạch đều phải chuyển đổi công năng, giải thể hoặc sáp nhập; Khuyến khích và hướng dẫn các hộ tiểu thương đang kinh doanh ở các chợ này mở các cơ sở kinh doanh bán lẻ khác như kios, cửa hàng truyền thống, cửa hàng tiện lợi theo quy hoạch.

- Đối với Sở giao dịch hàng hóa: Hoàn thiện cơ chế chính sách, hệ thống pháp luật về hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa; Tăng cường các biện pháp hỗ trợ đào tạo, tuyên truyền và phổ biến kiến thức về hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát tình hình hoạt động mua bán hàng hóa, tình hình thực thi pháp luật của các đơn vị được cấp phép để bảo đảm cho thị trường mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa hoạt động lành mạnh, bảo đảm quyền lợi cho nhà đầu tư.

### **c) Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả quản lý và điều tiết thị trường**

- Xây dựng cơ chế điều tiết thị trường nhằm khắc phục những mặt trái của kinh tế thị trường, có các biện pháp can thiệp phù hợp, trên cơ sở vận dụng các quy luật thị trường nhằm cân bằng lợi ích của doanh nghiệp và người tiêu dùng, thực hiện bình ổn thị trường, bảo đảm thực hiện các mục tiêu kinh tế vĩ mô của Nhà nước.

- Củng cố, xây dựng hệ thống thông tin, phân tích dự báo thị trường trong nước nhằm phục vụ quản lý điều hành và truyền thông cho doanh nghiệp và người dân; thí điểm xây dựng hệ thống thu thập thông tin, dự báo thị trường một số sản phẩm thiết yếu (gạo, thịt gia súc, gia cầm, rau quả) từ nay tới 2025, sau 2025 mở rộng sang các mặt hàng thiết yếu khác.

- Kiện toàn bộ máy và cơ chế hoạt động của Tổ Điều hành thị trường trong nước theo hướng kết hợp các nguồn lực từ quản lý nhà nước của các Bộ ngành và sử dụng hiệu quả năng lực can thiệp thị trường của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các mặt hàng trọng yếu.

### **d) Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong thương mại**

- Khuyến khích doanh nghiệp đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm việc trong lĩnh vực phân phối, bán lẻ nhằm thúc đẩy hiệu quả hoạt động của

các chủ thể kinh doanh; chú trọng tới việc hỗ trợ về kỹ năng quản lý cũng như đào tạo về kỹ năng chuyên môn cho lao động trong ngành.

- Từ nay tới năm 2025, Nhà nước bảo đảm một phần ngân sách thường xuyên cho hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho ngành phân phối, bán lẻ, đặc biệt đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn; tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn thông qua chương trình đào tạo đã đề ra trong Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát triển thương mại nông thôn giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020” về hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho thương mại trong nước.

- Thực hiện các Chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực tổng hợp, phân tích thông tin thị trường phục vụ công tác quản lý nhà nước và hỗ trợ cung cấp thông tin cho doanh nghiệp.

- Thực hiện các đề án hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực quản trị kinh doanh cho các đối tượng là cán bộ quản lý chợ, cán bộ hợp tác xã thương mại, các hộ kinh doanh; Mở rộng hình thức đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng kiến thức cho đội ngũ cán bộ quản lý thương mại.

- Tranh thủ các nguồn vốn trong và ngoài nước để hỗ trợ đào tạo cho các doanh nghiệp, trong đó phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước; Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo, các chương trình phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng văn minh thương mại cho các hộ kinh doanh ở khu vực nông thôn.

#### **đ) Nhóm giải pháp gắn kết lưu thông với sản xuất, đẩy mạnh liên kết chuỗi**

- Nghiên cứu xây dựng chính sách và áp dụng các biện pháp thích hợp để tăng cường liên kết trong chuỗi cung ứng hàng hóa của các doanh nghiệp phân phối gắn với quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm.

- Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp bán lẻ với các nhà sản xuất trong việc tạo nguồn hàng sản xuất trong nước với giá cả cạnh tranh, bảo đảm đủ tiêu chuẩn chất lượng có thể thỏa mãn nhu cầu mua sắm tiêu dùng đa dạng và ngày càng cao ở Việt Nam để cung ứng cho các cơ sở bán lẻ nhằm giảm sự phụ thuộc vào hàng cùng loại nhập khẩu.

- Nghiên cứu chính sách tăng cường chuỗi giá trị, đổi mới và thuận lợi hóa lưu thông trong đó tập trung vào hình thành và phát triển các chuỗi cung ứng hàng hóa, tập trung trước hết vào các chuỗi cung ứng hàng nông sản thực phẩm thiết yếu của thị trường nội địa. Kết hợp với nghiên cứu cơ cấu lại kinh tế vùng và liên vùng để xây dựng và triển khai thực hiện các đề án phát triển một số chuỗi cung ứng hàng hoá; Thu hút và kết nối các cơ sở sản xuất cùng tham gia vào chuỗi, trở thành thành viên của chuỗi.

### **e) Nhóm giải pháp hỗ trợ ứng dụng tiên bộ khoa học công nghệ**

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi các chính sách, quy định hiện không còn phù hợp với sự phát triển thương mại điện tử cũng như rà soát, sửa đổi, bổ sung ban hành mới các khuôn khổ pháp lý rõ ràng, minh bạch dưới sự giám sát của Ngân hàng nhà nước đối với hệ thống thanh toán điện tử.

- Hỗ trợ và khuyến khích các doanh nghiệp bán lẻ, hộ kinh doanh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý trong hoạt động kinh doanh thông qua tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong việc ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là phương thức thương mại điện tử trong phân phối bán lẻ và quản lý, phát triển hạ tầng thương mại (như sử dụng máy tính nối mạng, hệ thống truyền thông đa phương tiện, các phương thức cung cấp thông tin và thanh toán chi phí mới).

- Khuyến khích doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện các giải pháp tích cực hoàn thiện kết cấu hạ tầng thông tin; hoàn thiện và đào tạo đội ngũ nhân viên kỹ thuật am hiểu về khai thác thông tin và nhanh nhạy trước phản ứng của thị trường.

- Xây dựng chính sách khuyến khích ứng dụng thương mại điện tử trong các doanh nghiệp phân phối, logistics; Thúc đẩy ứng dụng thương mại điện tử trong việc truy xuất nguồn hàng vào hệ thống hạ tầng thương mại như siêu thị, chợ.

- Đẩy nhanh các dịch vụ công trực tuyến, khuyến khích các hoạt động dịch vụ trực tuyến hỗ trợ giao dịch trên mạng. Phát triển đồng bộ hệ thống thanh toán điện tử và các dịch vụ hải quan điện tử; kê khai thuế và nộp thuế, đăng ký kinh doanh qua mạng.

### **g) Nhóm các giải pháp khác**

- Tiếp tục cải cách hành chính, đặc biệt trong lĩnh vực thuế, phí, rà soát các khoản thuế, phí còn trùng lặp, công khai minh bạch và tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong quá trình kê khai nộp thuế.

- Hoàn thiện và ban hành các quy chế về hệ thống bán lẻ (trung tâm mua sắm, trung tâm thương mại, siêu thị...) phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện nay của các đơn vị hoạt động.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động, bảo đảm các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường.

- Nâng cao năng lực quản lý thương mại để các thương nhân tham gia thị trường tuân thủ đầy đủ các quy định, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực bán lẻ.

- Tiếp tục thực hiện Đề án Phát triển thương mại trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2014-2020

trong giai đoạn tới, đặc biệt là giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 để góp phần hỗ trợ thành công cho Cuộc vận động.

- Xây dựng Đề án đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại nội địa giai đoạn 2018- 2025.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại thị trường trong nước. Nghiên cứu xây dựng Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg, ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia và các văn bản liên quan trên cơ sở tổng kết thực tiễn thi hành công tác xúc tiến thương mại trong nước trong bối cảnh Chính phủ đang xem xét ban hành Nghị định quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương. Xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 171/2014/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia.

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt Chiến lược, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành liên quan tập trung thực hiện các nhóm giải pháp đặt ra nhằm xây dựng và phát triển thương mại trong nước hiện đại, tăng trưởng nhanh và bền vững, phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất trong nước, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chất lượng, an toàn vệ sinh, môi trường, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước, người sản xuất, phân phối và người tiêu dùng.

### **III. Về sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động này**

#### **1. Công tác sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp**

Trong thời gian qua, thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14, Bộ Công Thương đã chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tập trung hoàn thiện quy định của pháp luật về quản lý hoạt động bán hàng theo phương thức đa cấp. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

*a) Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, thay thế Nghị định số 42/2014/NĐ-CP về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.*

Được sự đồng ý của Chính phủ, Bộ Công Thương đã khẩn trương xây dựng và trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 42/2014/NĐ-CP về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp vào tháng 3 năm 2017.

Qua quá trình rà soát, điều chỉnh, ngày 12 tháng 3 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Nghị định số 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động



kinh doanh theo phương thức đa cấp, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 5 năm 2018, thay thế Nghị định số 42/2014/NĐ-CP.

Nghị định mới được ban hành là công cụ pháp lý quan trọng giúp tăng cường hiệu quả công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Nghị định đã bổ sung một số quy định mới đáng chú ý như: nâng cao điều kiện đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp (cả điều kiện tài chính và điều kiện kỹ thuật), bổ sung các quy định nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp bán hàng đa cấp, tăng cường phân cấp và nâng cao vai trò quản lý của cơ quan quản lý ở địa phương; bổ sung quy định nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của người tham gia bán hàng đa cấp... Ngoài ra, Nghị định cũng đơn giản hóa một số thủ tục hành chính nhằm tạo thuận lợi hơn cho hoạt động của các doanh nghiệp bán hàng đa cấp chân chính.

*b) Ban hành Thông tư hướng dẫn của Bộ Công Thương*

Để đảm bảo hiệu lực thi hành của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP, vừa qua, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 10/2018/TT-BCT ngày 24 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP. Thông tư có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2018.

*c) Xây dựng Nghị định về xử lý vi phạm trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp*

Để đảm bảo tính đồng bộ, Bộ Công Thương cũng đang khẩn trương triển khai xây dựng Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động bán hàng đa cấp (mở rộng từ việc xây dựng Nghị định số 71/2014/NĐ-CP ngày 21/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Cạnh tranh về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh trình Chính phủ).

Tháng 6 năm 2018, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định.

Tháng 8 năm 2018, Bộ Công Thương đã có báo cáo Chính phủ về việc giải trình, tiếp thu ý kiến của các Thành viên Chính phủ đối với Dự thảo Nghị định. Ngày 08 tháng 10 năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 141/2018/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động bán hàng đa cấp.

**2. Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động bán hàng đa cấp**

Tiếp theo các kết quả tích cực của năm 2016, trong năm 2017 và 06 tháng đầu năm 2018, hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp tiếp tục được Bộ Công Thương duy trì và nâng cao hiệu quả.

- *Tại cấp Trung ương:*

+ Năm 2017, Bộ Công Thương đã triển khai điều tra, xử phạt đối với các doanh nghiệp có hành vi vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp như Công ty

Cổ phần Everrichs (620 triệu đồng), Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Sen Việt Group (300 triệu đồng); Công ty Cổ phần Queenet Quốc tế (240 triệu đồng); Công ty TNHH Thiên Ngọc Minh Uy (140 triệu), Công ty TNHH World Việt Nam (80 triệu); Công ty TNHH Nhã Khắc Lâm (30 triệu); Công ty Người lái xe mặt trời (51 triệu đồng); Công ty TNHH Visi Việt Nam (30 triệu đồng).

+ 09 tháng đầu năm 2018, Bộ Công Thương điều tra, xử phạt đối với Công ty Cổ phần sản xuất Thương mại Quốc tế Greenlife số tiền 510 triệu đồng và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp này; xử phạt 140 triệu đồng đối với một số vi phạm của Công ty TNHH Herbalife Việt Nam; ); Công ty Cổ phần Nhượng quyền Thương mại Toàn thắng (60 triệu đồng). Bộ Công Thương cũng đã kết thúc thanh tra và xử phạt đối với 02 doanh nghiệp bán hàng đa cấp là Công ty TNHH Mỹ phẩm Thường Xuân (170 triệu đồng) và Công ty TNHH Unicity Marketing Việt Nam (240 triệu đồng). Bên cạnh đó, Bộ Công Thương vẫn tiếp tục theo dõi chặt chẽ việc chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty TNHH Thiên Ngọc Minh Uy và thực hiện thanh lý hợp đồng đối với người tham gia sau khi Công ty chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp.

Năm 2018, bên cạnh Công ty Cổ phần sản xuất Thương mại Quốc tế Greenlife bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, tiếp tục có thêm 02 doanh nghiệp thông báo chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp là Công ty TNHH Visi Việt Nam và Công ty TNHH Thương mại Vision Việt Nam.

Trong giai đoạn 2016 - 2018, Bộ Công Thương đã tiến hành xử lý thu hồi giấy chứng nhận hoạt động bán hàng đa cấp của 18 doanh nghiệp, có 18 doanh nghiệp tự chấm dứt hoạt động. Theo đó, tính đến nay, số lượng doanh nghiệp có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hiện chỉ còn 31 doanh nghiệp (giảm 54% so với đầu năm 2016).

*- Tại cấp địa phương:*

Bên cạnh công tác quản lý ở Trung ương, trong năm 2017, các địa phương đã tiếp tục thực hiện tốt hoạt động kiểm tra, giám sát xử lý vi phạm trong hoạt động bán hàng đa cấp. Theo báo cáo của các Sở Công Thương, số tiền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động bán hàng đa cấp là hơn 2,2 tỷ đồng đối với 63 lượt hành vi vi phạm của 19 doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

Trong 6 tháng đầu năm 2018, các địa phương đã xử phạt vi phạm đối với 03 doanh nghiệp bán hàng đa cấp với số tiền phạt là 490 triệu đồng.

### **3. Công tác triển khai thi hành các văn bản quy phạm pháp luật và tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật**

#### *a) Công tác triển khai thi hành*

Để đảm bảo các văn bản quy phạm pháp luật được triển khai kịp thời và hiệu quả, ngày 25 tháng 5 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Công Thương ký Quyết định số 1822/QĐ-BCT ban hành Đề án nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước

trong hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp (Đề án) để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong công tác quản lý bán hàng đa cấp từ Trung ương tới các địa phương.

Trên cơ sở đó, nhiều Sở Công Thương đã tham mưu Ủy ban Nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Kế hoạch triển khai Đề án tại địa phương, tiêu biểu như: Đà Nẵng, Thanh Hóa, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận, Hà Nội, Hưng Yên, Khánh Hòa, Kon Tum, Nghệ An.

Bên cạnh đó, nhiều Sở Công Thương cũng đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh/Thành phố ban hành quy chế phối hợp trong công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương theo quy định tại Nghị định số 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp: Hà Nội, Hà Tĩnh, Khánh Hòa, Cao Bằng, Đắk Lắk....

Quá trình triển khai thực hiện Nghị định, Bộ Công Thương cũng đã có các văn bản hướng dẫn kịp thời để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính trong quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

#### *b) Công tác tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật*

Bộ Công Thương cũng tích cực triển khai công tác tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các quy định mới của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp đến các cơ quan quản lý ở địa phương cũng như các doanh nghiệp và người tham gia bán hàng đa cấp.

- Bộ Công Thương (Cục CT&BVNTD) đã tổ chức các hội nghị tập huấn Nghị định về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp và Thông tư hướng dẫn của Bộ Công Thương đến Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các doanh nghiệp đang hoạt động theo phương thức đa cấp: tại Tp. Hồ Chí Minh vào tháng 5 năm 2018, tại Nghệ An tháng 6 năm 2018, tại Hà Nội vào tháng 7 năm 2018.

- Bộ Công Thương đã cử cán bộ hỗ trợ các Sở Công Thương tổ chức phổ biến, tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật với về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp cho lực lượng quản lý thị trường và cán bộ quản lý tại địa phương: Hà Nội, Thái Nguyên.

- Bộ Công Thương cũng triển khai phổ biến nội dung các văn bản quy phạm pháp luật trực tiếp đến nhiều doanh nghiệp và người tham gia bán hàng đa cấp (08 doanh nghiệp).

Ngoài ra, Bộ Công Thương cũng thường xuyên đăng tải các thông tin về hoạt động của các doanh nghiệp có dấu hiệu kinh doanh theo phương thức đa cấp khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp như FutureNet, Freedom Group... để cảnh báo cho người dân nhằm tránh các thiệt hại không đáng có.

#### **4. Những khó khăn, tồn tại chủ yếu**

*a) Hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp có nhiều biến tướng phức tạp*

Sau khi Bộ Công Thương và các cơ quan chức năng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động bán hàng đa cấp, hoạt động bán hàng đa cấp bất chính đã có dấu hiệu bị đẩy lùi, nhiều doanh nghiệp kinh doanh đa cấp bất chính bị loại bỏ khỏi thị trường. Tuy nhiên, các chủ thể kinh doanh đa cấp bất chính đã có xu hướng chuyển sang các mô hình hoạt động sử dụng phương thức đa cấp nhưng không mua bán hàng hóa thực sự để né tránh sự quản lý của cơ quan quản lý hoạt động bán hàng đa cấp. Mặc dù Bộ Công Thương và các đơn vị báo chí, truyền thông đã có nhiều cảnh báo (ví dụ như cảnh báo về hoạt động đầu tư tiền ảo sử dụng mô hình đa cấp, hoạt động của Freedom Group, hoạt động của FutureNet...) nhưng tình trạng này vẫn còn tồn tại và lôi kéo sự tham gia của nhiều người dân. Mặc dù Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã bổ sung Điều 217a về tội vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp để xử lý các đối tượng vi phạm này nhưng đến nay chưa có vụ việc nào bị xử lý do Luật mới có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

*b) Thiếu hụt nguồn nhân lực của cơ quan quản lý*

Hiện tại, số lượng cán bộ được giao thực hiện công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp là rất hạn chế, trong khi khối lượng công việc rất lớn. Ở các địa phương, công tác quản lý hoạt động bán hàng đa cấp chỉ giao cho một hoặc hai cán bộ kiêm nhiệm bên cạnh các công tác khác. Thiếu hụt nguồn nhân lực là một trong những khó khăn lớn nhất đối với cơ quan quản lý.

**IV. Về triển khai đầy đủ quy định pháp luật về quản lý thị trường để hạn chế tình trạng hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng**

Ngày 06 tháng 5 năm 2016, Thủ tướng chính phủ đã ban hành Quyết định số 19/2016/QĐ-TTg quy định Quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

Theo Pháp lệnh Quản lý thị trường, lực lượng Quản lý thị trường có vị trí, chức năng là lực lượng chuyên trách của Nhà nước thực hiện chức năng phòng, chống, xử lý các hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ; hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng, đo lường, giá, an toàn thực phẩm và gian lận thương mại; hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Để góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội đất nước đặc biệt trong tình hình Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, Chính phủ xác định rõ vai trò quan trọng của mình trong việc đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả góp phần bảo vệ nền sản xuất trong nước, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, thường xuyên và quyết liệt chỉ đạo lực lượng Quản lý thị trường toàn quốc tăng cường kiểm tra việc chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân trong kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại trên thị trường, kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm.

## **1. Tình hình triển khai và kết quả triển khai trong thời gian qua**

### **a) Về các chương trình, kế hoạch được tập trung triển khai thực hiện**

Triển khai chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo 389 quốc gia, Ban Chỉ đạo 389 Bộ Công Thương đã ban hành kịp thời các Chỉ thị, Kế hoạch, chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường toàn quốc xây dựng kế hoạch thường xuyên về kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu, gian lận thương mại trong lĩnh vực nông nghiệp, đồng thời tăng cường công tác quản lý địa bàn, chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng như Kiểm lâm, Biên phòng, Thú y, Công an và chính quyền địa phương tổ chức kiểm tra, kiểm soát việc buôn bán, vận chuyển, kinh doanh một số mặt hàng điển hình gồm: lâm sản, thủy sản, nông sản, gia súc, gia cầm, sản phẩm từ gia súc, gia cầm, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi... và các vấn đề liên quan tới an toàn thực phẩm nói chung.

Lực lượng Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố đã bám sát chỉ đạo của cấp trên, kịp thời xây dựng và triển khai phương án, kế hoạch kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, công tác triển khai của lực lượng được thực hiện thường xuyên, tập trung vào các tuyến, địa bàn trọng điểm, các điểm tập kết thu gom, các bến xe, ga tàu, chợ trung tâm, siêu thị, cơ sở kinh doanh, buôn bán, nhập khẩu. Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố các tỉnh biên giới và các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng... phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn như Bộ đội Biên phòng, Hải quan, Công an và các cơ quan liên quan tổ chức giám sát chặt chẽ các kho, bãi, điểm tập kết, buôn bán lâm sản, nông sản, thủy sản gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc, gia cầm, nhà hàng, quán ăn nhằm ngăn chặn việc vận chuyển, buôn bán, tiêu thụ lâm sản, nông sản, thủy sản không rõ nguồn gốc nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm.

Các kế hoạch, chương trình được triển khai nhằm tăng cường có hiệu quả công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong thời gian gần đây:

- Ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp.

- Kế hoạch cao điểm đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trước, trong và sau Tết Nguyên đán.

- Kế hoạch về tăng cường thanh tra, kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản và chất cấm dung trong chăn nuôi, chế biến thực phẩm.

- Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Kế hoạch tăng cường công tác quản lý phân bón vô cơ; Kế hoạch về tăng cường công tác phòng, chống buôn lậu, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giả, kém chất lượng.

- Kế hoạch đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm trong sản xuất, kinh doanh hàng hoá giả mạo xuất xứ tại các địa bàn trọng điểm đến hết năm 2020.

- Kế hoạch tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại trong kinh doanh xăng dầu.

- Thực hiện Đề án Phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tại các địa bàn, lĩnh vực trọng điểm đến năm 2020...

### **b) Về tăng cường công tác quản lý thị trường, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động thương mại, sản xuất hàng hóa**

Ngày 06 tháng 5 năm 2016, Chính phủ đã ban hành Quy chế về trách nhiệm và quan hệ phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh phòng chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại.

Trong thời gian qua, để tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống các vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại trên thị trường, Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả (do Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban, Bộ Tài chính là Cơ quan thường trực với thành viên là các Bộ ngành), lực lượng quản lý thị trường cả nước đã từng bước củng cố lực lượng, tăng cường triển khai các hoạt động kiểm tra, kiểm soát thường xuyên theo kế hoạch công tác hàng năm và thực hiện quyết liệt nhiều chương trình, kế hoạch chuyên đề để tạo sự chuyển biến rõ rệt hơn ở các địa bàn, lĩnh vực trọng điểm.

#### **\* Về công tác xây dựng lực lượng**

Lực lượng Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 14/CT-BCT ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về một số biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động công vụ của công chức Quản lý thị trường; Chỉ thị số 23/CT-BCT ngày 21 tháng 10 năm 2013 về thực hiện một số giải pháp cấp bách nhằm nâng cao hiệu quả công tác Quản lý thị trường. Một số nhiệm vụ cụ thể triển khai có hiệu quả như:

- Năm 2016, tổ chức 4 lớp bồi dưỡng quản lý Nhà nước ngạch Kiểm soát viên thị trường cho 677 công chức của 63 Chi cục Quản lý thị trường; phối hợp với các tổ chức nước ngoài (thuộc Dự án của Chính phủ Anh, Hàn Quốc, Nhật Bản hỗ trợ) mở 7 lớp đào tạo thực thi quyền sở hữu trí tuệ cho 393 công chức; Tiến hành kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính tại Chi cục Quản lý thị trường Hà Nội, Thừa Thiên Huế, Tiền Giang, Quảng Bình, Bà Rịa-Vũng Tàu; trong năm 2016, lực lượng Quản lý thị trường đã xử lý nghiêm các công chức vi phạm, trong đó: giáng chức 02 công chức, buộc thôi việc 02 công chức, khiển trách 05 công chức, cảnh cáo 03

công chức. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đã báo cáo đề xuất Chính phủ trang cấp 36 xe ô tô cho 36 Chi cục Quản lý thị trường địa bàn trọng điểm.

- Năm 2017, Bộ Công Thương đã chỉ đạo lực lượng Quản lý thị trường tiếp tục triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động công vụ của công chức Quản lý thị trường, trong đó, một số nhiệm vụ được triển khai có hiệu quả như:

+ Tổ chức đào tạo 02 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Quản lý nhà nước ngạch Kiểm soát viên thị trường cho 138 công chức và ngạch Kiểm soát viên chính thị trường cho 238 công chức; tổ chức 03 khóa đào tạo về sở hữu trí tuệ cho 198 công chức, 03 Hội nghị tập huấn nghiệp vụ kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính; cử công chức tham gia các khoá đào tạo nghiệp vụ đấu thầu cơ bản, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành; bồi dưỡng cao cấp lý luận chính trị hệ không tập trung; cử 18 lượt công chức tham dự các khoá đào tạo, hội thảo, tập huấn tại nước ngoài về thực thi quyền sở hữu trí tuệ, thương mại điện tử qua biên giới, nâng cao nhận thức về an toàn thực phẩm; phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc tổ chức thi nâng ngạch kiểm soát chính thị trường cho 173 công chức.

+ Lực lượng Quản lý thị trường các địa phương đã quan tâm cử công chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ; xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo đúng quy định; kiểm tra, đôn đốc công chức thực hiện nghiêm túc nội quy làm việc, quy chế văn hóa công sở; có hình thức khen thưởng kịp thời đối với các cá nhân, tập thể có thành tích cao trong công tác, đồng thời xử lý nghiêm các công chức vi phạm.

+ Bên cạnh đó, công tác kiểm tra nội bộ đã được duy trì hàng năm, thông qua đó đã kịp thời hướng dẫn, chấn chỉnh những thiếu sót trong công tác nghiệp vụ (năm 2017, Cục Quản lý thị trường đã tổ chức kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính tại 03 Chi cục Quản lý thị trường: tỉnh Bình Thuận, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh Quảng Ninh). Trong năm 2017, lực lượng Quản lý thị trường đã xử lý nghiêm các công chức vi phạm, trong đó: hạ bậc lương 02 công chức, khiển trách 08 công chức, cảnh cáo 02 công chức.

- Quý I năm 2018, lực lượng Quản lý thị trường thi hành kỷ luật cảnh cáo 01 công chức, khiển trách 02 công chức.

**\* Kết quả kiểm tra, xử lý:**

Kết quả kiểm tra, xử lý chung của toàn lực lượng Quản lý thị trường từ năm 2016 đến nay:

- Năm 2016, lực lượng Quản lý thị trường cả nước phát hiện, xử lý 104.807 vụ vi phạm (tăng 1.061 vụ, tăng 1 % so với năm 2015); với tổng số thu nộp ngân sách 548,9 tỷ đồng (tăng 89,1 tỷ đồng, tăng 19,4 % so với năm 2015); giá trị hàng tịch thu 380,9 tỷ đồng (tăng 14,9 tỷ đồng, tăng 4,3 % so với năm).

- Năm 2017, lực lượng Quản lý thị trường cả nước kiểm tra 164.355 vụ; phát hiện, xử lý 103.146 vụ vi phạm; thu nộp ngân sách 511,75 tỷ đồng; ước trị giá hàng tịch thu chưa bán trên 215 tỷ đồng.

- Trong 9 tháng đầu năm 2018, lực lượng Quản lý cả nước đã kiểm tra 116.730 vụ; phát hiện, xử lý trên 93.350 vụ vi phạm; thu nộp ngân sách nhà nước trên 380 tỷ đồng.

## **2. Phương hướng, giải pháp trong thời gian tới**

Tình hình buôn lậu, hàng cấm, hàng giả, gian lận thương mại và vi phạm an toàn thực phẩm được đánh giá tiếp tục diễn biến phức tạp, đặc biệt đối với lĩnh vực nông sản và an toàn thực phẩm. Trong thời gian tới, để xử lý có hiệu quả hơn tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, vi phạm an toàn thực phẩm, các Bộ ngành, địa phương sẽ chỉ đạo các lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Trong đó xác định những nội dung trọng tâm cụ thể như sau:

- Thực hiện khẩn trương, nghiêm túc, triệt để các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo 389 quốc gia về công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, vi phạm an toàn thực phẩm.

- Tích cực chủ động phối hợp xây dựng, triển khai đồng bộ các phương án, chuyên đề, kế hoạch tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, đặc biệt là Bộ đội biên phòng, Hải quan tăng cường kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn hàng lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại, vi phạm an toàn thực phẩm ngay từ tuyến biên giới đường bộ và đường biển; kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm; thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo để có thông tin kịp thời, chính xác phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chương trình, kế hoạch để rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp đấu tranh phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Tiếp tục chỉ đạo rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách liên quan đến công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo đảm tính khả thi và theo sát với tình hình thực tế; tạo thuận lợi cho các lực lượng chức năng trong thực thi nhiệm vụ.

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật công vụ, phòng chống các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng của công chức thực thi; khen thưởng, động viên, nêu gương kịp thời đối với tập thể, cá nhân có thành tích, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, bao che, tiếp tay cho buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

- Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; xem xét, xử lý trách nhiệm người đứng đầu, lãnh đạo, cơ quan chức năng và công chức trực tiếp quản lý địa bàn nếu để xảy ra buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm an



toàn vệ sinh thực phẩm phức tạp, nghiêm trọng kéo dài, gây bức xúc trong nhân dân mà không có giải pháp khắc phục kiên quyết, hiệu quả.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục chính sách pháp luật cho mọi đối tượng, biến nhận thức về chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại thành ý thức tự giác thường trực và hành động cụ thể của mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi doanh nghiệp, mỗi người dân; đồng thời, công khai kết quả xử lý vi phạm trên phương tiện thông tin đại chúng cho người dân biết.

### **3. Tình hình triển khai Pháp lệnh quản lý thị trường**

Ngày 04 tháng 11 năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 148/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường.

Triển khai Pháp lệnh Quản lý thị trường, Bộ Công Thương đã xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định số 98/2017/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, trong đó quy định nội dung kiện toàn về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Quản lý thị trường theo mô hình Tổng cục ngành dọc, tập trung, thống nhất.

- Bộ Công Thương đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương.

- Hoàn thiện xây dựng dự thảo các Thông tư, gồm: (1) Thông tư quy định nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra và các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường; (2) Thông tư quy định chế độ quản lý, sử dụng số hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu, biển hiệu và trang phục đối với công chức, người lao động làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường; (3) Thông tư quy định chi tiết về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý trong cơ quan Quản lý thị trường và đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm đối với công chức Quản lý thị trường; (4) Thông tư quy định về Thẻ kiểm tra thị trường.

- Chính lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP và Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2017/NĐ-CP.

### **4. Về vấn đề quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón; thống nhất đầu mối quản lý nhà nước đối với mặt hàng này**

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2014 đến ngày 20 tháng 9 năm 2017, phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón được thực hiện theo Nghị định 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón như sau:

- Bộ Công Thương chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phân bón, trực tiếp quản lý sản xuất, kinh doanh và chất lượng phân bón vô cơ; chỉ định, quản lý các phòng thử nghiệm phân bón vô cơ.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý sản xuất, kinh doanh và chất lượng phân bón hữu cơ, phân bón khác; quản lý khảo nghiệm và sử dụng phân bón (không phân biệt phân vô cơ và hữu cơ); chỉ định, quản lý các phòng kiểm nghiệm phân bón hữu cơ, phân bón khác.

Trong thời gian qua, công tác quản lý sản xuất và kinh doanh phân bón đã đạt được một số kết quả chủ yếu như sau:

- Xây dựng quy hoạch phân bón làm cơ sở phát triển công nghiệp phân bón gắn liền với phát triển hệ thống phân phối, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, phù hợp với quy hoạch phát triển nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác có liên quan.

- Đã xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý phân bón như: Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón; Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón (Nghị định số 163/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 và Nghị định số 115/2016/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2013/NĐ-CP); Thông tư số 29/2014/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều về phân bón vô cơ, hướng dẫn việc cấp phép sản xuất phân bón vô cơ đồng thời sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác tại Nghị định số 202/2013/NĐ-CP.

- Triển khai xây dựng hệ thống Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân bón.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về quản lý phân bón thay thế Nghị định số 202/2013/NĐ-CP. Theo đó, Bộ Công Thương không thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phân bón (phân bón vô cơ). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phân bón.

Để đảm bảo công tác quản lý nhà nước liên tục, không bị gián đoạn ảnh hưởng đến các cơ quan, đơn vị liên quan, từ ngày 20 tháng 9 năm 2017, Bộ Công Thương đã khẩn trương thực hiện công tác chuyển giao công việc quản lý phân bón vô cơ sang Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục thực hiện. Hai Bộ đã thực hiện việc chuyển giao về nội dung công việc, hồ sơ, giấy tờ liên quan cấp phép, công bố hợp quy, đảm bảo không làm gián đoạn, ảnh hưởng đến hoạt động chung của hai Bộ, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cá nhân, tổ chức. Các nội dung nêu trên đã thực hiện xong và không phát sinh vướng mắc cần giải quyết.

## **V. Về công tác thực hiện quy hoạch phát triển ngành ô tô và sản phẩm cơ khí trọng điểm**

**1. Về việc tiếp tục thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong quy hoạch phát triển ngành ô tô Việt Nam; xây dựng lộ trình thực hiện kể từ năm 2017 và các cơ chế khuyến khích sản xuất để bảo đảm tỷ lệ nội địa hóa trong công nghiệp ô tô**

### **a) Những kết quả cơ bản đạt được**

Ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đã phát triển khá nhanh trong 2 năm trở lại đây. Năm 2015, lần đầu tiên sản lượng sản xuất, lắp ráp xe ô tô trong nước đạt trên 200 nghìn xe/năm, tốc độ tăng so với năm 2014 đạt 51%. Năm 2016, sản lượng tiếp tục tăng mạnh, đạt trên 283,3 nghìn xe/năm. Một số loại sản phẩm đã xuất khẩu sang thị trường Lào, Campuchia, Myanmar, Trung Mỹ... Ngành ô tô đã đóng góp hàng tỷ USD vào ngân sách Nhà nước, góp phần giảm nhập siêu. Đồng thời tạo ra việc làm trực tiếp cho hơn 120 nghìn lao động.

Đến năm 2018, ngành sản xuất ô tô trong nước có khoảng 173 doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, trong đó 56 doanh nghiệp sản xuất xe từ linh kiện rời, 117 doanh nghiệp sản xuất từ xe cơ sở. Đa phần các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Một số doanh nghiệp nội địa đã tham gia sâu vào chuỗi sản xuất ô tô toàn cầu. Tổng công suất lắp ráp thiết kế khoảng 500 nghìn xe/năm, trong đó khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 47%, doanh nghiệp trong nước chiếm khoảng 53%. Có nhiều hãng lớn có hoạt động sản xuất, lắp ráp trong nước, đáp ứng khoảng 70% nhu cầu xe trong nước, với tổng sản lượng của thị trường xe du lịch khoảng 210 nghìn xe/năm trong năm 2016, trong đó sản lượng ô tô con khoảng trên 160 nghìn chiếc.

Các chủng loại xe tải, xe khách từ 10 chỗ ngồi trở lên, xe chuyên dụng sản xuất trong nước đã đạt tỷ lệ nội địa hóa cao, đạt mục tiêu đề ra đáp ứng về cơ bản thị trường nội địa (xe tải nhỏ đến 07 tấn đáp ứng khoảng 70% nhu cầu, với tỷ lệ nội địa hóa trung bình 50%; xe khách từ 10 chỗ ngồi trở lên, xe chuyên dụng đáp ứng khoảng 90% nhu cầu, với tỷ lệ nội địa hóa đạt từ 45% đến 50% vượt chỉ tiêu so với quy hoạch).

### **b) Những hạn chế của ngành sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước**

Ngành sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước đã phát triển khá nhanh trong 2 năm trở lại đây và đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, ngành vẫn chưa tạo được sự hợp tác - liên kết và chuyên môn hoá giữa các doanh nghiệp trong sản xuất - lắp ráp ô tô và sản xuất phụ tùng linh kiện; chưa hình thành được hệ thống các nhà cung cấp nguyên vật liệu và sản xuất linh kiện quy mô lớn do đó tỷ lệ nội địa hóa của một số dòng xe còn đạt thấp so với mục tiêu đề ra. Vì vậy, thời gian tới các nhà sản xuất ô tô trong nước cần sớm có các giải pháp hữu hiệu nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, tăng cường hợp tác giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp lớn nước ngoài trong việc sản xuất linh kiện và phụ tùng, trong đó tập trung vào các bộ phận quan trọng, hàm lượng

công lượng công nghệ cao (động cơ - hộp số - bộ truyền động)... để phục vụ nhu cầu của thị trường trong nước, thay thế nhập khẩu, tiến tới xuất khẩu.

Về tỷ lệ nội địa hoá đối với xe cá nhân đến 9 chỗ ngồi: Mục tiêu đề ra là 40% vào năm 2005, 60% vào năm 2010, tuy nhiên đến nay mới đạt bình quân khoảng 7 - 10%, trong đó Thaco đạt 15 - 18%, Toyota Việt Nam đạt 37% đối với riêng dòng xe Innova, thấp hơn mục tiêu đề ra. Các sản phẩm đã được nội địa hóa mang hàm lượng công nghệ rất thấp như: săm, lốp ô tô, ghế ngồi, gương, kính, bộ dây điện, ắc-quy, sản phẩm nhựa... Có tới 80 - 90% nguyên liệu chính cho sản xuất linh kiện như thép hợp kim, hợp kim nhôm, hạt nhựa, cao su kỹ thuật cao hiện phải nhập khẩu. Vật liệu làm khuôn mẫu chủ yếu cũng phải nhập khẩu. Hàng năm, các doanh nghiệp phải nhập khẩu khoảng 2 - 3,5 tỷ USD các linh kiện, phụ tùng phục vụ cho sản xuất lắp ráp và sửa chữa xe.

Năng lực yếu kém của các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp phụ trợ cũng là điều đáng lưu tâm. Các nhà sản xuất khuôn mẫu hoặc có quy mô không lớn hoặc thiếu sự liên kết phối hợp để phát triển. Các doanh nghiệp sản xuất phối và chi tiết đúc cho ngành chưa nhiều và tỉ lệ sai hỏng còn cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của ngành.

Hiện nay, tỷ lệ nội địa hóa của các nước trong khu vực trung bình đã đạt được 65 - 70%, Thái Lan đạt tới 80%. Như vậy, nếu các nhà sản xuất ô tô trong nước không sớm có giải pháp hữu hiệu nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, chắc chắn sẽ khó lòng cạnh tranh với thị trường khu vực khi AFTA có hiệu lực.

### **c) Nhận xét, đánh giá**

- Đối với chủng loại xe chở người dưới 9 chỗ ngồi (xe con): Tỷ lệ nội địa hoá đạt thấp 10 - 15% hơn mục tiêu đề ra (50%) vào năm 2010; lượng xe sản xuất trong nước đáp ứng 60% nhu cầu thị trường, cao hơn chỉ tiêu đề ra theo quy hoạch là 15%. Nguyên nhân là do đối với lĩnh vực sản xuất, lắp ráp xe chở người đến 9 chỗ ngồi (xe con), Việt Nam là nước đi sau trong khu vực (so với các nước như Thái Lan, Indonesia, Malaysia). Chuỗi sản xuất ngành ô tô do các Tập đoàn đa quốc gia chi phối. Họ quyết định hoàn toàn việc nghiên cứu - phát triển, địa điểm sản xuất, phương thức bán hàng... Trong khi đó, trước khi đầu tư dự án lắp ráp tại Việt Nam, các Tập đoàn ô tô lớn của Nhật Bản, Hoa Kỳ... đều đã đầu tư các dự án sản xuất ô tô con có qui mô rất lớn trong khu vực ASEAN. Công suất các dự án sản xuất ô tô con thường được tính toán cho thị trường khu vực, chứ không tính riêng cho quốc gia đặt nhà máy sản xuất, vì vậy các Tập đoàn không có các dự án đầu tư qui mô lớn ở Việt Nam do qui mô thị trường quá nhỏ, bằng 1/10 Thái Lan, 1/5 Indonesia.

- Đối với chủng loại xe ô tô tải và xe chở người trên 10 chỗ ngồi (xe khách): Tỷ lệ nội địa hoá xe tải nhỏ và xe buýt trên 25 chỗ đạt khoảng 45 - 50%, gần đạt mục tiêu đề ra (60%), nguyên nhân là do các chủng loại xe này chủ yếu để phục vụ sản xuất - kinh doanh, ít có sự thay đổi về mẫu mã, có thời gian sử dụng dài nên tỷ lệ nhập khẩu không cao do xe có kích thước lớn, khối lượng nặng... nên các dòng xe tải và xe khách sản xuất trong nước vẫn có lợi thế và tiềm năng phát triển.

- Về công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô: Do thị trường nội địa nhỏ, chỉ ở mức độ hơn 300 ngàn xe/năm, trong khi số lượng doanh nghiệp sản xuất - lắp ráp lớn (56 doanh nghiệp) nên không hấp dẫn các doanh nghiệp đầu tư sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô vì hiệu quả kinh tế thấp do sản lượng nhỏ. Hơn nữa, các nguyên vật liệu cơ bản như thép chế tạo, cao su, nhựa và chất dẻo phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu nên ảnh hưởng đến việc phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô.

#### **d) Những định hướng chính trong phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035**

Nhằm phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam trong thời gian tới, phù hợp với xu thế hội nhập và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chiến lược phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 (tại Quyết định số 1168/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2014) và Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (tại Quyết định số 1211/QĐ-TTg ngày 24 tháng 7 năm 2014) với những định hướng như sau:

- Đối với xe chở người đến 9 chỗ ngồi (xe con): Định hướng cho giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 là tập trung vào phát triển các sản phẩm xe con phù hợp với người Việt Nam và xu hướng phát triển xe con của thế giới (xe thân thiện môi trường: eco car, hybrid, xe điện....) gồm: Xe cá nhân, kích thước nhỏ, tiêu thụ ít năng lượng, thân thiện với môi trường và giá cả phù hợp với người tiêu dùng Việt Nam. Mục tiêu đến năm 2020 - 2025, xe sản xuất trong nước đáp ứng 60 - 70% nhu cầu thị trường và nội địa hóa đến 2020 đạt từ 35 - 40%, đến năm 2021 - 2025 đạt 40 - 45%.

- Đối với xe tải và xe khách: Tập trung vào phát triển các chủng loại sản phẩm sản xuất trong nước có lợi thế và các sản phẩm phục vụ nông nghiệp, nông thôn; các loại xe chuyên dùng, gồm có: xe tải nhỏ đa dụng phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn; xe khách tầm trung và tầm ngắn; xe chở bê tông, xi-téc và đặc chủng an ninh - quốc phòng; xe nông dụng đa chức năng.

- Về công nghiệp hỗ trợ: Định hướng cho thời gian tới là tăng cường hợp tác giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp lớn nước ngoài trong việc sản xuất linh kiện và phụ tùng, trong đó tập trung vào các bộ phận quan trọng, hàm lượng công nghệ cao (động cơ - hộp số - bộ truyền động) để phục vụ nhu cầu của thị trường trong nước, thay thế nhập khẩu, tiến tới xuất khẩu.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2016 về cơ chế, chính sách thực hiện Chiến lược và Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 với những cơ chế, chính sách hỗ trợ cụ thể về tín dụng đầu tư, hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo... và các chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, hạ tầng. Đặc biệt, các dự án sản xuất, lắp ráp xe ưu tiên phát triển (Xe tải nhỏ đa dụng phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn; Xe khách tầm trung và tầm ngắn; Xe cá nhân chở người đến 9 chỗ ngồi,

kích thước nhỏ, xe tiết kiệm nhiên liệu, giá cả phù hợp với người tiêu dùng; Các loại xe chuyên dùng...) có quy mô lớn, ngoài việc được hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi như trên sẽ được Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định hỗ trợ, ưu đãi đối với từng dự án cụ thể theo quy định của pháp luật về đầu tư.

**đ) Các giải pháp chủ yếu nhằm phát triển công nghiệp ô tô gắn với mục tiêu tăng tỷ lệ nội địa hóa trong công nghiệp ô tô Việt Nam thời gian tới**

Để phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam, gắn liền với mục tiêu tăng tỷ lệ nội địa hóa trong ngành công nghiệp ô tô, các giải pháp được tập trung triển khai thực hiện như sau:

- Thành lập Tổ công tác liên ngành đánh giá việc thực hiện Chiến lược, Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ô tô Việt Nam theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng. Sau khi thành lập, Tổ công tác đã làm việc với các doanh nghiệp ngành ô tô Việt Nam, qua đó sẽ xác định rõ kế hoạch phát triển sản xuất của từng doanh nghiệp trong giai đoạn 2018 - 2020; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp và đề xuất giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ doanh nghiệp theo hướng: Điều chỉnh các chính sách về thuế, thị trường, hình thành hệ thống nhà cung cấp linh kiện và phụ tùng; Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp tục sản xuất ô tô trong nước để cắt giảm chi phí sản xuất; hạ giá thành; cải tiến chất lượng; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

- Xây dựng Nghị định về sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu xe ô tô: Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu, xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô, qua đó đảm bảo thị trường ô tô phát triển bền vững, minh bạch, đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng và cộng đồng doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp ô tô và công nghiệp hỗ trợ qua đó tăng tỷ lệ nội địa hóa của ngành công nghiệp ô tô Việt Nam theo hướng:

+ Tận dụng cơ hội thị trường do các chính sách vừa ban hành, tập trung hỗ trợ để thúc đẩy nhanh dự án của Công ty cổ phần ô tô Trường Hải (Thaco), Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công, Tập đoàn VinGroup (VinFast) và các dự án khác. Đây là những tín hiệu tốt cho việc gia tăng sản lượng ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước trong thời gian tới.

+ Nghiên cứu, trình Quốc hội ban hành sửa đổi áp dụng mức thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xe có tỷ lệ nội địa hóa cao (không đánh thuế tiêu thụ đặc biệt đối với phần giá trị tạo ra trong nước).

+ Xây dựng thí điểm chuỗi cung ứng ngành ô tô cho các doanh nghiệp sản xuất và lắp ráp ô tô trong và ngoài nước.

+ Về dài hạn, có các cơ chế chính sách thu hút đầu tư từ các Tập đoàn đa quốc gia đầu tư các dự án có quy mô lớn tại Việt Nam, đặc biệt tập trung vào các thương hiệu và dòng xe chưa có tại khu vực ASEAN, nhằm tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong nước tham gia sâu nhất vào chuỗi sản xuất ô tô đa quốc gia.

## **2. Về việc hoàn thành danh mục sản phẩm cơ khí trọng điểm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2025**

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn và đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam và chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng tại công văn số 1185/VPCP-CN ngày 13 tháng 02 năm 2017, Bộ Công Thương đã chủ trì, làm việc với các Bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội, Doanh nghiệp... để xin ý kiến góp ý về các nội dung cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định số 10/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2016 cho phù hợp với tình hình thực tế.

Ngành cơ khí có đặc thù là ngành có suất vốn đầu tư cao, thời gian hoàn vốn dài, sản phẩm tiêu thụ chậm, hiệu quả của các dự án đầu tư cơ khí trọng điểm không cao, không thu hút các nhà đầu tư vào lĩnh vực cơ khí nói chung và cơ khí trọng điểm nói riêng. Vì vậy, cần phải có chính sách ưu đãi và hỗ trợ để thu hút nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực cơ khí. Các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, Hiệp hội ngành nghề liên quan đã có văn bản góp ý sửa đổi bổ sung các cơ chế chính của Quyết định số 10/2009/QĐ-TTg nêu trên và sửa đổi, bổ sung Danh mục sản phẩm cơ khí trọng điểm và Danh mục Dự án sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm theo hướng phù hợp với tình hình thực tế cho giai đoạn đến năm 2025.

Trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2018 phê duyệt Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, với Danh mục sản phẩm cơ khí trọng điểm từ năm 2017 đến năm 2025 và các cơ chế chính sách để thúc đẩy phát triển ngành cơ khí.

## **VI. Về thực hiện yêu cầu của Nghị quyết số 62/2013/QH13 của Quốc hội về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện**

### **1. Các nhiệm vụ chính**

Theo Nghị quyết số 33/2016/QH14 của Quốc hội, Quốc hội giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tập trung chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương, trong năm 2017, triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục những hạn chế, yếu kém, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong các lĩnh vực được chất vấn tại kỳ họp thứ 2, báo cáo Quốc hội tại các kỳ họp sau. Theo đó, đối với lĩnh vực thủy điện cần tiếp tục thực hiện tổng rà soát, đánh giá quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành và khai thác các công trình thủy điện theo đúng

yêu cầu của NQ62, gắn phát triển thủy điện với thủy lợi; tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, kiên quyết xử lý các công trình, dự án thủy điện vi phạm pháp luật.

Để thực hiện tốt các nội dung yêu cầu trên của Quốc hội, tại NQ11 của Chính phủ đã cụ thể hóa các nội dung bằng chương trình hành động với các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu và phương pháp tổ chức thực hiện NQ62 của Quốc hội một cách cụ thể, thống nhất và đồng bộ từ các Bộ, ngành Trung ương đến các địa phương làm cơ sở triển khai thực hiện. Cụ thể như sau:

- Tiếp tục tổ chức rà soát, đánh giá quy hoạch thủy điện, kể cả các dự án tạm dừng có thời hạn, các công trình thủy điện đang vận hành khai thác, bảo đảm sử dụng tài nguyên nước hợp lý, bảo vệ đa dạng sinh học; kiên quyết loại bỏ, dừng các dự án, công trình thủy điện không hiệu quả, không bảo đảm an toàn, có ảnh hưởng xấu tới chế độ dòng chảy, môi trường và đời sống người dân; nâng cao chất lượng lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện quy hoạch; tổ chức thực hiện thống nhất, đồng bộ quy hoạch thủy điện trong tổng thể quy hoạch phân ngành năng lượng.

- Bảo đảm bố trí đủ quỹ đất và thực hiện nghiêm túc việc trồng rừng thay thế, đặc biệt là rừng đầu nguồn lưu vực sông của các công trình thủy điện. Kiên quyết ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi lợi dụng hạ tầng kỹ thuật công trình thủy điện để chặt, phá rừng, khai thác tài nguyên thiên nhiên trái phép. Thực hiện nghiêm túc chính sách, pháp luật về dịch vụ môi trường rừng.

- Tập trung hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thủy điện và việc ban hành chính sách ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, triển khai các đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư dự án thủy điện.

- Tăng cường năng lực quản lý lưu vực sông, điều phối, giám sát việc tuân thủ quy trình vận hành liên hồ chứa, đặc biệt là các hồ chứa bậc thang, bảo đảm không để xảy ra tình trạng vận hành hồ chứa gây lũ kép; giải quyết các vấn đề liên ngành, liên địa phương trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Nâng cao chất lượng đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường đối với quy hoạch, dự án, công trình thủy điện và kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện. Sớm ban hành hướng dẫn cụ thể quy định dòng chảy tối thiểu sau các đập thủy điện.

- Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, khai thác có hiệu quả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước, khí tượng thủy văn; mô hình tính toán, dự báo lưu lượng nước đến hồ trong mùa lũ và mùa cạn; hệ thống viễn thông, quan trắc, giám sát, cảnh báo, dự báo tài nguyên nước trên các hệ thống sông lớn. Xây dựng đầy đủ phương án phòng chống lũ, lụt cho vùng hạ du và cơ chế giám sát của cộng đồng đối với việc xả lũ của các hồ chứa.

- Tạo sự chuyển biến tích cực trong công tác quản lý nhà nước và thực thi các quy định pháp luật của các cơ quan, đơn vị liên quan về quy hoạch, đầu tư xây



dụng, vận hành, khai thác các dự án/công trình thủy điện, bảo đảm việc phát triển thủy điện an toàn, bảo vệ môi trường - xã hội và đạt hiệu quả khai thác tổng hợp.

- Quy định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân trong quá trình chỉ đạo, điều hành; nâng cao chất lượng công tác tham mưu, phục vụ, củng cố lực lượng cán bộ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước. Kiểm tra, giám sát, làm rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm vi phạm trong công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành khai thác công trình thủy điện.

## **2. Về tình hình triển khai thực hiện**

Ngày 10 tháng 02 năm 2017, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã có Quyết định số 396/QĐ-BCT ban hành Kế hoạch hành động của ngành Công Thương triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV trong lĩnh vực thủy điện, theo đó xác định rõ những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Tiếp tục thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được Chính phủ giao cho Bộ Công Thương chủ trì thực hiện tại Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014.

- Rà soát, đánh giá tổng thể các văn bản quy phạm pháp luật, Quy chuẩn kỹ thuật, Tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến công tác quản lý về quy hoạch, đầu tư xây dựng, chất lượng công trình, vận hành, khai thác, an toàn đập thủy điện. Từ đó, kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung kịp thời, đảm bảo tuân thủ pháp luật hiện hành và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

- Đánh giá tình hình thực hiện công tác quản lý chất lượng các dự án/công trình thủy điện từ giai đoạn quy hoạch đến khi nghiệm thu đưa vào vận hành khai thác của các cơ quan, đơn vị liên quan (cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư dự án, các nhà thầu tham gia thực hiện dự án...). Trong đó, cần đánh giá tình hình bố trí nhân lực thực hiện nhiệm vụ này của Sở Công Thương các tỉnh liên quan; việc chấp hành các quy định liên quan của Chủ đầu tư các dự án thủy điện; đánh giá các tồn tại, khó khăn, vướng mắc và đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo quản lý chặt chẽ chất lượng công trình thủy điện.

- Rà soát kỹ nội dung các Quy trình vận hành (QTVH) hồ chứa thủy điện để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành; đánh giá tình hình thực hiện các quy định tại QTVH liên hồ chứa trên lưu vực sông, QTVH hồ chứa của Chủ đập thủy điện và các cơ quan, đơn vị liên quan; tổng hợp thông tin về các hồ chứa chưa tuân thủ quy định về việc lập, trình phê duyệt QTVH; đánh giá các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện và đề xuất, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung các quy định liên quan tại QTVH hồ chứa thủy điện đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Từ đó, chủ động giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết nhằm đảm bảo vận hành khai thác các công trình thủy điện an toàn, bảo vệ môi trường - xã hội, đạt hiệu quả khai thác tổng hợp, phù hợp với điều kiện khí tượng, thủy văn, địa hình, hiện trạng hành lang thoát lũ, bố trí dân cư, hạ tầng kỹ thuật vùng hạ du đập.

- Tổ chức thực hiện, tổng hợp tình hình thực hiện và đánh giá kỹ nội dung các Phương án: Phòng, chống lụt bão đảm bảo an toàn đập; Phòng, chống lũ lụt vùng hạ du do xả lũ, vỡ đập và Bảo vệ đập tại các công trình thủy điện; rà soát, đánh giá khó khăn, vướng mắc tại các đập thủy điện chưa lập, trình duyệt các Phương án nêu trên. Trong đó, cần đánh giá việc quan trắc khí tượng, thủy văn tại công trình và trên lưu vực của Chủ đập; việc bảo vệ, tình hình xâm phạm hành lang thoát lũ ở hạ du các đập thủy điện; việc lập bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập; công tác diễn tập Phương án phòng, chống lũ lụt vùng hạ du đập. Từ đó, kịp thời điều chỉnh, bổ sung nội dung các Phương án nêu trên; thực hiện các biện pháp khả thi đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn đập, đặc biệt là tại các công trình thủy điện khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

- Rà soát, đánh giá việc chấp hành quy định pháp luật về điều kiện cấp và duy trì Giấy phép hoạt động điện lực (Giấy phép HĐĐL) của các nhà máy thủy điện. Trong đó, cần đánh giá việc thực hiện xả dòng chảy tối thiểu, cung cấp nước cho hạ du; thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, trồng rừng thay thế, chi trả dịch vụ môi trường rừng, phòng chống cháy nổ, quản lý chất lượng công trình, an toàn đập, vận hành hồ chứa; việc đáp ứng yêu cầu điều kiện của cán bộ vận hành. Từ đó, thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo các nhà máy thủy điện chấp hành đầy đủ quy định pháp luật liên quan.

- Tổ chức phổ biến đầy đủ kiến thức, quy định pháp luật liên quan đến việc chỉ huy, thực hiện lệnh vận hành hồ chứa thủy điện (đặc biệt trong mùa mưa, lũ) cho các tỉnh, các nhà máy thủy điện còn những vấn đề tồn tại, hạn chế liên quan.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về vai trò, chức năng của các công trình thủy điện; nội dung QTVH hồ chứa thủy điện; các quy định về an toàn đập và công tác phòng, chống lụt bão của công trình thủy điện.

Theo Kế hoạch hành động số 396/QĐ-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 nêu trên, các đơn vị thuộc Bộ Công Thương được yêu cầu chủ động lập kế hoạch và thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ được giao theo đúng tiến độ.

### **3. Kết quả thực hiện**

#### *a) Về rà soát quy hoạch thủy điện*

Kết quả rà soát thủy điện tính đến tháng 10 năm 2018 đã cơ bản đầy đủ trên phạm vi cả nước, đảm bảo các yêu cầu tại NQ62 của Quốc hội. Đặc biệt, thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Thông báo số 191/TB-VPCP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ tại Hội nghị về các giải pháp khôi phục rừng bền vững vùng Tây Nguyên nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Công Thương đã phối hợp với UBND các tỉnh có Dự án thủy điện trên địa bàn tổ chức rà soát, đánh giá toàn diện bao gồm cả các dự án đã được phê duyệt và các dự án đang được nghiên cứu, khảo sát để xem xét

đưa vào quy hoạch trên cơ sở tuân thủ nghiêm túc các nội dung chỉ đạo của Ban bí thư và Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể tình hình quản lý quy hoạch trên địa bàn cả nước hiện nay như sau:

- Đối với các dự án thủy điện (DATĐ) có công suất lắp máy trên 30 MW: Hầu hết DATĐ này nằm trên các lưu vực sông chính, sông lớn đã được Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ Công Thương phê duyệt và đã đi vào vận hành phát điện.

- Đối với các DATĐ có công suất bằng hoặc nhỏ hơn 30 MW: Đặc điểm chung là chủ yếu nằm trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn nên tài liệu cơ bản để lập quy hoạch còn hạn chế, điều kiện khảo sát thực địa không thuận lợi... Trong khi cơ quan xây dựng quy hoạch (Sở Công Thương) các tỉnh có dự án còn thiếu hoặc chưa có cán bộ chuyên môn; sự phối hợp giữa các Sở, ngành của địa phương trong quá trình lập, xem xét quy hoạch cũng chưa thực sự chặt chẽ, vì vậy, chất lượng quy hoạch thủy điện nhỏ bộc lộ khá nhiều hạn chế, không ít dự án phải điều chỉnh sơ đồ khai thác và quy mô trong quá trình nghiên cứu đầu tư; mặt khác, do tình hình phát triển cơ sở hạ tầng cần thiết như giao thông, lưới điện... tại các khu vực này còn chậm nên một số dự án nhỏ chưa đảm bảo khả thi.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công Thương phối hợp với UBND các tỉnh rà soát lại quy hoạch thủy điện, kiên quyết loại khỏi quy hoạch các DATĐ chiếm nhiều diện tích đất hoặc có ảnh hưởng lớn đến môi trường, kinh tế, xã hội. Trên cơ sở kết quả rà soát, Chính phủ đã liên tục báo cáo kết quả trước Quốc hội tại các Kỳ họp Quốc hội khóa XIII và khóa XIV. Hiện nay Chính phủ đang tiếp tục chỉ đạo Bộ Công Thương phối hợp tốt hơn nữa với UBND các tỉnh có DATĐ để rà soát, đánh giá công tác quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng các DATĐ theo tiêu chí đặt ra. Tính đến thời điểm hiện nay, Bộ Công Thương và UBND các tỉnh đã thống nhất loại khỏi quy hoạch 474 DATĐ và 213 địa điểm tiềm năng có ảnh hưởng lớn đến môi trường - xã hội. Thời gian gần đây, Bộ Công Thương đang xem xét kỹ các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật và các tiêu chí về môi trường - xã hội đối với các DATĐ để kiên quyết loại bỏ hoặc điều chỉnh hợp lý trong quá trình thẩm định phê duyệt quy hoạch thủy điện.

Trong thời gian vừa qua, hầu hết các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tiềm năng phát triển thủy điện đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương chỉ đạo thực hiện công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng thủy điện vừa và nhỏ theo đúng quy định và đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số tỉnh thường xuyên đề nghị Bộ Công Thương bổ sung quy hoạch thuần túy dựa trên đề xuất của các nhà đầu tư mà chưa có cách tiếp cận, nghiên cứu tổng thể về khai thác tiềm năng thủy điện, chưa thực sự phù hợp với quy hoạch điện lực của Tỉnh và đảm bảo phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường.

Để quản lý hiệu quả quy hoạch thủy điện theo NQ62 về tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện, Bộ Công Thương đã có văn bản đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương có tiềm năng phát triển thủy điện tiếp tục chỉ đạo thực hiện một số nội dung sau:

- Nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng về việc tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Thông báo số 191/TB-VPCP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ.

- Chưa xem xét, nghiên cứu để bổ sung vào quy hoạch đối với các DATĐ có quy mô công suất nhỏ hơn hoặc bằng 3,0 MW.

- Việc xem xét để bổ sung các DATĐ vừa và nhỏ vào quy hoạch phải tuân thủ các tiêu chí theo quy định tại Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương và đồng bộ với Quy hoạch phát triển điện lực của Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tờ trình và hồ sơ quy hoạch bổ sung nguồn thủy điện vừa và nhỏ trình đồng bộ trong Quy hoạch phát triển điện lực Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (theo kỳ quy hoạch 5 năm). Bộ Công Thương sẽ xem xét thẩm định song song Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ và Quy hoạch phát triển điện lực Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Hiện nay UBND các tỉnh vẫn đang tiếp tục rà soát quy hoạch thủy điện trên địa bàn quản lý để xem xét thu hồi chủ trương đầu tư đối với các dự án đã quá hạn theo hạn trong Giấy chứng nhận đầu tư được cấp mà Chủ đầu tư không triển khai thực hiện; Các dự án thuộc danh mục được đầu tư trong giai đoạn 2015 - 2020 và đang trong quá trình nghiên cứu đầu tư giai đoạn sau năm 2020 vẫn được tiếp tục rà soát, đánh giá tình hình thực hiện và kết quả nghiên cứu đầu tư để có phương án điều chỉnh hợp lý hoặc xem xét thu hồi để loại khỏi quy hoạch theo đúng các yêu cầu đã được nêu ra trong NQ62 của Quốc hội.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. Theo đó, công tác lập, thẩm định và phê duyệt được quy định như sau:

- Khoản 2, Điều 59: Quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh đã được lập, thẩm định trước ngày Luật này có hiệu lực mà chưa được quyết định hoặc phê duyệt thì được thực hiện quyết định hoặc phê duyệt theo quy định của Luật này.

- Khoản 2, Điều 58: Các quy định của Luật này về lập, thẩm định quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2018.

Căn cứ các quy định nêu trên, đối với công tác thẩm định, phê duyệt điều chỉnh bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Lai Châu nói riêng và cả nước nói chung, Bộ Công Thương đang chỉ đạo thực hiện như sau:

- Đối với các DATĐ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt vẫn được tiếp tục xem xét để điều chỉnh quy hoạch theo quy định hiện hành cho đến khi Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 có hiệu lực (ngày 01 tháng 01 năm 2019)

- Đối với các DATĐ đã được UBND tỉnh tổ chức nghiên cứu lập quy hoạch và thẩm định trước ngày 01 tháng 3 năm 2018 để trình Bộ phê duyệt bổ sung quy hoạch thì tiếp tục giải quyết theo thẩm quyền của Bộ Công Thương.

- Đối với các Dự án thủy điện được UBND tỉnh tổ chức nghiên cứu lập quy hoạch sau ngày 01 tháng 3 năm 2018 sẽ được thực hiện theo Luật quy hoạch số 21/2017/QH14.

*b) Đánh giá sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng*

Trong khuôn khổ thực hiện Quyết định số 396/QĐ-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc ban hành Kế hoạch hành động của ngành Công Thương triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV trong lĩnh vực thủy điện, Bộ Công Thương đã chủ trì phối hợp với các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Lào Cai, Hà Giang và Tập đoàn Điện lực Việt Nam tổ chức các đợt kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình trong công tác khảo sát, thiết kế, thi công, nghiệm thu, quản lý an toàn; giải quyết sự cố khi thi công công trình và cam kết về môi trường đối với các dự án/công trình thủy điện: An Khê - Ka Nak (173 MW); Sông Bung 2 (100 MW); Bắc Mê (45 MW); Sê San 3 (260 MW); Sê San 3A (108 MW); Đăk Srông 3A (10,2 MW); Hà Tây (13 MW); Alin B1 (42 MW); A Lin B2 (20 MW); Sông Tranh 3 (62 MW); Sông Bung 5 (57 MW); Đăk Pring (7,5 MW); Đồng Văn 28 (MW); Nhạn Hạc (59 MW); Hòa Thuận (17,4 MW); Hoa Thám (5,8 MW); Hồ Hô (14 MW); Nậm Cùn (40 MW); Sơn Trà 1 (60 MW); Nậm Ban 2 (22 MW); Hạ Rào Quán (6,4 MW).

Đối với Nhà máy thủy điện Hạ Rào Quán thuộc địa bàn tỉnh Quảng Trị, Bộ Công Thương đã chỉ đạo các đơn vị chức năng của Bộ phối hợp với Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị tổ chức kiểm tra, đánh giá toàn diện về công tác đảm bảo an toàn trong vận hành đối với các hạng mục công trình của thủy điện Hạ Rào Quán (đặc biệt là an toàn chống lũ đối với nhà máy); các điều kiện đảm bảo an toàn về sản xuất và cung cấp điện lên lưới điện quốc gia; việc chấp hành các quy định về trồng rừng thay thế, xả dòng chảy tối thiểu, chi trả dịch vụ môi trường rừng... chỉ đạo Chủ đầu tư các dự án khẩn trương lập phương án thiết kế đảm bảo an toàn cho nhà máy trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện trước mùa mưa lũ năm 2019.

Đối với sự cố hầm dẫn dòng thi công Công trình thủy điện Sông Bung 2 tỉnh Quảng Nam, Bộ Công Thương xác định đây sự cố công trình nghiêm trọng, gây thiệt hại về người, tài sản và ảnh hưởng lớn đến tiến độ phát điện của công trình và cũng là bài học kinh nghiệm đắt giá trong công tác quản lý chất lượng xây dựng công trình của Chủ đầu tư và các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là cơ quan lý nhà nước tại địa phương đối với các DATĐ. Thủ tướng Chính phủ đã có Công điện số 1634/CD-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 giao Bộ Công Thương chủ trì, phối

hợp với Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam và các cơ quan có liên quan tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình theo quy định, xác định trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan, đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn công trình, Bộ Công Thương đã nghiêm túc tổ chức thực hiện giám định nguyên nhân sự cố nêu trên. Trên cơ sở kết quả kiểm định của Tư vấn kiểm định, ngày 24 tháng 10 năm 2017, Bộ Công Thương đã có Báo cáo số 103/BC-BCT Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả giám định, đánh giá nguyên nhân gây ra sự cố đồng thời làm rõ trách nhiệm và đề xuất hình thức xử phạt đối với các chủ thể có liên quan đến sự cố công trình theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hiện nay Bộ Xây dựng đang triển khai thực hiện theo thẩm quyền.

Nhìn chung, qua việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương, công tác quản lý chất lượng xây dựng đã từng bước được nâng cao. Cụ thể, trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng, việc điều chỉnh quy mô, thay đổi thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công so với Hồ sơ thiết kế đã được cấp có thẩm quyền tham gia ý kiến; Chủ đầu tư các DATĐ đã nhận thức đúng đắn và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, đã ý thức về việc tăng cường đội ngũ cán bộ chuyên môn có kinh nghiệm đầu tư xây dựng thủy điện cho nên việc quản lý chất lượng xây dựng công trình được ngày càng được cải thiện. Mặt khác, trong quá trình thi công Chủ đầu tư các DATĐ đã thường xuyên báo cáo đầy đủ tình hình triển khai xây dựng cho các cơ quan chức năng theo quy định; các đơn vị tư vấn mới thành lập, còn thiếu kinh nghiệm đã quan tâm tuyển dụng đội ngũ cán bộ có chất lượng chuyên môn cao; các nhà thầu thi đã chú trọng hơn trong việc bố trí nhân lực và thiết bị có chất lượng cao và hiện đại, phù hợp với đặc thù công việc.

Tuy nhiên hiện nay, việc phân cấp để quản lý chất lượng công trình vẫn còn tồn tại một số bất cập cần được khắc phục, cụ thể như sau:

- Các Sở Công Thương chưa có hoặc có ít cán bộ có chuyên môn cần thiết liên quan đến công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng như: thủy lợi, thủy điện, xây dựng, giao thông,... Qua kiểm tra, đánh giá cho thấy, việc quản lý chất lượng công trình của các Sở Công Thương từ khâu thẩm định thiết kế đến việc tổ chức, thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu còn tồn tại một số vấn đề, chưa theo đúng quy định và chưa đáp ứng yêu cầu công việc.

- Việc phối hợp giữa Sở Công Thương hoặc Chủ đầu tư các DATĐ với các chuyên gia hoặc đơn vị tư vấn thẩm tra để thẩm tra, thẩm định thiết kế công trình còn bị hạn chế, tồn tại. Lý do là vì Sở Công Thương và Chủ đầu tư các DATĐ chưa nắm bắt được đầy đủ, chính xác thông tin về năng lực và kinh nghiệm thực sự của chuyên gia, đơn vị tư vấn; chưa có chuyên môn để lựa chọn được chuyên gia, đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm hoặc đưa ra yêu cầu đầy đủ về nội dung cần thẩm tra cũng như đánh giá chất lượng kết quả thực hiện của chuyên gia, đơn vị tư vấn thẩm tra.

- Do không đủ năng lực chuyên môn nên một số Sở Công Thương đã và đang đề nghị Bộ Công Thương giúp đỡ hoặc hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ được giao theo phân cấp hiện nay như: Thẩm định thiết kế, kiểm tra công tác nghiệm thu,...

- Kinh phí chi trả cho các chuyên gia hoặc đơn vị tư vấn thẩm tra có kinh nghiệm còn thấp, hơn nữa hầu hết các DATĐ là thuộc khu vực miền núi, đi lại khó khăn, cách xa các trung tâm thành phố (hầu hết các đơn vị tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm thì chủ yếu ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang,...) nên không thực sự quan tâm đến việc thẩm tra do kinh phí cho công tác này không nhiều, trong khi phải chi phí cho việc đi lại, ăn ở,... phục vụ khảo sát, thu thập tài liệu, báo cáo kết quả thẩm tra.

*c) Công tác an toàn đập, hồ chứa, thực hiện quản lý an toàn đập và an toàn vận hành các công trình thủy điện*

\* Về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước

Theo báo cáo và kiến nghị của Bộ Công Thương về công tác quản lý, vận hành an toàn, hiệu quả công trình thủy điện, trên cơ sở những vướng mắc, bất cập trong công tác vận hành hồ chứa và quản lý an toàn đập thủy điện; căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan có liên quan, gần đây, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước (thay thế Nghị định thay thế Nghị định số 72/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ), đảm bảo khắc phục hết những tồn tại của Nghị định này cho phù hợp với thực tiễn; xây dựng cơ sở pháp lý liên quan đến việc xác định, quản lý, bảo vệ hành lang thoát lũ của các hồ chứa và lưu vực sông. Hiện nay Chính phủ đang tiếp tục chỉ đạo Bộ Công Thương khẩn trương sửa đổi Thông tư 34/2010/TT-BCT ngày 07 tháng 10 năm 2010 quy định chi tiết về quản lý an toàn đập thủy điện và các văn bản hướng dẫn cụ thể việc xây dựng các tình huống vỡ đập để sớm ban hành.

\* Về công tác kiểm tra

Từ đầu năm 2018 đến nay, Bộ Công Thương đã chủ trì và phối hợp với UBND các tỉnh: Gia Lai, Lào Cai, Điện Biên, Lâm Đồng, Quảng Trị, Hà Giang, Đắk Lắk; Báo Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn điện và đập, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường tại 10 công trình thủy điện, gồm Tà Thàng, Trung Thu, Nậm Mực, Ankroet, Lộc Phát, Bắc Mê, Sông Miện 5A, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Hạ Rào Quán. Đồng thời, Bộ Công Thương đã ban hành Công văn số 1893/BCT-ATMT ngày 14 tháng 3 năm 2018 chỉ đạo các chủ đập thực hiện công tác quản lý an toàn đập thủy điện, cập nhật thông tin thủy văn vận hành hồ chứa thủy điện, giao Sở Công Thương các tỉnh kiểm tra công tác quản lý an toàn đập, vận hành hồ chứa thủy điện trên địa bàn.

\* Về công tác thanh tra

Năm 2018, Thanh tra Bộ Công Thương đã phối hợp với Sở Công Thương tỉnh Tuyên Quang đã thanh tra được 01 đơn vị (Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Quốc tế: Nhà máy thủy điện ICT Chiêm Hoá trong công tác

quản lý an toàn đập thủy điện Chiêm Hoá), đơn vị còn lại (Công ty Cổ phần thủy điện Hoàng Anh Thanh Hoá trong công tác quản lý an toàn đập Bá Thước 2) dự kiến thanh tra trong tháng 10/2018 và đăng ký thanh tra công tác quản lý an toàn đập của 02 chủ đập.

\* Về xử lý các hành vi vi phạm

Tháng 3 năm 2018, Bộ Công Thương đã xử phạt vi phạm hành chính 60.000.000 đồng đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh do đã thực hiện hành vi tích nước hồ chứa Vĩnh Sơn B không đúng quy định tại Quy trình vận hành hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn đã được ban hành kèm theo Quyết định số 74/QĐ-BCT ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra do Bộ Công Thương thực hiện và báo cáo của các Sở Công Thương tính đến tháng 10 năm 2018, hiện trạng an toàn đập của hồ chứa thủy điện trên địa bàn cả nước như sau:

- Đăng ký an toàn đập: Có 345/345 đập được chủ đập thực hiện theo đúng quy định.
- Báo cáo hiện trạng an toàn đập: Có 345/345 đập được chủ đập thực hiện theo đúng quy định.
- Bảo trì, kiểm tra, sửa chữa đập: Có 310/345 đập được chủ đập thực hiện theo đúng quy định, 35 đập đang được chủ đập lập quy trình bảo trì.
- Kiểm định đập: Có 245/345 đập đã đến kỳ kiểm định, trong đó có 203 đập đã được kiểm định xong và được Tư vấn kiểm định đánh giá đập vận hành an toàn, ổn định; 42 đập đang được chủ đập thực hiện công tác kiểm định.
- Xây dựng phương án phòng chống lụt bão bảo đảm an toàn đập: Năm 2018 có 315/345 đập có phương án được phê duyệt, 30 đập đang được chủ đập xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Xây dựng phương án phòng chống lũ lụt vùng hạ du đập: 302/345 đập có phương án được phê duyệt, 43 đập đang được chủ đập xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Xây dựng phương án bảo vệ đập: 307/345 đập có phương án được duyệt, 38 đập đang được xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Riêng đối với 05 hồ thủy điện lớn trên bậc thang sông Đà (Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Huội Quảng, Bản Chát) hàng năm được Hội đồng An toàn hệ thống thủy điện trên bậc thang Sông Đà được thành lập theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì kiểm tra, đánh giá về an toàn đập. Năm 2018, tại Thông báo số 2190/BKHCN-CNN ngày 17 tháng 7 năm 2018, Hội đồng An toàn hệ thống thủy điện trên bậc thang Sông Đà đánh giá các đập của hồ chứa trên làm việc an toàn, ổn định.



Nhìn chung, các nhà máy thủy điện được kiểm tra đều rất cố gắng và ý thức đầy đủ việc tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Các NMTĐ đã cơ bản đã tuân thủ quy định của pháp luật đối với việc thí nghiệm, kiểm tra các trang thiết bị điện, trang bị an toàn điện, kiểm định thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; cấp phát đủ trang bị an toàn; xây dựng và ban hành các quy trình, nội quy về an toàn đáp ứng được yêu cầu vận hành an toàn công trình,... Từ năm 2016 đến thời điểm kiểm tra, không đơn vị nào để xảy ra tai nạn lao động;

- Thực hiện việc đăng ký an toàn đập, báo cáo hiện trạng an toàn đập, kiểm định đập, kiểm tra, duy tu đập và thiết bị vận hành đập theo đúng quy định; bố trí vật tư dự phòng phù hợp với phương án được duyệt, bố trí máy phát điện diesel dự phòng và phương tiện liên lạc bảo đảm phục vụ công tác quản lý vận hành; phê duyệt các phương án phòng chống lụt bão bảo đảm an toàn đập, bảo vệ đập và phòng chống lũ lụt cho vùng hạ du đập; có quy chế phối hợp với địa phương trong công tác phòng chống lụt bão.

- Đã xây dựng kế hoạch bảo trì các hạng mục công trình theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; công tác quản lý hồ sơ kỹ thuật của đập có đầy đủ hồ sơ theo quy định, thuận tiện tra cứu.

- Đã có quy trình vận hành (QTVH) được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện nghiêm túc quy định, thông báo hiệu lệnh trước khi xả nước qua tràn và phát điện theo quy định tại Quy trình.

- Hiện trạng các đập được vệ sinh sạch sẽ và hành lang thoát lũ không bị lấn chiếm để sản xuất, không có nhân dân sinh sống.

- Hầu hết các nhà máy thủy điện đều đã có phương án phòng cháy chữa cháy được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, các đơn vị đã phối hợp tốt với Công an phòng cháy chữa cháy địa phương trong việc huấn luyện nghiệp vụ cho lực lượng phòng cháy chữa cháy của đơn vị, tổ chức diễn tập phòng cháy chữa cháy theo quy định; hàng năm đều được Công an phòng cháy chữa cháy địa phương kiểm tra và đã chấp hành đầy đủ các yêu cầu của Đoàn kiểm tra về PCCC địa phương, từ năm 2016 đến thời điểm kiểm tra không xảy ra cháy nổ.

Tuy nhiên, một số nhà máy thủy điện vẫn còn một số thiếu sót cần khắc phục như: Số lượng và tiêu chuẩn của Trường ca vận hành còn chưa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định; báo cáo duy trì điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực và báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh chưa kịp thời, việc cấp số liệu cho Đơn vị điều hành hệ thống điện và thị trường điện (cấp số liệu trước ngày 01 tháng 9 hàng năm). Về các thiếu sót nêu trên, Đoàn kiểm tra đã nhắc nhở đơn vị được kiểm tra thực hiện nộp các Báo cáo theo quy định; khắc phục các nội dung chưa thực hiện theo quy định; giải trình các nội dung chưa tuân thủ quy định của pháp

luật được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra (thời hạn hoàn thành: sau 30 ngày kể từ ngày kiểm tra).

Để đảm bảo vận hành an toàn các hồ, đập thủy điện, hiện nay Bộ Công Thương đang tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra việc tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, phương án phòng chống lụt bão, quy trình bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị vận hành trên tuyến đập (các thiết bị như cửa van tràn, cửa lấy nước, cửa xả đáy,...), đặc biệt là các nhà máy thủy điện tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên, đây là khu vực thường xuyên xảy ra lũ lụt trong mùa mưa lũ hàng năm, nhằm phát huy tối đa năng lực cắt, giảm lũ của công trình và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến hạ du.

*d) Thực hiện phương án trồng rừng thay thế, chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng*

**\* Công tác trồng rừng thay thế**

Theo số liệu báo cáo số 6676/BC-BNN-TCNL ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Bộ NN&PTNT, tính đến thời điểm tháng 7 năm 2018, công tác trồng rừng thay thế tại các DATĐ sau khi rà soát trên địa bàn cả nước như sau:

- Tổng diện tích phải trồng bù rừng là 22.319 ha (của 332 DATĐ); diện tích đã trồng bù rừng là 24.803 ha, 30 tỉnh, 303 DATĐ, đạt 111% so với diện tích phải trồng thay thế. Như vậy, tính tổng thể trên phạm vi cả nước, đã cơ bản hoàn thành NQ62 của Quốc hội khóa XIII, trong đó, một số tỉnh trồng vượt diện tích phải trồng như: Lai Châu vượt 2.908 ha, Thanh Hóa trồng vượt 3.606 ha, Nghệ An trồng vượt 435 ha. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn 10 tỉnh với 29 DATĐ chưa trồng bù rừng gồm: Sơn La (384,8 ha), Thừa Thiên Huế (260,7 ha), Yên Bái (90 ha), Bình Phước (50,8 ha), Gia Lai (52,56 ha), Cao Bằng (22,6 ha), Bắc Kạn (21,5 ha), Đắk Nông (14,7 ha), Lào Cai (5 ha), Phú Yên (1,9 ha).

- Lũy kế đến hết tháng 7 năm 2018, cả nước đã thu được 1.355,5 tỷ đồng tiền trồng rừng thay thế (trong đó Quỹ Trung ương thu là 3,99 tỷ đồng, Quỹ địa phương thu là 1.351,51 tỷ đồng), đạt 85%. Số tiền đã giải ngân là 705,4 tỷ đồng, đạt 50,4% số tiền đã thu, số tiền phải giải ngân để chăm sóc, bảo vệ rừng đã trồng trong những năm tiếp theo là 481,5 tỷ đồng; tổng số diện tích đã trồng từ nguồn trồng rừng thay thế là 28.147 ha, trong đó năm 2013-2016 là 22.923 ha, năm 2017 là 5.191 ha và năm 2018 là 34 ha.

Qua các đợt kiểm tra và làm việc với UBND các tỉnh, nhận thấy hầu hết Chủ đầu tư DATĐ hiện nay đều đã nhận thức đúng đắn và chấp hành tốt công tác trồng bù rừng thay thế đúng theo yêu cầu của Quốc hội. Đối với các Chủ đầu tư DATĐ không thực hiện nghiêm túc trồng rừng thay thế theo quy định, Bộ Công Thương sẽ xem xét để thu hồi Giấy phép hoạt động điện lực theo đúng chủ trương tại NQ11 của Chính phủ.

**\* Công tác chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR)**

Theo thống kê của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Trung ương - Bộ NN&PTNT, kế hoạch thu tiền thu DVMTR của các cơ sở sản xuất thủy điện năm 2018 là 2.250,743 tỷ đồng, tính đến ngày 20 tháng 9 năm 2018 đã thu được số tiền là 1.730,658 tỷ đồng, đây là nguồn tài chính bền vững, giảm áp lực chi ngân sách nhà nước cho ngành lâm nghiệp. Tổng kết của Bộ NN&PTNT cho thấy, trong giai đoạn 5 năm 2011 - 2015, tiền DVMTR hàng năm thu bình quân là 1.200 tỷ đồng, số tiền này tương đương với 22% tổng đầu tư bình quân năm của toàn xã hội cho ngành lâm nghiệp, trong đó chủ yếu là thu từ các cơ sở sản xuất thủy điện (thủy điện chiếm 97,1% tổng thu DVMTR các loại dịch vụ).

Số tiền chi trả cho các chủ rừng để tổ chức quản lý bảo vệ rừng (khoảng 6 triệu ha) chiếm khoảng 42% tổng diện tích rừng của toàn quốc, số vụ vi phạm Luật bảo vệ rừng và phát triển rừng, diện tích rừng bị thiệt hại trong giai đoạn 2011 - 2015 giảm lần lượt là 32,9% và 58,2% so với giai đoạn 2006 - 2010. Mặt khác, chính sách chi trả DVMTR đã góp phần rất lớn trong việc tăng thu nhập cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng. Cụ thể hiện nay có khoảng hơn 500 ngàn hộ gia đình, cộng đồng được nhận tiền chi trả DVMTR qua hình thức chi trả trực tiếp và chi trả qua nhận khoán, nguồn thu từ DVMTR bình quân cả nước khoảng 2 triệu đồng/hộ/năm, đã góp phần nâng cao thu nhập giúp giảm khó khăn trong cuộc sống cho đồng bào, đây là nguồn thu quan trọng cho các hộ gia đình nghèo ở vùng sâu, vùng xa.

Ngoài những kết quả đáng khích lệ nêu trên, hiện nay vẫn còn một số ít Chủ đầu tư NMTĐ nhỏ chưa thực hiện việc chi trả đúng quy định, còn nợ đọng DVMTR với lý do tình hình tài chính còn khó khăn. Hiện nay, Bộ Công Thương đang tiếp tục chủ trì tổ chức các Đoàn kiểm tra việc thi hành pháp luật về việc duy trì điều kiện cấp giấy phép hoạt động điện lực lĩnh vực phát điện, trong đó có việc thực hiện nghĩa vụ chi trả tiền DVMTR, các đơn vị phát điện còn nợ tiền DVMTR sẽ được lập danh sách theo dõi, yêu cầu khẩn trương hoàn thành nghĩa vụ chi trả DVMTR, nếu không hoàn thành sẽ xem xét thu hồi hoặc chưa cấp Giấy phép hoạt động điện lực.

*đ) Công tác lập và thực hiện Quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa và các tác động của việc điều tiết hồ chứa đối với vùng hạ du*

**\* Về xây dựng, phê duyệt và vận hành theo quy trình liên hồ, đơn hồ**

QTVH các hồ chứa thủy điện được xây dựng và ban hành căn cứ vào nhiệm vụ công trình đã được luận chứng kinh tế - kỹ thuật và phù hợp với quy hoạch lưu vực sông và quy hoạch bậc thang thủy điện. Các thông số đầu vào để xây dựng QTVH là kết quả của các nghiên cứu tổng thể về kinh tế - kỹ thuật, môi trường - xã hội. Theo đó, tùy thuộc vào từng loại hình hồ chứa và công trình tràn, chế độ tích nước và xả lũ được quy định cụ thể theo đặc thù riêng.

Quan điểm chủ đạo khi xây dựng QTVH là đảm bảo an toàn cho hạ du, trong đó vận hành phải ưu tiên đảm bảo an toàn tuyệt đối cho công trình và đảm bảo tính linh hoạt cho người điều hành trực tiếp; trên cơ sở các quy định ràng buộc trong

QTVH, đưa ra kế hoạch vận hành chi tiết với từng trường hợp cụ thể để điều tiết đáp ứng các nhiệm vụ của công trình. Nguyên tắc cơ bản về điều tiết lũ được quy định cho tất cả các công trình thủy điện là không làm gia tăng lưu lượng đỉnh lũ. Cụ thể là, trong mọi trường hợp vận hành bình thường từ thời điểm lũ vào hồ đến khi đạt đỉnh, việc mở các cửa van đập tràn phải tiến hành lần lượt để lưu lượng xả qua các tổ máy phát điện và đập tràn không được lớn hơn lưu lượng tự nhiên vào hồ.

Bên cạnh đó, các QTVH đều quy định cụ thể về công tác chuẩn bị phòng, chống lụt bão cũng như quan trắc, bảo dưỡng để đảm bảo công trình vận hành chống lũ an toàn. Việc thông báo cho chính quyền và nhân dân địa phương sinh sống tại khu vực hạ lưu công trình trước khi xả lũ cũng được quy định cụ thể trong QTVH với nhiều hình thức như hiệu lệnh còi, văn bản, điện thoại, fax, thư điện tử,... cho từng trường hợp vận hành. Ngoài ra, QTVH cũng quy định cụ thể trách nhiệm phối hợp giữa chủ đập và chính quyền địa phương, đặc biệt là cơ quan PCTT&TKCN tại địa phương trong quá trình vận hành xả lũ.

Theo Quyết định số 285/2006/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định về nội dung, thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện QTVH hồ chứa thủy điện, các chủ đầu tư/đơn vị quản lý vận hành hồ chứa thủy điện có trách nhiệm xây dựng, hiệu chỉnh QTVH đơn hồ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định sau: (i) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt QTVH các hồ chứa thủy điện có tầm quan trọng đặc biệt mà chế độ điều tiết hồ chứa có tác động nghiêm trọng đến an toàn đê điều và các hoạt động kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc có ảnh hưởng đến các quốc gia láng giềng; (ii) Bộ Công Thương phê duyệt QTVH hồ chứa thủy điện có dung tích từ 1 triệu m<sup>3</sup> trở lên, trừ hồ chứa thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ; (iii) UBND tỉnh phê duyệt QTVH hồ chứa thủy điện còn lại.

Hiện 341/345 hồ chứa đã có QTVH được thẩm định, phê duyệt, cụ thể:

- Thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng: Có 05 hồ (Sơn La, Hòa Bình, Tuyên Quang, Srêpôk 4 và Sê San 4A), Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt QTVH 01 hồ (Sê San 4A) và ủy quyền Bộ Công Thương (Công văn số 5755/VPCP-KTN ngày 01/9/2008 của Văn phòng Chính phủ) phê duyệt QTVH 04 hồ còn lại, hiện Bộ Công Thương đã phê duyệt QTVH 01 hồ theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ (Srêpôk 4) và đang thẩm định QTVH 03 hồ Sơn La, Hòa Bình, Tuyên Quang.

- Thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương: Có 221 hồ, hiện Bộ Công Thương đã phê duyệt QTVH của 221 hồ, trong đó có 30 hồ đã được chủ đập rà soát, hiệu chỉnh và trình Bộ Công Thương thẩm định, ban hành lại. Hiện Bộ Công Thương đang thẩm định và xin ý kiến các cơ quan liên quan trước khi ban hành.

- Thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh: Có 119 hồ, hiện UBND tỉnh đã phê duyệt QTVH của 86 hồ, còn 04 hồ thủy điện nhỏ đang được chủ đập xây dựng QTVH trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Theo quy định tại Quyết định số 1879/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các hồ thủy lợi, thủy điện trên lưu vực sông phải xây dựng QTVH liên hồ chứa, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng QTVH liên hồ chứa của 11 lưu vực sông (sông Hồng, sông Mã, sông Cả, sông Hương, sông Vu Gia - Thu Bồn, sông Trà Khúc, sông Kôn - Hà Thanh, sông Ba, sông Sê San, sông Srepok và sông Đồng Nai) với 68 hồ thủy điện.

Hiện Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng và sửa đổi, bổ sung và Thủ tướng Chính phủ đã quyết định ban hành 11 QTVH liên hồ trên.

Các QTVH liên hồ quy định đầy đủ, chặt chẽ sự phối hợp giữa chủ hồ với chủ hồ, giữa các chủ hồ với các cơ quan có liên quan trong việc vận hành hồ chứa bảo đảm khai thác an toàn, hiệu quả tài nguyên nước trên 11 lưu vực sông.

\* Đánh giá việc thực hiện vận hành hồ chứa thủy điện

Hầu hết các Chủ đập đã đánh giá Quy trình phê duyệt đã phù hợp với pháp luật hiện hành, thực tế và điều kiện khí tượng thủy văn, địa hình hành lang thoát lũ,...

Trong thời gian qua, việc vận hành công trình theo QTVH nhìn chung đã được các Chủ đập thủy điện tuân thủ về nguyên tắc xả lũ, thao tác, phương thức vận hành các cửa van đập tràn, công tác chuẩn bị phòng, chống lụt, bão và chế độ thông tin, báo cáo cho địa phương. Đặc biệt, một số đơn vị mặc dù mới quản lý vận hành công trình nhưng đã có nỗ lực trong việc thực hiện, tuân thủ quy trình. Các chủ đập đã phối hợp chặt chẽ với địa phương, trước khi xả lũ đều thực hiện theo đúng quy định và chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng để dự báo thủy văn cho công trình. Nhiều đơn vị đã chủ động phối hợp với địa phương xây dựng các quy định về thông báo và ứng xử với từng trường hợp cụ thể, thiết lập hệ thống cảnh báo xả lũ dọc sông tại các vị trí cần thiết, chủ động đề xuất để tham gia vào Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão của địa phương và mời đại diện của địa phương tham gia Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão của nhà máy (như các hồ A Vương, Sông Tranh 2 trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn; các hồ Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpôk 3 trên lưu vực sông Srêpôk...)

Trên cùng lưu vực sông lớn, các Chủ đập đã chủ động phối hợp với chính quyền địa phương cùng xây dựng và thống nhất Quy chế phối hợp, chương trình hành động và quy chế chung trong công tác vận hành xả lũ, tổ chức dự báo và đo đạc các yếu tố khí tượng, thủy văn phục vụ công tác vận hành hồ. Các hồ chứa lớn cơ bản đã lắp đặt và vận hành hiệu quả hệ thống cảnh báo hạ du khi điều tiết lũ, phát điện. Phần lớn các đơn vị đã xây dựng quy chế chia sẻ thông tin giữa các công trình trên cùng bậc thang và Ban Chỉ huy PCTT&TKCN của tỉnh.

Ngoài ra, phần lớn các hồ chứa thủy điện lớn ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên đã lắp đặt hệ thống tự động thu thập thông tin vận hành truyền về Ban Chỉ huy PCTT&TKCN của tỉnh. Đây là giải pháp rất hiệu quả trong việc chủ động thu thập số liệu vận hành của các công trình trên bậc thang, kịp thời đưa ra những quyết định phù hợp trong quá trình vận hành. Đặc biệt như các hồ chứa thủy điện Bình Điền, Hương Điền, A Lưới ở tỉnh Thừa Thiên Huế đều thường xuyên thông báo

công tác điều tiết nước hồ về Ban chỉ huy PCTT&TKCN và Sở Công Thương giúp cho địa phương chủ động điều hành việc điều tiết các hồ trên địa bàn giảm lũ có hiệu quả, đây là mô hình tốt trong điều hành chống lụt bão.

Căn cứ QTVH đơn hồ và liên hồ được duyệt và các Quy chế phối hợp giữa các chủ đập trên cùng bậc thang và giữa các chủ đập với địa phương, đa số chủ đập đã thực hiện đầy đủ thông tin về thông báo và thời gian thông báo cho cơ quan địa phương, các đơn vị liên quan trước và trong quá trình xả lũ. Trong phối hợp vận hành giữa các công trình trên cùng một lưu vực sông, tất cả các đơn vị đều tuân thủ nghiêm túc quy định về thông báo thông tin vận hành cho các Chủ đập ở phía hạ du.

Sự phối hợp trao đổi thông tin, số liệu về khí tượng, thủy văn, mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, dự kiến lưu lượng xả, thời gian xả giữa các Chủ đập, đơn vị dự báo và cơ quan ra quyết định lệnh vận hành trong quản lý, vận hành, khai thác công trình đập, hồ chứa nước đa mục tiêu đã được phối hợp theo QTVH liên hồ chứa. Việc kết nối, truyền dữ liệu tự động từ các hồ chứa về các đơn vị dự báo, đơn vị điều hành theo phương thức: fax, email, công văn.

Hầu hết các vị quản lý vận hành đã nghiêm túc vận hành theo quy trình đã được phê duyệt, đảm bảo an toàn hồ đập, góp phần nâng cao hiệu quả chống lũ, giảm lũ cho hạ du, cấp nước cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt, góp phần quan trọng trong hiệu quả phát điện. Các Chủ đầu tư thủy điện đã chủ động phối hợp với các công trình thủy điện, thủy lợi và cơ quan địa phương xây dựng quy chế phối hợp trong vận hành hồ chứa, nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, tác động tiêu cực đến hạ du. Trong đợt lũ năm 2016 ở khu vực miền Trung, Tây Nguyên, với các biện pháp điều hành của địa phương các nhà máy thủy điện xả lũ tuy không cắt được lũ nhưng đã tạo điều kiện để giảm đỉnh lũ, thậm chí thay đổi thời điểm đạt đỉnh lũ ở hạ du ở lưu vực sông Ba.

Đặc biệt, ở các lưu vực sông Vu Gia - Thu bồn, sông Ba các NMTĐ đã đảm bảo hài hòa giữa lợi ích phát điện và nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp ở hạ du. Tại địa phương đã chủ động tính toán và phối hợp với chủ đập thủy điện xây dựng kế hoạch xả nước phù hợp với tình hình thời tiết và nguồn nước tại hồ chứa thủy điện. Qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng nước mùa cạn từ năm 2013 đến nay và đã được UBND tỉnh Quảng Nam đánh giá cao.

Tuy nhiên, qua kiểm tra, vẫn còn một số tồn tại trong QTVH và thực hiện vận hành hồ chứa thủy điện như sau:

- Việc quy định thời gian thông báo trước khi xả lũ trong QTVH phải linh hoạt và khả thi, quy định thời gian thông báo trước quá dài sẽ không chính xác, gây hoang mang, mất niềm tin và tổn kém cho nhân dân vùng hạ du nếu lũ không xảy ra như dự báo; ngược lại, nếu quá ngắn sẽ mất an toàn cho vùng hạ du.

- Công tác tuyên truyền, nâng cao năng lực với ứng xử với lũ, lụt; tăng cường sự phối hợp của nhân dân và các đơn vị chức năng ở hạ du; xây dựng bản đồ ngập lụt ở hạ du; chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng, chống lũ lụt phù hợp với năng lực cắt giảm lũ của các công trình thủy lợi, thủy điện trên lưu vực còn nhiều bất cập.

- Số liệu dự báo của các Đài khí tượng thủy văn khu vực và địa phương còn chưa kịp thời hoặc độ chính xác chưa đảm bảo nên việc chỉ đạo, vận hành xả lũ và chủ động chống lũ cho hạ du còn hạn chế.

- Công tác phối hợp giữa giữa một số Chủ đập với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp tỉnh và các cơ quan liên quan ở địa phương chưa thật sự chặt chẽ còn nhiều bất cập; quy chế phối hợp thông báo, cảnh báo lũ chưa cụ thể. Chưa quy định cụ thể phương thức liên lạc, cung cấp thông tin, báo cáo, trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong việc phối hợp phòng, chống lũ lụt cho vùng hạ du đập.

- Phương thức thông tin, báo cáo vận hành công trình ở một số công trình chưa tuân thủ chặt chẽ: Các lệnh, ý kiến chỉ đạo, kiến nghị, trao đổi có liên quan đến việc vận hành và chống lũ của hồ chứa thủy điện phải thực hiện bằng văn bản, đồng thời bằng fax, thông tin trực tiếp qua điện thoại, thư điện tử, sau đó văn bản gốc được gửi để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý. Một số hồ chứa chỉ gọi điện thông báo nhưng không lưu được nội dung chỉ đạo điều hành.

- Công tác tổ chức tập huấn và tuyên truyền cho nhân dân ở những khu vực bị ảnh hưởng phía hạ lưu về những quy định xả lũ để hiểu và chủ động phòng tránh thiệt hại chưa được chú trọng đúng mức ở nhiều công trình thủy điện.

- Năng lực của cán bộ vận hành công trình và cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương còn nhiều hạn chế, tại một số công trình thủy điện còn thiếu cán bộ vận hành có kinh nghiệm hoặc chưa được trang bị đầy đủ kiến thức vận hành.

- Nhiều cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương thiếu cán bộ chuyên môn cần thiết hoặc chưa đáp ứng yêu cầu, cá biệt một số cán bộ chuyên trách của cơ quan chịu trách nhiệm về phòng, chống lụt, bão tại địa phương không đủ năng lực, không nắm được thông tin về công trình cũng như nội dung của QTVH hồ chứa thủy điện trên địa bàn, do đó hiệu quả của công tác quản lý, kiểm tra vận hành hồ chứa và phòng, chống lụt, bão còn hạn chế.

Qua xem xét báo cáo của Chủ đập, địa phương và kiểm tra, đánh giá của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương cho thấy, một số nhà máy còn có thời điểm chưa tuân thủ đúng các quy định vận hành (xả lưu lượng tối thiểu cho hạ du; thực hiện việc thông tin, thông báo; lắp đặt hệ thống thông báo, cảnh báo xả lũ, xả nước phát điện, lắp đặt hệ thống quan trắc mưa, lưu lượng,...) như thủy điện Hồ Hô, Vĩnh Sơn 5, Nà Lò, Bắc Khê 1, Đak Mi 4,... Bộ Công Thương đã phối hợp với địa phương chỉ đạo các nhà máy này thực hiện nghiêm túc, kịp thời theo đúng quy định.

Trong thời gian tới, Chính phủ sẽ chỉ đạo Bộ Công Thương tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan để triển khai thực hiện tốt NQ62 trong lĩnh vực thủy điện; kiên quyết chỉ đạo, xử lý các trường hợp vi phạm hoặc không thực hiện nghiêm túc các quy định hiện hành về vận hành hồ chứa theo đúng quy định.

*e) Công tác rà soát hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực thủy điện*

\* Phương hướng và nhiệm vụ

Trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật trong lĩnh vực thủy điện và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cũng như thực trạng hoạt động xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong ngành Công Thương nói chung và lĩnh vực thủy điện nói riêng, Bộ Công Thương đã giao Vụ Khoa học và Công nghệ phân tích và lựa chọn phương pháp triển khai thực hiện nhiệm vụ. Theo đó, việc rà soát, đánh giá hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành trong lĩnh vực thủy điện (sau đây viết tắt là tiêu chuẩn, quy chuẩn) được thực hiện trên cơ sở 03 tiêu chí sau:

(1) Sự đầy đủ của hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn trong việc đáp ứng nhu cầu thực tế trong hoạt động thiết kế, đầu tư xây dựng và quản lý khai thác vận hành các công trình thủy điện;

(2) Sự phù hợp, tính khả thi giữa các nội dung của tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với các hoạt động áp dụng trên thực tế trong quá trình thiết kế, đầu tư xây dựng và quản lý khai thác vận hành các công trình thủy điện;

(3) Tính thống nhất giữa hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong lĩnh vực thủy điện.

Với 03 tiêu chí nêu trên, căn cứ vào tiến độ chung đã được Bộ trưởng phê duyệt tại Quyết định số 396/QĐ-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2017, công tác rà soát được triển khai thực hiện theo 03 bước với tiến độ cụ thể như sau:

Bước 1 (Đánh giá sơ bộ): Tiến hành rà soát, đánh giá trên cơ sở các báo cáo, kết quả nghiên cứu, đánh giá rà soát và tài liệu có liên quan đã được tiến hành, chủ yếu dựa trên kết quả rà soát đã được thực hiện trong năm 2014

Bước 2 (Cập nhật thông tin và đánh giá, phân tích chuyên sâu): Trên cơ sở các kết quả rà soát, đánh giá sơ bộ tại bước 1, xây dựng mẫu báo cáo gửi các chủ đầu tư, các chủ đập thủy điện, cơ quan tư vấn thiết kế thủy điện để cập nhật, cụ thể và chính xác một số thông tin cần làm rõ thêm. Bên cạnh đó, tiến hành các phân tích, đánh giá chuyên sâu đối với từng nội dung về tiêu chuẩn, quy chuẩn trong các giai đoạn từ quy hoạch, thiết kế, thi công xây dựng và vận hành. Dự kiến kết thúc vào tháng 12 năm 2018.

Bước 3 (Xây dựng và hoàn thiện báo cáo): Trên cơ sở các kết quả rà soát, đánh giá, tiến hành xây dựng và hoàn thiện báo cáo, cụ thể:

- Xây dựng và hoàn thiện, trình thẩm định dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy điện vào tháng 12 năm 2018.

- Báo cáo tổng thể kết quả đánh giá hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực thủy điện. Dự kiến kết thúc vào cuối tháng 6 năm 2019.

\* Kết quả thực hiện

Trên cơ sở các tiêu chí và phương pháp tiếp cận nêu trên, Bộ Công Thương đã ban hành Công văn số 5768/BCT-KHCN ngày 26 tháng 6 năm 2014 về rà soát hệ



thông tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực thủy điện gửi đến 03 Tập đoàn, 06 Công ty Tư vấn thiết kế trong lĩnh vực thủy điện và 43 chủ đập thủy điện trên toàn quốc.

Ngoài ra, Bộ Công Thương cũng đã thành lập Tổ chuyên gia để rà soát và hoàn thiện dự thảo Quy chuẩn về công trình thủy điện tại Quyết định số 2413/QĐ-BCT ngày 04 tháng 7 năm 2018. Theo đó, Tổ chuyên gia đã rà soát các văn bản pháp luật (Luật Xây dựng và các Văn bản pháp luật về quản lý chất lượng xây dựng công trình được ban hành, dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định về quản lý an toàn đập đã được hoàn thiện và đang trình Chính phủ...) đã xây dựng, hoàn thiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy điện hiện đang xin ý kiến rộng rãi các cơ quan, đơn vị có liên quan; Ban hành Văn bản số 7494/BCT-KHCN ngày 17 tháng 9 năm 2018 xin ý kiến góp ý dự thảo quy chuẩn nói trên gửi đến 275 đơn vị gồm: 5 Bộ, ngành; 38 Sở Công Thương các tỉnh có thủy điện; 152 các chủ đập thủy điện trên toàn quốc; 72 Công ty tư vấn thiết kế trong lĩnh vực thủy điện; 8 Hiệp hội, Hội và các Trường đại học liên quan; đăng nội dung dự thảo trên trang thông tin điện tử của Bộ Công Thương để lấy ý kiến góp ý.

Kết quả rà soát cho thấy, từ trước đến nay công tác khảo sát, thiết kế, thi công, nghiệm thu xây dựng và quản lý vận hành công trình hồ đập thủy điện đang áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chung về thủy lợi và kỹ thuật điện. Các quy định kỹ thuật mang tính đặc thù riêng của các công trình thủy điện cũng đã được biên soạn lồng ghép trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật lợi và kỹ thuật điện. Một số công trình có tầm quan trọng đặc biệt như thủy điện Sơn La, Lai Châu đã xây dựng tiêu chuẩn dùng riêng (TCXDVN 335:2005: Công trình thủy điện Sơn La - Tiêu chuẩn thiết kế kỹ thuật). Một số nội dung đang được quan tâm như các quy định về tính toán động đất và các công nghệ mới, tiên tiến trong thiết kế, thi công đập thủy điện cũng đã được đề cập trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn.

Theo báo cáo từ cơ sở, hiện nay trong quá trình thiết kế, thi công và vận hành các công trình thủy điện, các đơn vị đang áp dụng khoảng trên 350 quy chuẩn, tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật, trong đó hơn 50% là các tiêu chuẩn của nước ngoài, chủ yếu tập trung vào phần thiết bị công nghệ. Nhìn chung, theo đánh giá của các chuyên gia và báo cáo rà soát của các đơn vị, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành phục vụ công tác khảo sát, thiết kế, thi công, nghiệm thu xây dựng và quản lý vận hành công trình hồ đập thủy điện là tương đối đầy đủ, phù hợp trong các bộ môn chuyên ngành và cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu trong thực tế. Tuy nhiên, như đã nêu ở trên, do được kết cấu chung với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thủy lợi và kỹ thuật điện nên tính hệ thống của các quy định về thủy điện không cao, còn rời rạc, khó theo dõi.

Trong các năm gần đây, các văn bản pháp luật về xây dựng, thủy lợi môi trường, được xây dựng đã được chỉnh sửa, bổ sung và ban hành mới, như Luật xây dựng, các Văn bản pháp luật về quản lý chất lượng xây dựng công trình, Luật Thủy lợi, Nghị định về quản lý an toàn đập đã được Chính phủ ban hành nên một số nội dung trong các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn chưa phù hợp và cập nhật quy định của

văn bản pháp luật liên quan nói trên. Hơn nữa, cùng với sự phát triển nhanh chóng về công nghệ trong lĩnh vực thủy điện cũng như yêu cầu về tính cập nhật, một số tiêu chuẩn, quy chuẩn cần nghiên cứu bổ sung, thay thế.

\* Công tác đào tạo, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại các công trình thủy điện

Theo báo cáo và kết quả rà soát, đánh giá, hầu hết các đơn vị thủy điện đều nhận thức được tầm quan trọng của công tác đào tạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và đã có những chương trình đào tạo, tổ chức triển khai phù hợp với thực tế sản xuất. Công tác đào tạo, hướng dẫn áp dụng được thực hiện định kỳ (hàng quý, hàng năm) và được cập nhật thường xuyên thông qua nhiều hình thức như kết hợp trong các khóa đào tạo vận hành; kiểm tra chuyên môn; diễn tập kỹ năng; thi sát hạch, nâng bậc; đào tạo nghiệp vụ; tổ chức thảo luận và phổ biến thông tin; tham gia các hội thảo kỹ thuật, hội nghị và các khóa đào tạo chuyên ngành. Nhìn chung, công tác đào tạo, hướng dẫn áp dụng và tổ chức triển khai thực hiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại các đơn vị thủy điện đạt hiệu quả, đáp ứng được các đòi hỏi thực tế của hoạt động sản xuất, vận hành các công trình thủy điện.

Tuy nhiên, tại một số đơn vị, đặc biệt là những đơn vị quản lý các công trình thủy điện mới đưa vào khai thác, vận hành và các công trình thủy điện nhỏ, công tác đào tạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chưa được thực hiện một cách bài bản, nội dung còn hạn chế, tính chủ động trong việc cập nhật thông tin còn chưa cao.

Trong thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục rà soát, nghiên cứu hoàn thiện, chỉnh sửa, bổ sung hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực thủy điện theo tiến độ.

Trong năm 2018, Bộ Công Thương đã giao Viện Năng lượng chủ trì phối hợp với Trường Đại học Thủy lợi, Trường Đại học Xây dựng và các Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi, thủy điện có liên quan thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học với mục tiêu đánh giá tổng thể và chuyên sâu về hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực thủy điện. Đề tài sẽ hoàn thành vào tháng 6 năm 2019.

Căn cứ kết quả rà soát, đánh giá, Bộ Công Thương phối hợp với các Bộ, các đơn vị liên quan xây dựng và hoàn thiện “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy điện” nhằm chọn lọc loại bỏ những quy định không còn phù hợp hoặc quy định quá chi tiết mang tính chất đặc thù của công nghệ, tập trung vào các quy định cơ bản nhất để đảm bảo mục tiêu thiết kế, xây dựng, vận hành, khai thác hiệu quả an toàn, ổn định các công trình thủy điện. Dự kiến trình thẩm định vào tháng 12 năm 2018.

*g) Công tác bồi thường, di dân, tái định cư các Dự án thủy điện*

\* Những kết quả đạt được

Tại phần lớn các khu, điểm TĐC, các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu đã và đang được tập trung xây dựng hoàn thành, tương đối đồng bộ và tốt hơn nơi ở cũ, hình thành các điểm dân cư mới khang trang gắn với xây dựng nông thôn mới. Công tác hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất được quan tâm, sản xuất từng bước ổn định và phát triển, người dân được tiếp cận với các dịch vụ công ngày một nhiều hơn và tốt hơn đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao nhận thức, trình độ dân trí của người dân. Đời sống, sinh hoạt người dân TĐC từng bước ổn định, đang dần được cải thiện, cụ thể như sau:

- Tình hình an ninh, trật tự tại các vùng TĐC:

+ Tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo: Chính quyền các địa phương đã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Các cơ sở tiếp dân đã tiếp nhận nhiều lượt công dân đến phản ánh, kiến nghị và giải quyết các đơn đề nghị, khiếu nại, tố cáo. Các ý kiến khiếu nại, kiến nghị của người dân cơ bản đều được giải thích, trả lời cụ thể đáp ứng tâm tư, nguyện vọng của người dân. Vì vậy, đến nay không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài, chỉ có một số ít đơn thư khiếu nại, kiến nghị liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ đất trên cốt ngập, nâng cấp các công trình cơ sở hạ tầng bị xuống cấp ở một số dự án. Các nội dung kiến nghị của người dân đã và đang được các cấp, các ngành của địa phương và các chủ đầu tư tiếp thu, giải quyết, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người dân.

+ Tình hình an ninh, trật tự xã hội, công tác tôn giáo, dân tộc tại các khu, điểm TĐC được giữ vững và ổn định. Công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân nâng cao cảnh giác, tích cực đấu tranh phòng chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội được đẩy mạnh. Người dân TĐC và người dân sở tại đoàn kết giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

- Một số kết quả khác:

+ Việc xây dựng các DATĐ ngoài nhiệm vụ cung cấp điện năng để phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, chống lũ về mùa mưa và cung cấp nước về mùa kiệt cho vùng hạ du; hàng năm, các nhà máy thủy điện đang vận hành đóng góp cho ngân sách Nhà nước trên 10.000 tỷ đồng tiền thuế VAT, thuế tài nguyên nước, phí dịch vụ môi trường rừng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm việc làm và thu nhập cho người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

+ Công tác di dân, TĐC các DATĐ luôn được Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương quan tâm, chỉ đạo. Hệ thống tổ chức chỉ đạo được thành lập tương đối đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, tạo sự phối hợp thường xuyên, chặt chẽ. Các chủ đầu tư, chính quyền địa phương có nhiều nỗ lực, khắc phục khó khăn, đặc biệt có sự đồng tình ủng hộ của người dân. Do đó, công tác di dân, TĐC các DATĐ đã thực hiện hoàn thành đúng và vượt tiến độ, góp phần quan trọng vào việc xây dựng hoàn thành các DATĐ đúng tiến độ.

+ Hệ thống cơ chế, chính sách thực hiện bồi thường, hỗ trợ, di dân, TĐC các DATĐ được xây dựng, ban hành tương đối đồng bộ và thường xuyên được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với điều kiện thực tế thực hiện ở các địa phương. Đồng thời các tồn tại, khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện đã được các Bộ, ngành Trung ương kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ để tháo gỡ tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương triển khai thực hiện.

+ Công tác kiểm tra, kiểm soát quá trình thực hiện các dự án được tăng cường, tạo chuyên biến tích cực trong việc tuân thủ trình tự, thủ tục đầu tư và các quy định hiện hành của Nhà nước trong thực hiện. Công tác bồi thường, hỗ trợ được thực hiện đúng chính sách, bảo đảm dân chủ, công khai minh bạch đến cộng đồng người dân TĐC.

+ Việc lựa chọn địa điểm xây dựng các khu, điểm TĐC cơ bản phù hợp điều kiện thực tế của các địa phương và nguyện vọng của người dân. Tại phần lớn các khu, điểm TĐC, các công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ; nhà ở của người dân được xây dựng phù hợp với quy hoạch và phong tục tập quán của từng dân tộc, khang trang, tốt hơn nơi ở cũ, cơ bản đảm bảo đáp ứng được nhu cầu đi lại, sinh hoạt, sản xuất của người dân TĐC, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

+ Đời sống sản xuất và sinh hoạt của người dân TĐC từng bước ổn định; hệ thống chính trị, công tác đoàn thể, sinh hoạt văn hóa cộng đồng tại các điểm TĐC được kiện toàn. Công tác giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe được tăng cường, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập, rèn luyện và khám chữa bệnh của người dân.

#### \* Một số tồn tại

- Công tác lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết các khu, điểm TĐC còn nhiều hạn chế, chất lượng chưa cao, còn phải điều chỉnh lại nhiều lần. Nhiều điểm TĐC quy hoạch điểm dân cư chưa gắn với khu sản xuất, đất vườn quá nhỏ, không có đất ở dự phòng phát triển, diện tích đất sản xuất thực tế thiếu so với diện tích quy hoạch, chất lượng đất kém, thiếu nước sản xuất và sinh hoạt.

- Công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất còn chậm. Tại một số dự án, nhiều hộ TĐC còn thiếu đất sản xuất, đất sản xuất chưa đảm bảo chất lượng (đất dốc, bạc màu, bị xói mòn rửa trôi mạnh), thiếu nước, ảnh hưởng xấu đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân, nguy cơ tái nghèo cao, có hiện tượng người dân sau khi TĐC quay về nơi ở cũ trong vùng lòng hồ như thủy điện Bản Vẽ có 207 hộ, thủy điện Sơn La có 29 hộ, tiềm ẩn nguy cơ phá rừng phòng hộ đầu nguồn, gây mất an ninh trật tự xã hội trên địa bàn. Một số dự án chưa thực hiện được việc bồi thường, hỗ trợ đất sản xuất trên cốt ngấp của các hộ dân TĐC, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân, phát sinh khiếu nại, kiến nghị.

- Tình trạng sản xuất quy mô nhỏ, phân tán, manh mún còn phổ biến, phương thức canh tác lạc hậu, năng suất, chất lượng thấp, sức cạnh tranh không cao; các hình thức tổ chức sản xuất dù có chuyên biến, nhưng vẫn chậm đổi mới, chưa phát triển mạnh sản xuất hàng hóa; việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao còn chậm. Mặt khác, việc triển khai các phương án sản xuất, phương án đào tạo nghề và chuyển đổi nghề nghiệp còn chậm so với yêu cầu; Công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho các hộ dân TĐC chưa được triển khai sâu rộng, nên đời sống và sản xuất của người dân còn gặp nhiều khó khăn, thu nhập thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, phát triển kém bền vững.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng một số dự án chưa đồng bộ, như còn thiếu công trình phúc lợi xã hội. Công tác quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình sau khi bàn giao đưa vào sử dụng còn nhiều hạn chế như: chưa có quy chế quản lý và sử dụng công trình hoàn thành đưa vào sử dụng; không có kinh phí để duy tu, bảo dưỡng dẫn đến nhiều công trình cơ sở hạ tầng bị hư hỏng, xuống cấp nhanh, đặc biệt là các công trình cấp nước sinh hoạt, thủy lợi nhỏ và công trình giao thông trong điểm TĐC (đường giao thông loại B, giải cấp phối nên vào mùa mưa thường bị xói mòn) làm ảnh hưởng xấu đến nhu cầu đi lại, sinh hoạt và sản xuất của người dân; có nơi sạt lở gây mất an toàn.

#### 4.8. Đánh giá chung

Với tinh thần thực hiện thắng lợi NQ62 của Quốc hội trong lĩnh vực thủy điện, Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các Bộ ngành và địa phương thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ đã được giao, cụ thể:

- Bộ Công Thương với vai trò đầu mối, đã chủ động và phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành và các địa phương triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Quốc hội và Chương trình hành động của Chính phủ một cách đồng bộ, quyết liệt với các mục tiêu và nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể. Bộ Công Thương cũng đã tổ chức các Đoàn kiểm tra, rà soát, đánh giá về công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, quản lý vận hành các công trình thủy điện trên địa bàn cả nước.

- Các Bộ, ngành, địa phương đã tích cực và chủ động phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong NQ62 của Quốc hội và NQ11 của Chính phủ một cách đồng bộ và đạt hiệu quả.

- Công tác rà soát về quy hoạch, đầu tư xây dựng và vận hành khai thác các công trình thủy điện trên địa bàn cả nước đã cơ bản hoàn thành, đáp ứng các yêu cầu đề ra theo NQ62 của Quốc hội và NQ11 của Chính phủ.

- Việc thực hiện các quy định pháp luật hiện hành của Chủ đầu tư về quản lý an toàn đập, QTVH đơn hồ, liên hồ chứa, trồng rừng thay thế, chi trả DVMTR, bảo vệ môi trường, nhìn chung đã được thực hiện khá nghiêm túc.

- Công tác bồi thường, hỗ trợ, di dân, tái định cư các DATĐ trên địa bàn cả nước về cơ bản đã tuân thủ đúng các quy định hiện hành. Các Chủ đầu tư đã xây dựng các khu tái định cư cho bà con về nơi định cư mới để sớm ổn định đời sống, sản xuất.

- Công tác trồng bù rừng trong thời gian vừa qua đã được Bộ NN&PTNT phối hợp với các bộ ngành và địa phương thống nhất chỉ đạo thực hiện rất quyết liệt công tác trồng bù rừng tại các DATĐ.

- Từng bước nâng cao chất lượng trong công tác quản lý quy hoạch, chấn chỉnh các vấn đề liên quan đến lựa chọn Chủ đầu tư, đảm bảo chất lượng công trình, việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước như: Công tác di dân tái định cư, trồng bù diện tích rừng bị thu hồi, vận hành hồ chứa, an toàn hồ đập,...

- Công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng và vận hành các NMTĐ ngày càng được thực hiện một cách đồng bộ, tuân thủ quy định của pháp luật, đạt được những kết quả tích cực. Trong cơ cấu nguồn điện của hệ thống điện quốc gia hiện nay, thủy điện chiếm tỷ trọng khá lớn. Xét chung trong hệ thống điện quốc gia, các DATĐ đang vận hành chiếm tỷ trọng khoảng 40% về công suất lắp đặt và khoảng 37% về điện năng, góp phần quan trọng vào việc bảo đảm an ninh năng lượng. Theo Quy hoạch điện VII điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016, phát triển nguồn thủy điện đến năm 2020 đạt khoảng 21.600MW; năm 2025 đạt khoảng 23.400MW; năm 2030 đạt khoảng 25.400MW. Mặt khác, trong quá trình vận hành, các NMTĐ đã phối hợp chặt chẽ với ngành nông nghiệp, các cơ quan dự báo khí tượng thủy văn, các địa phương, thực hiện tốt đồng thời nhiệm vụ phát điện và nhiệm vụ cấp nước cho hạ du mùa khô, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các hồ chứa thủy điện.

- Qua công tác triển khai thực hiện NQ62 của Quốc hội và NQ11 của Chính phủ, các cấp, các ngành, đặc biệt là cấp cơ sở đến nay đã có sự chuyển biến rất tích cực về mặt ý thức, nhận thức đối với việc lập, phê duyệt quy hoạch, xây dựng và vận hành an toàn, hiệu quả các công trình thủy điện.

Chính phủ xin báo cáo Quốc hội kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2016 tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch Quốc hội;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- VPQH: HC(5b), PVHĐGS;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký của TTg và các PTTg, các Vụ: CN, KTTH, ĐMDN, Công TTĐTCP;
- Lưu: VT, QHĐP (03).NQ

**TM. CHÍNH PHỦ  
TUQ. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**



**Trần Tuấn Anh**